BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 8

* TẬP MỘT

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHẠM GIA HẢI - PHAN NGỌC LIÊN

LỊCH SỬ 8

ruongxua.vn

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ 10)

TRƯỜNG PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập lần đầu :

LÝ TRẦN QUÝ

Biên tập tái bản :

NGUYỄN HỒNG LIÊN

Trình bày bìa :

PHẠM NGỌC TỚI

Sửa bản in :

PHAN TỰ TRANG

Sắp chữ :

TRUNG TÂM CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

$\frac{9\ (075)}{GD-99}$ 767/130 - 98 Mã số: 2H805T9

thuongmaitr

Bài mở đầu

MẤY NÉT CHÍNH CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ CÔNG XÃ NGUYÊN THỦY ĐẾN CÁCH MẠNG HÀ LAN

I – XÃ HỘI CÔNG XÃ NGUYÊN THỦY

1. Con người xuất hiện

Chúng ta đã biết, tổ tiên loài người là *vượn – người* và con người thoát khỏi giới động vật nhờ có lao động.

truongxua.vn

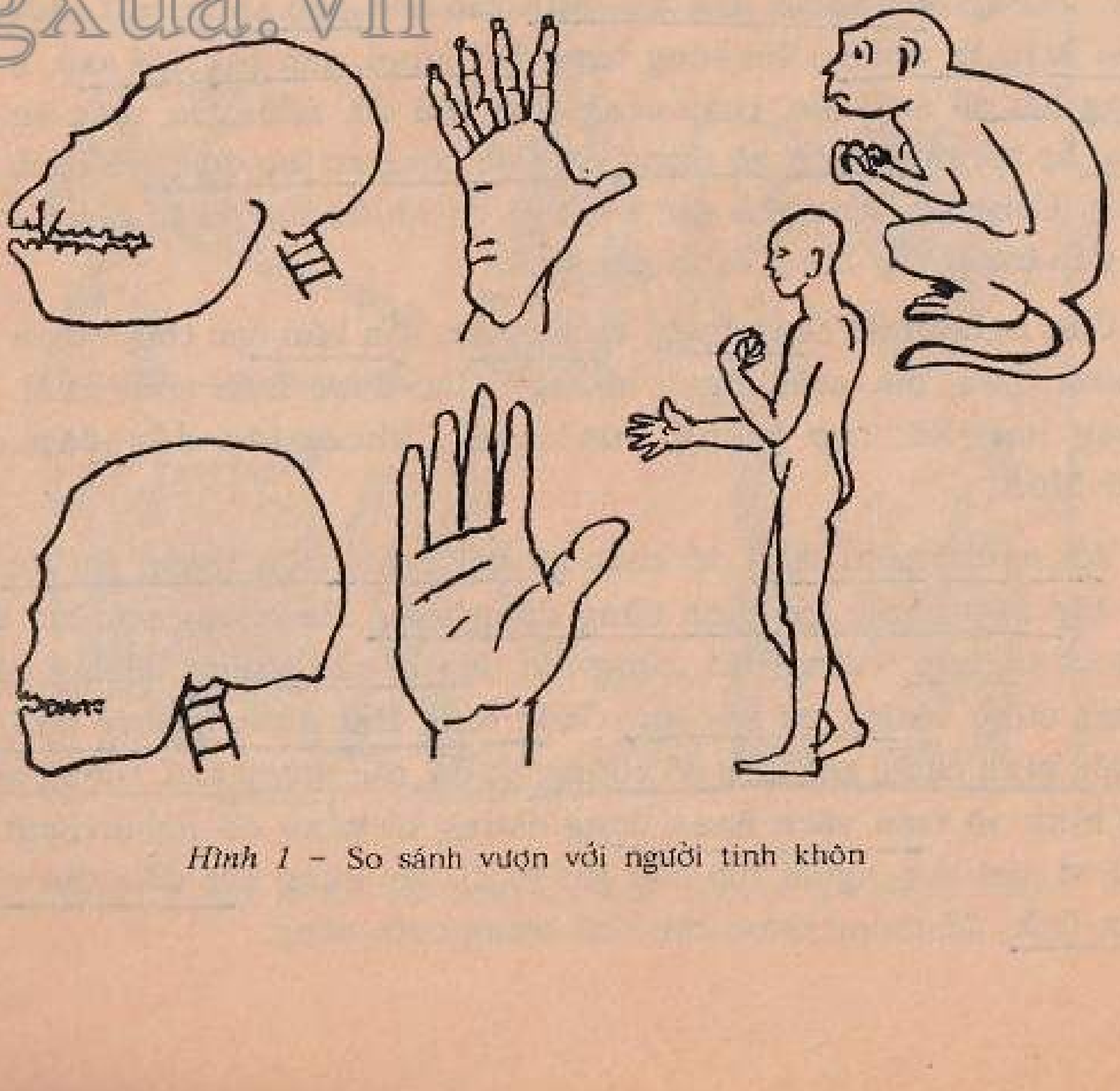

Hình 1 – So sánh vượn với người tinh khôn

Những di chỉ khảo cổ tìm được chứng tỏ rằng miền Nam châu Á và miền Đông châu Phi là khu vực được gọi là cái nôi của loài người. Tại đây, khoảng 6 triệu năm, loài vượn phương Nam đã xuất hiện. Ở Ê-ti-ô-pi-a đã tìm thấy xương người tối cổ có niên đại 3 triệu năm. Ở Trung Quốc đã phát hiện xương cốt người vượn Bắc Kinh, khoảng 40 – 50 vạn năm. Việt Nam nằm trong vùng quê hương của loài người. Trải qua hàng mấy triệu năm, con người tiến triển chậm. Cách đây vào khoảng trên dưới 40.000 năm, xuất hiện *người tinh khôn*, có cấu tạo thể chất giống người hiện nay (h.1). Người tinh khôn có mặt trên hầu hết các lục địa (Á, Phi, Âu). Từ đây loài người bước sang một giai đoạn mới.

?

– Nhắc lại những nét chính về sự xuất hiện của con người.

– Chỉ trên bản đồ những nơi có di tích cổ nhất về con người ở Việt Nam.

2. Sự tiến bộ trong xã hội nguyên thủy

Sau khi ra đời, một thời gian rất lâu, con người sống thành từng bầy, *những bầy người nguyên thủy*. Họ còn phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên, tìm sống bằng hái lượm, săn bắt. Về sau, họ biết dùng lửa để sưởi ấm, thắp sáng, xua thú dữ, nấu chín thức ăn. Dần dần, họ có nhiều tiến bộ trong cải tiến công cụ lao động và cách kiếm sống. Công cụ được ghè sắc hơn, và có nhiều loại khác nhau, từ rìu đá đến cuốc, cày bằng cành cây (h.2).

Con người biết chăn nuôi, trồng trọt, săn bắn các thú lớn và chạy nhanh (gấu, ma-mút, ngựa hoang). Chó được nuôi sớm nhất. Việc trồng lúa, kê, cao lương, lúa mạch, khoai tây dần dần được phổ biến.

Với người tinh khôn, tổ chức xã hội phát triển thành *thị tộc*. Thị tộc tập hợp nhiều gia đình cùng dòng máu. Họ chung sức lao động. Tất cả tài sản, ruộng đất, rừng núi đều là của chung, không có của riêng, cũng không có bóc lột. Cuộc sống tinh thần phong phú hơn. Nhiều hình chạm nổi trên đồ xương, đồ đá, các tượng thú, tượng người, các hình vẽ trên vách hang động chứng tỏ trình độ nghệ thuật khá tinh vi của con người lúc bấy giờ (h.3). Họ cũng bắt đầu thờ các vị thần linh, để mong được che chở trong cuộc sống.

truongxua.vn

Hình 2 – Một số tiến bộ trong lao động sản xuất thời nguyên thủy

Hình 3 – Nghệ thuật sơ khai

thuongmaitr

? – Nêu những sự tiến bộ trong xã hội công xã nguyên thủy về lao động sản xuất.

– Thị tộc là gì ? (so với bầy người nguyên thủy)

3. Xã hội công xã nguyên thủy tan rã

Sự phát triển sản xuất đưa đến những thay đổi trong đời sống xã hội. Cùng với sự ra đời của nghề nông, con người biết định cư trong các xóm làng, công xã. Bắt đầu có sản phẩm thừa. Những người chỉ huy công xã và chuyên việc thờ thần thánh ngày càng có nhiều của riêng, trở thành tầng lớp trên của xã hội. Những người nghèo trong công xã, những tù binh bị bắt làm nô lệ, bị tầng lớp trên áp bức, bóc lột.

Xã hội không có giai cấp, không có bóc lột trước kia dần dần chuyển sang xã hội có giai cấp đầu tiên. Chế độ công xã nguyên thủy tan rã.

Một thời kì lịch sử mới bắt đầu trong xã hội loài người.

?

1. Nêu những sự kiện nói lên quá trình tan rã của xã hội công xã nguyên thủy.
2. Nêu những bước tiến của xã hội loài người trong thời kì công xã nguyên thủy.
(3)*. Vẽ bản đồ Việt Nam và đánh dấu những địa điểm có di tích người nguyên thủy trên đất nước ta.

truongxua.vn

II – XÃ HỘI CHIẾM HỮU NÔ LỆ

1. Sự ra đời các quốc gia chiếm hữu nô lệ

Khoảng 3500 năm trước Công nguyên, nhiều nước nhỏ xuất hiện. Sau đó, một số nước mạnh hơn chinh phục các nước khác, thành lập những quốc gia lớn.

Khoảng 2000 năm trước Công nguyên, *ở lưu vực một số dòng sông lớn trên thế giới*, nhiều quốc gia chiếm hữu nô lệ ra đời. Ở vùng Lưỡng Hà có Ba-bi-lon. Ở lưu vực sông Nin, Ai Cập xuất hiện vào khoảng cùng thời gian với Ba-bi-lon. Các nhà nước cổ đại Ấn Độ được thành lập trước tiên ở ven sông Ấn (khoảng 2500 tr.CN) và ven sông Hằng (1500 tr.CN). Xã hội có giai cấp đầu tiên và nhà nước Trung Quốc hình thành trên lưu vực sông Hoàng vào khoảng 2000 năm trước Công

nguyên. Cùng thời gian này, trên lưu vực sông Hồng ở nước ta, người Việt cũng bước vào thời kì chuẩn bị để tiến tới dựng nước đầu tiên.

Xã hội có giai cấp và các quốc gia chiếm hữu nô lệ cũng hình thành khá sớm ở ven bờ phía Bắc Địa Trung Hải. Đó là những nhà nước của người Hi Lạp rồi người Rô-ma.

Các quốc gia chiếm hữu nô lệ có một số nét chung. Xã hội chia thành hai giai cấp cơ bản: *chủ nô* thống trị và *nô lệ* bị trị. Ngoài ra, còn có nông dân, dân nghèo. Bộ máy nhà nước bao gồm hệ thống quan cai trị, quân đội, tòa án..., làm nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của giai cấp chủ nô, đàn áp nô lệ, nông dân và dân nghèo, tiến hành xâm lược nước ngoài.

?

- Chỉ rõ trên bản đồ thế giới những vùng xuất hiện quốc gia chiếm hữu nô lệ.
- Xã hội chiếm hữu nô lệ gồm những giai cấp cơ bản nào ?

2. Cuộc đấu tranh của nô lệ và nông dân, dân nghèo chống chủ nô

thuongmaitr

Nô lệ và dân nghèo phải lao động vất vả làm ra mọi của cải, song chỉ được hưởng một số quyền lợi rất ít. Ở các nước Ba-bi-lon, Ai Cập, Trung Quốc, Ấn Độ cổ đại, nông dân phải nộp thuế bằng thóc lúa (50% thu hoạch) và gánh chịu mọi lao dịch nặng nề để xây dựng cung điện, dinh thự cho bọn thống trị (thường mỗi người mỗi năm phải đi phu 2 – 3 tháng). Ở các nước vùng Địa Trung Hải, nô lệ chủ yếu là người nước ngoài, số đông là tù binh. Họ bị đem ra mua bán như súc vật, hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của chủ. Bọn chủ bắt nô lệ làm mọi công việc nặng nhọc nhất trong lao động sản xuất và hầu hạ phục dịch, kể cả mua vui cho chúng.

Nhiều cuộc đấu tranh của nô lệ và nông dân, dân nghèo chống giai cấp chủ nô không ngừng bùng nổ. Năm 2300 trước Công nguyên, ở Lưỡng Hà, một vụ bạo động đã nổ ra ở thành phố La-gat. Ở Ai Cập, năm 1750 trước Công nguyên, nô lệ và nông dân nổi dậy đấu tranh tấn công lâu đài cung điện, lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo. Ở Trung Quốc, nhiều lần, dân khởi nghĩa giết chết các vua tàn ác như Kiệt,

Trụ. Ở vùng Địa Trung Hải, cuộc vùng lên tiêu biểu là khởi nghĩa của nô lệ do Spac-ta-cut đứng đầu ở Rô-ma (74 – 71 tr.CN).

Những cuộc đấu tranh ấy đều bị chủ nô đàn áp đẫm máu. Song chính quyền chủ nô cũng bị những đòn chí mạng (h.4).

?

– Vì sao nô lệ và nông dân, dân nghèo nổi dậy đấu tranh? Nêu lên một số cuộc đấu tranh nổi tiếng.

Hình 4 – Nô lệ khởi nghĩa

ruongxua.vn

3. Những thành tựu về văn hóa, khoa học thời cổ đại

Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, nhân dân lao động đã xây dựng cơ sở cho một nền văn hóa, khoa học đạt tới những điểm cao. Nhiều nhân tài để lại cho đời sau những di sản quý báu.

Khoa học ra đời trong lao động sản xuất và giúp ích rất nhiều trong cuộc sống con người. *Toán học* sớm phát triển do nhu cầu canh tác, xây dựng, mua bán. *Chữ số* lúc đầu chỉ là những kí hiệu đơn giản, đủ làm bốn phép tính, *lịch* và *thiên văn học* đã có từ hàng nghìn năm trước Công nguyên.

Sự xuất hiện *chữ viết* đánh dấu một bước tiến lớn trong lịch sử nhân loại. Đầu tiên có những *chữ tượng hình* với nét vẽ đơn giản thay cho điều muốn nói, sau có *hệ thống chữ cái* ghi âm khoa học hơn. Nhiều *tác phẩm văn học lớn* phản ánh sâu sắc đời sống các dân tộc. Nhiều *công trình nghệ thuật kiến trúc* thể hiện tài trí sáng tạo tuyệt vời của nhân dân lao động (h.5).

thuongmaitr

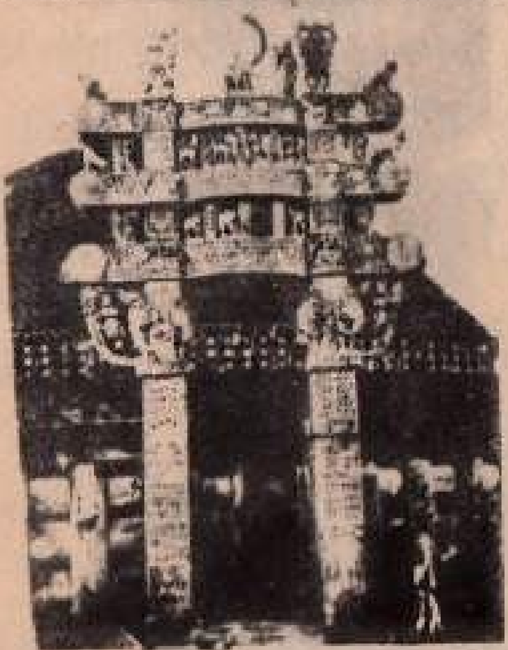

Chùa ở Ấn Độ

Đền ở Hi Lạp

Hình 5

?

1. Kể một số thành tựu khoa học thời cổ đại. (Vì sao có những thành tựu ấy ?)

2. Thử tìm hiểu mấy nét khác nhau cơ bản giữa chế độ chiếm hữu nô lệ với chế độ công xã nguyên thủy.

(3)*. Sưu tầm một số tranh ảnh về văn hóa thời cổ đại trên thế giới.

53

III – CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN. SỰ NẢY SINH VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Chế độ phong kiến và cuộc đấu tranh của nông dân chống phong kiến

Chế độ phong kiến sớm hình thành ở Trung Quốc (thế kỉ III tr. CN), rồi ở một số nước Nam Á, Đông Nam Á (Ấn Độ, Cam-pu-chia, Việt Nam...). Ở châu Âu, sau khi đế quốc chiếm hữu nô lệ Rô-ma sụp đổ (476), các vương quốc phong kiến lần lượt ra đời ở Pháp, Anh. Chế độ phong kiến là một bước tiến so với chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử phát triển xã hội loài người. Sản xuất phát triển hơn trước.

Có những điểm khác nhau giữa các quốc gia phong kiến, song về cơ bản ở nước nào cũng có mâu thuẫn giữa phong kiến và nông dân. *Giai cấp phong kiến thống trị chiếm hữu phần lớn ruộng đất, bóc lột nông dân về tô, thuế rất nặng nề.* Nông dân không có hoặc có rất ít ruộng đất, phải làm thuê, cấy rẽ cho phong kiến địa chủ, không có tí quyền lợi nào về chính trị.

Hình 6 – Chiến tranh nông dân ở châu Âu

Nông dân nhiều lần nổi dậy đấu tranh chống phong kiến. Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân Trung Quốc (thời Hán, Đường,

CHƯƠNG I

THỜI KÌ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bài 1

NHỮNG THẮNG LỢI BƯỚC ĐẦU CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN

thuongmaitr

I – CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH THẾ KỈ XVII

1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Anh

Sang thế kỉ XVII, quan hệ tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh ở Anh, trước hết ở miền Đông – Nam. Nhiều công trường thủ công luyện sắt bằng than đá, chế biến đồ dùng bằng sắt, làm đồ sứ, sản xuất hàng len dạ. Len dạ của Anh tốt và đẹp, không chỉ thỏa mãn nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu sang Hà Lan, Pháp, Đức, I-ta-li-a...

Ngoại thương phát đạt, trong đó có cả việc buôn nô lệ da đen từ châu Phi sang bán ở châu Mĩ lãi rất lớn. Ngoài buôn bán, thương nhân Anh còn lừng danh về nghề cướp biển. Nhờ thế, tư sản Anh tích lũy được rất nhiều của cải từ bốn phương, để lập nên những ngân hàng, những công ti buôn bán lớn, hoặc dốc vào việc lập các công trường thủ công. Thủ đô Luân Đôn trở thành một trung tâm tài chính, công nghiệp và thương mại bậc nhất châu Âu. Ở đây có những chủ công trường thuê hàng mấy nghìn công nhân để sản xuất len dạ, vốn là một ngành sản xuất cổ truyền nổi tiếng ở Anh.

Ngành len dạ hưng khởi đẩy giá lông cừu tăng vọt, nghề nuôi cừu trở nên đặc biệt có lợi. Số đông địa chủ là quý tộc vừa và nhỏ bèn chuyển hướng kinh doanh theo lối tư bản, đuổi tá điền đi, rào ruộng đất lại thành đồng cỏ, thuê nhân công nuôi cừu lấy len cung cấp cho thị trường. Những nông dân mất đất phải lũ lượt kéo ra thành thị làm thuê cho nhà tư bản, hoặc di cư ra nước ngoài, như sang Mĩ v.v...

Quyền lợi của đám "quý tộc mới" nói trên gắn chặt với quyền lợi của giai cấp tư sản mới ra đời, cho nên họ sẵn sàng bắt tay nhau cùng chống lại chế độ phong kiến.

Chế độ phong kiến với hai trụ cột là giai cấp quý tộc và Giáo hội Anh vốn bóp nặn không thương xót nông dân đời này qua đời khác, nay lại cản trở nghiêm trọng sự kinh doanh làm giàu của tư sản và quý tộc mới. Từ khi Sac-lơ I dòng Xtiu-ơt lên làm vua (1625), lòng oán hận của nhân dân càng thêm nung nấu.

Sac-lơ I cai trị độc đoán, bắt bớ nhân dân, giải tán Quốc hội, đặt thêm nhiều thuế mới, chiếm độc quyền sản xuất và bán một số hàng, rồi bán độc quyền ấy cho một số ít người để vơ vét tiền của, tiêu xài hoang phí.

Bởi vậy, yêu cầu khách quan của xã hội Anh hồi giữa thế kỉ XVII là thanh toán chế độ phong kiến và chính quyền chuyên chế của dòng Xtiu-ơt, để giải phóng lực lượng sản xuất mới, lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, và đổi đời cho nông dân đang chiếm số đông trong cư dân.

? – Nguyên nhân nào dẫn tới sự bùng nổ của cách mạng ?

2. Tiến trình của cách mạng

Năm 1640, vì vua cần tiền để đàn áp cuộc khởi nghĩa của người Xcôt-len (do Sac-lơ I cưỡng bức họ theo Anh giáo), vua phải triệu tập Quốc hội. Quốc hội gồm đa số là quý tộc mới, kịch liệt công kích những chính sách bạo ngược của vua và đề ra một số yêu cầu cải cách được nhân dân tích cực ủng hộ, như : vua không được tự tiện đặt thuế mới,

chọn bộ trưởng phải được sự đồng ý của Quốc hội, bắt bớ ai phải đưa ra Tòa án xét xử.

Trước làn sóng phản đối dâng cao ở thủ đô, Sac–lơ I và cận thần chạy lên miền Bắc, dựa vào quý tộc phong kiến ở đây để chiêu mộ thêm quân đội. Hai bên – vua và Quốc hội – khẩn trương chuẩn bị chiến tranh. Quốc hội dựa vào miền Đông – Nam, là vùng đông dân và kinh tế phát đạt nhất ở Anh, có thủ đô Luân Đôn và những thành phố lớn khác.

Tháng 8–1642, Sac–lơ I tuyên chiến. Ban đầu, quân đội bảo hoàng thiện chiến đánh thắng quân đội Quốc hội thành lập vội vàng. Nhưng tình thế thay đổi khi quân cách mạng được cải tổ theo kiểu đội quân của Crôm–oen. *O–li–vơ Crôm–oen* xuất thân quý tộc mới hạng trung, đại biểu Quốc hội, là người kiên quyết chống vua và Giáo hội Anh. Ông đã tổ chức một đội quân với nòng cốt là những nông dân căm thù chế độ phong kiến, có tinh thần chiến đấu và kỉ luật cao, được mệnh danh là quân "sườn sắt". Họ thề không sống chung với dòng Xtiu–ớt.

Hè năm 1645, phe bảo hoàng thua trận quyết định ở Nê–dơ–bi. Sac–lơ I trốn sang Xcốt–len, bị người Xcốt–len bắt bán cho Quốc hội (1646). Sau, y trốn thoát, và xuân 1648, phát động lại chiến tranh nhưng vẫn bị thua và bị bắt lần thứ hai. Nội chiến chấm dứt.

Trước áp lực của quân đội và nhân dân, Crôm–oen phải đưa vua ra xử. Ngày 9–2–1649, Sac–lơ I bị chặt đầu, bêu trước đông đảo quần chúng (h.7). Anh thành *nước cộng hòa*. Cách mạng đạt tới tột đỉnh.

Nền thống trị phong kiến bị lật đổ, thay vào đấy là quyền thống trị của tư sản và quý tộc mới. Thời cộng hòa, Quốc hội tịch thu ruộng đất của quý tộc phong kiến và Giáo hội, để rồi tất cả đất đai này đều lọt vào tay những người chủ mới của nước Anh. Trải qua nội chiến, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp sa sút, binh lính giải ngũ không có việc làm, nạn đói lan tràn, nhân dân cực khổ. Họ xả thân cho cách mạng, quyết định thắng lợi của cách mạng, nhưng sau đấy tình cảnh của họ không hề thay đổi. Khi đứng lên đòi quyền lợi chính đáng như ruộng cho người cày, giảm tô thuế, cải thiện đời sống, lại bị Crôm–oen đàn

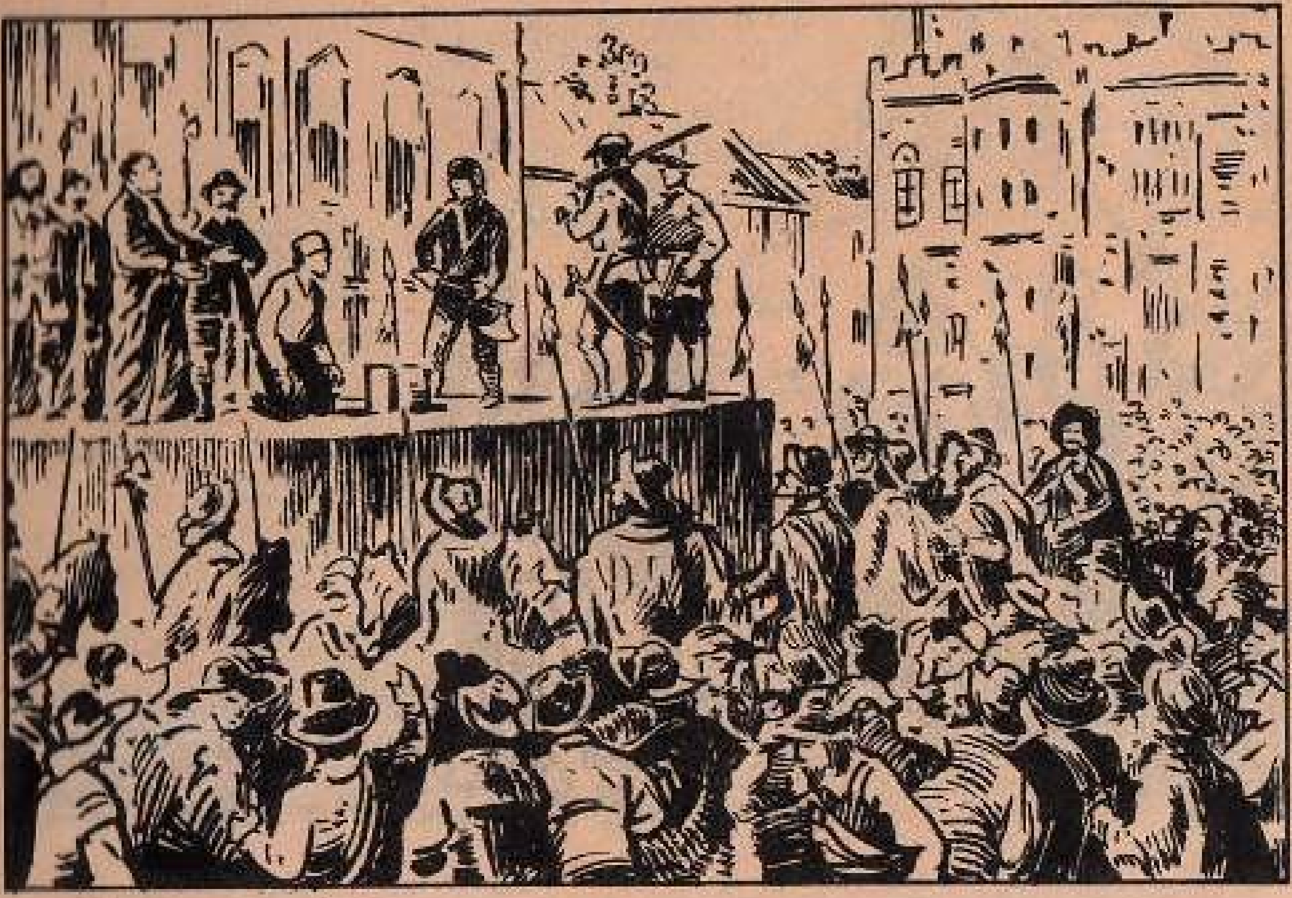

Hình 7 – Xử tử Sac-lơ I

áp thẳng tay. Năm 1649, Crôm-oen còn đem quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân Ai-len, thuộc địa sớm nhất của Anh, cướp bóc tàn tệ và chiếm đoạt vô số ruộng đất cho tư sản và quý tộc mới. Quan hệ giữa những giai cấp thống trị mới với quảng đại quần chúng trở nên căng thẳng (h.8).

Để bảo vệ quyền lợi ích kỉ, tư sản và quý tộc mới đưa Crôm-oen lên làm Bảo hộ công (1653), thiết lập chế độ độc tài quân sự. Nhưng Crôm-oen vẫn không dập tắt được sự phản kháng của nhân dân. Sau khi Crôm-oen chết (1658), tư sản và quý tộc mới chủ trương khôi phục chế độ quân chủ, hi vọng có thể ổn định được tình hình với điều kiện là vua không được đụng chạm đến những thành quả của cách mạng.

Năm 1660, triều Xtiu-ơt được phục hồi. Nhưng những vua mới đều là con vua Sac-lơ I, như ngựa quen đường cũ, rắp tâm lập lại chế độ quân chủ chuyên chế, giành lại những quyền lợi đã mất của quý tộc phong kiến và trả thù những người cách mạng. Trước nguy cơ ấy, tư sản và quý tộc mới tiến hành một cuộc đảo chính truất ngôi dòng Xtiu-ơt và vời Vin-hem O-ran-giơ (rể vua Anh, Quốc trưởng Hà Lan)

Hình 8 – Quân Crôm–oen đàn áp nhân dân

về làm vua Anh (1688). Chế độ *quân chủ lập hiến* bắt đầu được xây dựng ở Anh. Từ nay, vua trị vì, nhưng không cai trị. Quốc hội, trung tâm quyền lực của tư sản và quý tộc mới, mới là nơi định đoạt chính sự quốc gia.

?
- Duyên cớ bùng nổ cách mạng ?
- Tiến trình của cách mạng bắt đầu và kết thúc bằng những sự kiện nào ? Lúc nào cách mạng đạt tới đỉnh cao nhất ?

3. Tính chất và ý nghĩa lịch sử của cách mạng

Cách mạng 1640 ở Anh là một cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, đưa tư sản với bạn đồng minh là quý tộc mới lên cầm quyền, mở rộng đường cho chủ nghĩa tư bản tự do phát triển, đưa nước Anh lên địa vị số 1 trong sự phát triển kinh tế thế giới một thời gian dài.

Đây là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên có ý nghĩa lịch sử thế giới, mở đầu thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản và mở ra một thời đại mới : thời kì cận đại.

Do sự có mặt của quý tộc mới trong hàng ngũ cách mạng và lại là người đại diện tư sản lãnh đạo cách mạng, nên nhiều tàn dư phong kiến không bị xóa bỏ. Nông dân chính là động lực chủ yếu của cách mạng, nhưng chẳng được gì. Trái lại, họ còn bị tư sản và quý tộc mới đẩy tới chỗ bị phá sản hoàn toàn. Đó chính là một đặc điểm nổi bật của cách mạng tư sản Anh.

?

1. Tại sao nói cách mạng Anh là một cuộc cách mạng tư sản ?

2*. Hãy nhận xét : a) Thái độ của tư sản và quý tộc mới đối với quần chúng trong và sau cách mạng ; b) Hình thức và đặc điểm nổi bật của cách mạng tư sản Anh.

3. Trình bày ý nghĩa lịch sử của cách mạng tư sản Anh.

II – CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA 13 THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ. HỢP CHÚNG QUỐC CHÂU MĨ (USA)

ruongxua.vn

1. Tình hình các thuộc địa và nguồn gốc chiến tranh

Mười ba thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ lần lượt được thành lập từ năm 1603 đến 1732 (h.9). Đây là một miền đất đai phì nhiêu, tài nguyên phong phú. Phần lớn cư dân là người Anh di thực và con cháu của họ. Họ tiêu diệt, dồn đuổi người In–đi–an (da đỏ) về phía Tây, chiếm lấy đất đai và đem nô lệ da đen châu Phi đến để khai khẩn đồn điền, đặc biệt là ở các thuộc địa miền Nam.

Nền kinh tế của 13 thuộc địa đang trên đà phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Những công trường thủ công mọc lên san sát ở các thuộc địa miền Bắc và miền Trung, sản xuất đủ những mặt hàng cần thiết cho nhân dân thuộc địa. Có nhiều ngành sản xuất như luyện kim, đóng tàu, dệt vải, đã cạnh tranh đắc lực với chính quốc. Nông sản của chủ nô và chủ trại (nông dân Mĩ) đã có thừa để xuất khẩu.

Tư sản và quý tộc Anh xem thuộc địa là nguồn cung cấp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa cho nền công nghiệp phát triển

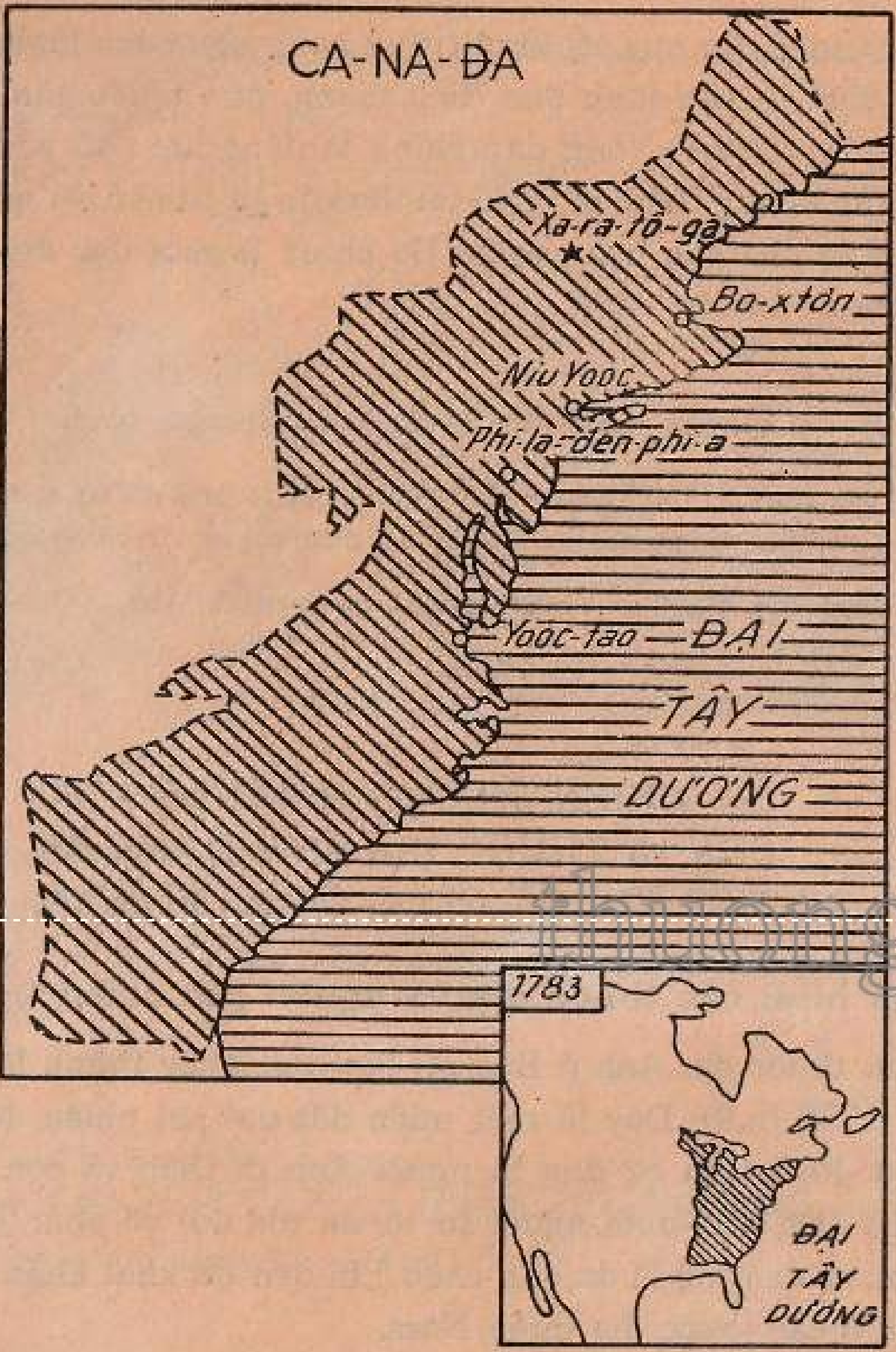

Hình 9 – Mười ba thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ cuối thế kỉ XVIII

ở chính quốc, thấy vậy, tìm mọi cách kìm hãm sự phát triển tự do của kinh tế thuộc địa. Chẳng hạn, Chính phủ Anh cấm xuất cảng máy móc sang Mĩ, cấm các thuộc địa trực tiếp thông thương với các nước khác. Đặc biệt là năm 1763, vua Anh ra luật cấm nhân dân thuộc địa sang khai hoang ở những vùng đất mới miền Tây. Những chính sách nghiệt ngã ấy đụng chạm mạnh đến quyền lợi của tất cả các tầng lớp nhân dân thuộc địa, từ tư sản, chủ nô, chủ trại, đến công nhân và nô

lệ. Đồng thời, nó kích thích mạnh nguyện vọng độc lập và tinh thần đoàn kết của các thuộc địa trước một kẻ thù chung.

? – Tại sao phát sinh mâu thuẫn giữa 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ và chính quốc Anh ?

2. Chiến tranh giành độc lập

Nhiều cuộc bạo động xảy ra khi chính quốc đặt thêm nhiều thứ thuế mà nhân dân thuộc địa không thể chấp nhận được, trong đó có thuế nhập cảng chè, một thứ đồ uống truyền thống của dân Anh. Cuối năm 1773, nhân dân cảng Bo-xtơn tức giận tấn công ba tàu Anh chở chè và quẳng các thùng chè xuống biển. Chính phủ Anh ra lệnh phong tỏa cảng Bo-xtơn, thổi bùng ngọn lửa bất bình từ lâu âm ỉ ở các thuộc địa.

Năm 1774, các thuộc địa cử đại biểu đến Phi-la-đen-phi-a họp đại hội, yêu cầu vua Anh bãi bỏ những chính sách làm thiệt hại cho thuộc địa. Đáp lại, vua Anh tuyên bố các thuộc địa phiến loạn, để giới cầm quyền Anh có cớ dùng vũ lực duy trì ách thống trị của mình ở miền đất giàu có này. Sang *năm 1775, chiến tranh bùng nổ* giữa chính quốc và thuộc địa.

Tư sản và chủ nô lãnh đạo toàn dân đấu tranh. Tổng chỉ huy nghĩa quân là *Gio-giơ Oa-sinh-tơn*, một chủ nô giàu, có tài quân sự và tổ chức. Nghĩa quân lại có hậu phương rộng lớn, hiểm trở rất thuận lợi cho chiến tranh du kích, nhưng rất bất lợi cho quân đội đối phương chỉ quen cách đánh chính quy dàn thành thế trận ở nơi trống trải. Hàng nghìn nô lệ da đen chiến đấu anh dũng trong hàng ngũ nghĩa quân, hi vọng cuộc đời sẽ được đổi thay khi chiến tranh thắng lợi. Tính chất chính nghĩa của chiến tranh giành độc lập cũng thu hút nhiều người tiến bộ ở châu Âu tình nguyện sang chiến đấu ở Bắc Mĩ.

Lực lượng của Anh không phải là không mạnh. Ngoài đội quân viễn chinh đông đảo (90000), thiện chiến, trang bị tốt, chính quyền Anh còn được sự ủng hộ của bọn bảo hoàng ở thuộc địa và lôi kéo được cả người In-đi-an chống lại dân di thực.

Ngày 4-7-1776, trong khi chiến sự đang tiếp diễn ác liệt, Đại hội Phi-la-đen-phi-a ra bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố các thuộc địa thoát li hoàn toàn khỏi chính quốc. Văn kiện quan trọng này cổ vũ mạnh mẽ ý chí quyết chiến quyết thắng của nhân dân thuộc địa(1).

Tháng 10-1777, lần đầu tiên quân thuộc địa thắng quân Anh một trận lớn ở Xa-ra-tô-ga, bắt 5000 tù binh, tạo nên bước ngoặt của chiến tranh. Chiến thắng này chẳng những làm suy sụp tinh thần quân Anh, củng cố lòng tin vào thắng lợi cuối cùng của người Mĩ mà còn quyết định thái độ của Pháp tham chiến cạnh người Mĩ. Trước đây, Pháp chưa tin quân Mĩ có thể thắng quân Anh. Pháp lại lôi kéo cả Tây Ban Nha, Hà Lan đều là những kẻ thù cũ của Anh vào vòng chiến, gây rất nhiều khó khăn cho Anh. Năm 1781, quân Anh phải đầu hàng quân Mĩ và năm sau chiến tranh kết thúc.

?

- Hãy trình bày nguyên nhân dẫn đến chiến tranh năm 1775 ?
- Cuộc chiến tranh kéo dài bao lâu ? Nhận xét thuận lợi và khó khăn của hai bên ? Trong chiến tranh, có những sự kiện chính trị, quân sự, ngoại giao nào nổi bật ?

3. Thành quả và ý nghĩa của chiến tranh

Theo hòa ước kí ở Vec-xai (Pháp) năm 1783, Anh công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa. Một nước tư bản mới xuất hiện : Hợp chúng quốc châu Mĩ (viết tắt là USA, và ta thường gọi là Mĩ hay Hoa Kì).

Theo Hiến pháp 1787, Mĩ là một Cộng hòa liên bang, Tổng thống nắm quyền hành pháp, quyền hạn rất rộng, do dân bầu (qua đại cử tri), nhiệm kì 4 năm và được tái cử một lần. Quyền lập pháp nằm trong tay Quốc hội gồm hai viện : Thượng viện (mỗi bang 2 đại biểu), Hạ viện (số đại biểu theo tỉ lệ số dân mỗi bang). Chỉ những ai có tài sản và có học vấn theo quy định mới có quyền bầu cử. Phụ nữ, nô lệ

---

(1) Ngày 4-7 sau trở thành ngày quốc khánh của Mĩ.

và người In-đi-an không được quyền bầu cử. Chế độ nô lệ được duy trì. Nền dân chủ của giai cấp tư sản và chủ nô được thiết lập.

Tuy nhiên, đây là một "cuộc chiến tranh giải phóng thực sự" cách mạng thực sự (Lê-nin), vì đã giải thoát cho Mĩ ra khỏi mọi sự kìm hãm của chủ nghĩa thực dân Anh, đưa tư sản và chủ nô Mĩ lên cầm quyền và làm cho nền kinh tế tư bản Mĩ phát triển nhanh chóng. Do đó, cuộc chiến tranh này còn là một cuộc cách mạng tư sản đầu tiên bùng nổ ở ngoài châu Âu. Ảnh hưởng của nó không chỉ vang đến các thuộc địa của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha ở châu Mĩ, mà còn dội ngược lại châu Âu, trước hết là nước Pháp đang ở ngưỡng cửa một cuộc cách mạng tư sản.

?

1. Hãy nêu kết quả của chiến tranh ?
2. Phải chăng đây là một cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ? Vì sao ?
3. Trình bày những điểm hạn chế của cách mạng tư sản Mĩ.
4. Nhà nước Mĩ tồn tại dưới hình thức nào ?

Bài 2

CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP (1789 - 1794)

I - NƯỚC PHÁP TRƯỚC CÁCH MẠNG

1. Tình hình kinh tế và xã hội

Trước cách mạng, Pháp là một nước nông nghiệp lạc hậu, kĩ thuật canh tác thô sơ, năng suất rất thấp. Một bao lúa giống đem gieo thường chỉ thu về năm bao. Ruộng đất bỏ hoang nhiều. Mất mùa đói kém không phải là chuyện lạ.

Nguyên nhân cơ bản của tình trạng ấy là ruộng đất tập trung trong tay quý tộc phong kiến, Giáo hội công giáo và sự bóp nặn cùng kiệt của chúng đối với nông dân.

Tương phản với nông thôn nghèo đói xơ xác là những thành thị và hải cảng giàu có, dinh lũy của giai cấp tư sản. Ở đây, công thương nghiệp, nhất là ngoại thương, phát triển mạnh.

Nhưng chế độ phong kiến chuyên chế đã ngăn trở nghiêm trọng sự phát triển tự do của công thương nghiệp do những quy định khắt khe về giá cả, số lượng, tiêu chuẩn từng thứ hàng ; do không thống nhất về đo lường và thuế quan trên toàn quốc ; do nhân dân bị bần cùng hóa, không có sức mua.

Xã hội phong kiến Pháp chia thành ba đẳng cấp : *Tăng lữ, Quý tộc* và *Đẳng cấp thứ ba*. Nòng cốt của hai đẳng cấp trên là giai cấp quý tộc phong kiến. Chúng không phải đóng thuế và được nắm giữ những chức vụ cao cấp trong chính quyền, quân đội và Giáo hội. Chúng sống bằng bổng lộc của triều đình, và dựa vào chế độ chuyên chế để duy trì quyền áp bức bóc lột quần chúng nên cực kì bảo thủ phản động.

Tất cả những người bị trị họp thành Đẳng cấp thứ ba gồm nhiều giai cấp : tư sản, nông dân, bình dân thành thị (thợ thủ công, công nhân, tiểu thương, tiểu chủ).

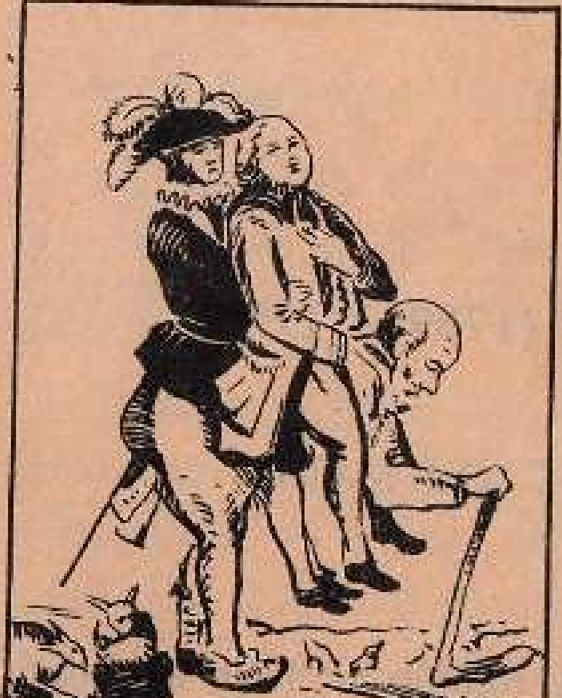

Hình 10 – Nông dân Pháp bị bao tầng áp bức bóc lột

Giai cấp tư sản đại diện cho phương thức sản xuất mới, có thế lực kinh tế, có văn hóa, đứng đầu Đẳng cấp thứ ba. Nguyện vọng của họ là xóa bỏ sự bất bình đẳng xã hội, có quyền chính trị và được tự do kinh doanh làm giàu.

Giai cấp nông dân chiếm 90% số dân cả nước, hầu hết không có ruộng đất, phải cày rẽ và bị bao tầng áp bức bóc lột : nộp tô thuế cho vua, quý tộc địa chủ, Giáo hội, và chịu mọi nghĩa vụ phong kiến (h.10). Như thế, thử hỏi khi mùa màng thu hoạch xong, họ còn được bao nhiêu để đảm bảo cuộc sống nghèo khổ triền miên của mình?

Số phận bình dân thành thị cũng chẳng hơn gì nông dân. Cho nên đông đảo quần chúng lao động ở nông thôn và thành thị sẽ là những nguồn sức mạnh vô tận của cách mạng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản.

?

- Đặc điểm của sự phát triển kinh tế Pháp trước cách mạng ?
- Nguyên nhân nào đã kìm hãm sự phát triển của công thương nghiệp và nông nghiệp Pháp ?
- Xã hội Pháp trước cách mạng phân chia thế nào ? Nêu và giải thích thái độ chính trị của các giai cấp. Vì sao giai cấp tư sản đứng đầu Đẳng cấp thứ ba ?

2. Đấu tranh tư tưởng

Trong thế kỉ XVIII, khi truyền bá những quan điểm của mình về một xã hội mới, những nhà tư tưởng lỗi lạc của giai cấp tư sản (Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Ru-xô, Đi-đơ-rô) đã nghiêm khắc phê phán chế độ quân chủ chuyên chế và công khai đả kích mạnh mẽ vào Giáo hội công giáo, cột trụ tinh thần của nó.

uongxua.vn

Giáo lí giam hãm ý thức con người trong vòng ngu muội, khuyên người ta phục tùng giai cấp thống trị.

Trái lại, những nhà tư tưởng trên đề cao vai trò của hiểu biết, của lí tính, cho rằng con người có đầy đủ khả năng chinh phục thiên nhiên và cải tạo xã hội, đi đến một cuộc sống tốt đẹp hơn ngay trên đời này.

Những tư tưởng tiên tiến này được mệnh danh là *Triết học ánh sáng*, soi sáng thức tỉnh đầu óc mọi người, và có tác dụng chuẩn bị tích cực cho cuộc cách mạng sắp tới.

?

- Vai trò của "*Triết học ánh sáng*" đối với cách mạng ?

3. Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế

Chế độ phong kiến chuyên chế Pháp đang trên đà suy sụp : Lu-i XVI dòng Buốc-bông lên ngôi năm 1774, lại đẩy nhanh nó đến bên bờ vực thẳm.

nguyên nhân

Lu-i XVI theo gót cha ông cai trị độc đoán, nhưng thần dân nay đã khác nhiều. Vua lại còn bắt bớ giam cầm tràn lan, đe dọa tính mạng tài sản mọi người. Vua và hoàng hậu (công chúa Áo) xem quốc khố như của riêng, đua nhau ban phát ân huệ, tiêu xài xa xỉ, không thuế má và khoản vay nào bù đắp nổi. Số nợ Nhà nước vay tư sản lên tới mức kỉ lục : đến năm 1789 là 5 tỉ li-vrơ[1], và khó có thể vay thêm. Triều đình đứng trước nguy cơ phá sản.

Từ năm 1787 đến 1789, tình hình kinh tế của Vương quốc lại xấu đi đột ngột. Công thương nghiệp đình đốn làm thất nghiệp hàng loạt công nhân và thợ thủ công. Những đồng lúa và vườn nho gần như mất trắng vì mưa bão và giá rét (-18°). Tâm trạng lo âu và nạn đói như làn mây đen trùm lên toàn quốc.

Tất cả những sự tình ấy làm Đẳng cấp thứ ba không sao kiên nhẫn hơn được nữa. Từ đầu này đến đầu kia của Vương quốc, đã xảy ra nhiều vụ bạo động của nông dân và công nhân. Ai nấy đều nguyền rủa dòng Buốc-bông, đặc biệt căm ghét vợ chồng Lu-i XVI.

thuongmaitr

? – Những biểu hiện của sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế ?

4. Cách mạng bùng nổ

Trước cơn nguy kịch của chế độ, rõ nhất là cuộc khủng hoảng tài chính, Lu-i XVI buộc phải triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp, mong tìm lối thoát. Hội nghị khai mạc ngày *5-5-1789* ở Vec-xai[2], gồm 270 đại biểu Tăng lữ, 291 đại biểu Quý tộc và 578 đại biểu Đẳng cấp thứ ba (toàn là tư sản và trí thức tư sản).

Nhân dân gửi gắm nhiều hi vọng vào Hội nghị, mong mỏi có những cải cách căn bản. Nhưng ngay trong diễn văn khai mạc, vua không nói gì hơn ngoài vấn đề tài chính, tức bắt người ta cứ phải cúi đầu đóng góp thêm mãi.

---

(1) Đồng tiền Pháp lúc đó.

(2) Cung điện Vec-xai nguy nga lộng lẫy là nơi triều đình đóng, cách Pa-ri 18km về phía Tây Nam.

Từ hi vọng chuyển sang phẫn nộ, đại biểu Đẳng cấp thứ ba (có nhân dân đứng sau lưng) nhân danh 96% dân tộc, tự họp thành Quốc hội (17-6), coi đấy là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thông qua các đạo luật về tài chính. Đến ngày 9-7, Quốc hội tiến thêm một bước là soạn thảo Hiến pháp và trở thành Quốc hội lập hiến. Lần đầu tiên trong lịch sử chế độ chuyên chế, có một lực lượng dám vượt lên trên quyền lực tối cao của vua.

Đại biểu Tăng lữ và Quý tộc lúc đầu chống đối, sau cũng phải đến tham gia Quốc hội để khỏi mất địa vị.

Vua và bọn quý tộc ngoan cố định dùng vũ lực đè bẹp những "kẻ cứng đầu", ra lệnh cho quân đội tập trung trên đường Vec-xai – Pa-ri. Sự tồn tại của Quốc hội bị uy hiếp nặng nề.

Quần chúng Pa-ri chăm chú theo dõi những diễn biến ở Vec-xai, thấy vậy đã tìm mọi cách tự vũ trang chống lại âm mưu đàn áp của vua. Ngày *14-7*, nghe tin đại bác của pháo đài – nhà ngục Ba-xti chĩa vào thủ đô, quần chúng vũ trang kéo đến tấn công pháo đài. Sau một cuộc chiến đấu ác liệt, pháo đài Ba-xti, tượng trưng xấu xa của chế độ chuyên chế, dường như không gì lay chuyển nổi, bị hạ. Pa-ri lọt vào tay quân khởi nghĩa[1].

Tiếng súng ở Ba-xti báo hiệu cách mạng bắt đầu bùng nổ ở Pháp.

?

1. Thuật lại cuộc đấu tranh của tư sản và quần chúng Pháp từ Hội nghị ba đẳng cấp đến khi hạ pháo đài Ba-xti.
2. Nguyên nhân sâu xa của cách mạng là gì ?

II – DIỄN BIẾN CỦA CÁCH MẠNG. Ý NGHĨA

1. Chế độ quân chủ lập hiến (14-7-1789 - 10-8-1792)

Từ Pa-ri, ngọn lửa cách mạng lan nhanh đến các thành phố khác. *Phái lập hiến*, đại biểu cho quyền lợi của đại tư sản tài chính, đứng

---

(1) Ngày 14-7 sau trở thành ngày quốc khánh của Pháp.

ra cầm quyền. Vua chùn bước và phải miễn cưỡng đưa triều đình từ Vec-xai về Pa-ri, theo đòi hỏi của nhân dân. Quốc hội cũng về Pa-ri.

Chậm hơn các thành phố một chút, ở nông thôn, nông dân cũng vùng lên đánh phá lâu đài của quý tộc địa chủ, đốt tất cả giấy tờ ghi chép nợ nần, nghĩa vụ phong kiến, gây nên nỗi kinh hoàng ám ảnh giới quyền quý.

Đầu tháng 8-1789, Quốc hội long trọng tuyên bố xóa bỏ những đặc quyền phong kiến, đồng thời quyết nghị tịch thu ruộng đất của Giáo hội, coi là tài sản quốc gia, đem bán cho nông dân, nhằm xoa dịu phong trào nông dân, nhưng cũng là để có tiền chi phí.

Đến cuối tháng, Quốc hội thông qua bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*, khẳng định quyền bình đẳng giữa các công dân, tuyên bố những quyền tự do dân chủ, trong đó nhấn mạnh vào quyền tư hữu tài sản là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm.

Hai năm sau, Hiến pháp được công bố (9-1791). Hiến pháp 1791 thiết lập nền chuyên chính tư sản dưới hình thức quân chủ lập hiến : vua chỉ giữ quyền hành pháp, còn quyền lập pháp nằm trong tay Quốc hội. Chế độ quân chủ chuyên chế chấm dứt. Nhưng quyền bầu cử và ứng cử vào Quốc hội chỉ thuộc về những "công dân tích cực", nghĩa là tư sản và địa chủ, có mức thuế cao ; còn đại đa số nhân dân – "công dân tiêu cực" – thì bị gạt ra khỏi đời sống chính trị.

Thi hành Hiến pháp, một Quốc hội mới – Quốc hội lập pháp mà hầu hết là đại biểu tư sản, cầm quyền.

Nhưng thế lực phản động không ngừng chống phá cách mạng. Sau ngày 14-7, bọn quyền quý lũ lượt di tản, cầu cứu ngoại bang mang quân can thiệp. Cầm đầu đám lưu vong phản cách mạng là hai em trai vua. Bản thân vua, giữa năm 1791, cũng đem vợ con trốn ra nước ngoài, nhưng sắp đến biên giới thì bị bắt trở lại. Song vua được đại tư sản tài chính có tư tưởng thỏa hiệp che chở, nên vẫn giữ ngôi.

Tháng 4-1792, hai nước phong kiến Áo, Phổ liên minh, đem quân can thiệp vào Pháp nhằm dập tắt lò lửa cách mạng, không cho lây lan ra ngoài. Trong nước, nông dân mộ đạo, bị bọn phản động xúi giục,

nổi loạn ở một số vùng. Ngoài mặt trận, quân Pháp thua to, lùi mãi, do các tướng tá phong kiến chỉ huy chỉ rình cơ hội đầu hàng giặc, và do hoàng hậu dâng kế hoạch tác chiến cho địch.

Tháng 7-1792, Quốc hội lập pháp công bố "Tổ quốc lâm nguy". Tại các bàn mộ quân ở Pa-ri, người ta tranh nhau ghi tên. Quân tình nguyện các địa phương kéo về bảo vệ thủ đô, hăng hái ca vang bài Mac-xây-e hùng tráng (bài này sau là quốc ca Pháp). Ở Pa-ri, quần chúng và *phái Gia-cô-banh* (trụ sở ở tu viện Thánh Gia-cốp), đứng đầu là *Rô-be-xpi-e*, đại diện cho bộ phận tư sản kiên quyết cách mạng, nhận thức được rằng muốn thắng giặc ngoài, trước hết phải diệt thù trong là bọn quý tộc phản bội, mà đầu sỏ là vợ chồng Lu-i XVI.

Ngày *10-8-1792*, nhân dân Pa-ri, được sự trợ lực của quân các địa phương, nổi dậy tấn công hoàng cung. Quốc hội lập pháp phải bắt giam vua và vợ con. Nền quân chủ tồn tại lâu đời ở Pháp bị sụp đổ. Đại tư sản tài chính chạy sang hàng ngũ phản cách mạng.

uongxua.vn

? – Hãy nêu những thành tựu của cách mạng từ 14-7-1789 đến 10-8-1792.

– Quần chúng đã hành động như thế nào khi "Tổ quốc lâm nguy" ?

2. Bước đầu của nền cộng hòa (21-9-1792 – 2-6-1793)

Trừ khử được bọn quý tộc phản bội, quân dân Pháp dốc sức chống ngoại xâm. Ngày 20-9, quân Pháp chiến thắng bọn can thiệp trận đầu tiên ở Van-mi (Đông Bắc Pháp). Sau đó, họ chuyển sang phản công, đuổi địch ra ngoài bờ cõi và trên đường truy kích, chiếm luôn Bỉ và tả ngạn sông Ranh.

Sau ngày 10-8, dưới sức ép của quần chúng, Quốc hội lập pháp phải tổ chức tuyển cử phổ thông để bầu ra một Quốc hội khác có tính chất đại diện cách mạng hơn, là *Quốc ước. Phái Gi-rông-đanh* (tập hợp các đại biểu quận Gi-rông-đơ, Tây Nam Pháp), phát ngôn của tầng lớp tư sản công thương nghiệp, khống chế được Quốc ước, nhờ dựa vào những đại biểu tư sản lừng chừng, lên nắm chính quyền.

Quốc ước bắt đầu công việc ngày 21-9 bằng quyết định thủ tiêu chế độ quân chủ, thành lập nền *cộng hòa đầu tiên* của nước Pháp. Tiếp theo, không thể không định đoạt số phận của nhà vua : ngày 21-1-1793, Lu-i XVI bị kết án phản quốc và đưa lên máy chém.

Xuân 1793, cách mạng lại vấp phải những khó khăn mới. Nước Anh tư sản nhảy vào vòng chiến và lôi kéo gần như cả châu Âu phong kiến đánh nước Pháp cách mạng. Nông dân lạc hậu ở Văng-đê và cả miền Tây Bắc nổi loạn.

Nhưng phái Gi-rông-đanh không lo tổ chức chống ngoại xâm và nội phản, mà chỉ tìm cách diệt trừ phái Gia-cô-banh đối lập. Nạn đầu cơ tích trữ cũng được dung túng, làm sinh hoạt ngày một đắt đỏ. Phái Gi-rông-đanh gần như biến thành đồng minh tự nhiên của phản cách mạng. Quân Pháp lại bị đẩy lùi trên khắp các mặt trận.

Để cứu vãn cách mạng và bảo vệ Tổ quốc, ngày *2-6-1793*, quần chúng Pa-ri dưới sự lãnh đạo của Rô-be-xpi-e lại đứng lên khởi nghĩa, lật đổ sự thống trị của phái Gi-rông-đanh. Từ đó, phái Gia-cô-banh làm chủ Quốc ước, đưa cách mạng tiếp tục tiến lên.

thuongmaitr

?

- Đánh giá thái độ của phái Gi-rông-đanh trong thời kì đầu của nền cộng hòa.
- Vạch rõ những khó khăn của cách mạng hồi nửa đầu năm 1793.

3. Chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh (2-6-1793 - 27-7-1794)

Mùa hè 1793, chính quyền Gia-cô-banh và nhân dân cách mạng Pháp phải đơn độc đương đầu với một tình thế hết sức hiểm nghèo. Nổi loạn lan rộng tới 60 trên 83 quận, trong đó, kẻ chủ mưu là bọn Gi-rông-đanh. Năm đạo quân lớn của bọn can thiệp tràn như nước lũ vào Pháp từ nhiều phía. Nạn đói giày vò quần chúng lao động, do lương thực thực phẩm vô cùng khan hiếm. Mọi kẻ thù của cách mạng Pháp đã tính đến giờ cáo chung của nước Cộng hòa.

Nhưng, những nỗ lực phi thường của quần chúng, cộng với những biện pháp kiên quyết sáng tạo của chính quyền cách mạng đã đảo ngược tình thế. Quốc ước Gia-cô-banh cử ra *Ủy ban cứu nước*, với

quyền hành không giới hạn, do Rô-be-xpi-e đứng đầu. Rô-be-xpi-e, một luật sư trẻ tuổi đại biểu Quốc ước, là một nhà dân chủ cách mạng lỗi lạc, được quần chúng mến phục tin tưởng. Chính quyền mới, một mặt thẳng tay trừng trị bọn phản cách mạng, mặt khác, thực hiện những biện pháp khẩn cấp cần thiết. Ruộng đất công mà quý tộc phong kiến chiếm đoạt được trả lại cho nông dân. Ruộng đất tịch thu của Giáo hội và của quý tộc lưu vong được chia thành khoảnh nhỏ bán cho nông dân. Ủy ban cứu nước còn ra lệnh trưng thu lúa mì, quy định giá bán tối đa các hàng thiết yếu để cứu dân nghèo đỡ đói khổ, nhưng đồng thời cũng quy định mức lương tối đa của công nhân.

Để tập trung sức lực chống ngoại xâm, theo đề nghị của Ủy ban cứu nước, Quốc ước ban bố lệnh tổng động viên (23-8). Sáng kiến ấy được toàn dân hưởng ứng nhiệt liệt. Không bao lâu, cách mạng đã tập hợp dưới cờ một đội quân đông đảo tới trên một triệu người được tổ chức và trang bị hiện đại, trong đó có phần đóng góp của những nhà bác học lớn được động viên vào công nghiệp quốc phòng. Quân đội này lại được những tướng lĩnh đầy tài năng và dũng khí, xuất thân từ những tầng lớp bình dân chỉ huy, nên chiến đấu anh dũng tuyệt vời, làm quân địch lúc đầu coi thường, sau phải kiêng nể.

Sang xuân 1794, chiến sự đã chuyển sang lãnh thổ địch. Từ sau chiến thắng vang dội của quân cách mạng ở Phlơ-ruyt (Bỉ) ngày 26-6-1794, liên minh châu Âu chống Pháp bắt đầu tan rã, hiểm họa ngoại xâm bị chặn đứng.

Cuộc đấu tranh gay gắt chống ngoại xâm, nội phản đã đoàn kết mọi lực lượng quanh phái Gia-cô-banh, tạo nên sức mạnh vô địch. Nhưng khi nguy cơ qua đi, thì nội bộ cách mạng bị chia rẽ. Tư sản bực tức vì giá tối đa, công nhân bất bình với lương tối đa, nông dân được ruộng đất không muốn trưng thu lương thực. Mất đi sự ủng hộ của quần chúng, phái Gia-cô-banh và Rô-be-xpi-e đứng trước nguy cơ bị lật đổ do tư sản không muốn cách mạng đi quá xa.

Ngày 27-7-1794, năm thứ II của nền Cộng hòa, tư sản phản cách mạng đảo chính (h.11) đưa Rô-be-xpi-e và các bạn chiến đấu của ông lên máy chém. Cách mạng tư sản Pháp kết thúc.

Hình 11 – Rô-be-xpi-e bị bắt

?

– Tại sao phái Gia-cô-banh đã đánh bại được ngoại xâm và nội phản ?

– Nguyên nhân thất bại của Rô-be-xpi-e và phái Gia-cô-banh ?

4. Ý nghĩa lịch sử

– Cách mạng 1789 đã phá hủy tận gốc chế độ phong kiến ở Pháp, quét sạch những chướng ngại trên con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản và đưa giai cấp tư sản lên nắm chính quyền.

– Từ năm 1789 đến 1794, nhân dân Pháp, trước hết là nông dân và bình dân thành thị, là chỗ dựa vững chắc của giai cấp tư sản, là lực lượng quyết định trong việc thúc đẩy cách mạng từng bước tiến lên, không thế lực phản động nào ngăn nổi. Nhưng khi liên minh với nhân dân đập tan những xiềng xích phong kiến, giai cấp tư sản lại thay vào đấy chế độ áp bức bóc lột mới của mình.

thuongmaitr

– Tuy nhiên, cách mạng tư sản Pháp hồi cuối thế kỉ XVIII là một cuộc cách mạng tư sản triệt để, xứng đáng là một cuộc đại cách mạng có tầm quan trọng quốc tế lớn lao. Nó đã tiêu diệt một trong những thành trì vững chắc nhất của chế độ phong kiến châu Âu, và cách mạng hóa tinh thần đấu tranh của nhân dân tất cả các nước còn đang quằn quại dưới chế độ phong kiến và dưới chế độ thực dân.

?

1. Nguyên nhân sâu xa và duyên cớ trực tiếp của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII ?
2. Cuộc đấu tranh chống thế lực phản động ở trong nước và ngoài nước Pháp đã diễn ra như thế nào trong từng giai đoạn của cách mạng ?

(3). Vai trò của giai cấp tư sản và của quần chúng trong cách mạng ?

(4)*. Chứng minh Cách mạng 1789 là một cuộc cách mạng tư sản triệt để. Thử so sánh với cách mạng tư sản Anh.

(5). Ý nghĩa lịch sử của Đại cách mạng tư sản Pháp.

tuongxua.vn

Bài 3

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN THẮNG LỢI TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

I – CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở CÁC NƯỚC TIÊN TIẾN

1. Cách mạng công nghiệp ở Anh

Từ thập niên 60 của thế kỉ XVIII, máy móc được phát minh và sử dụng trước tiên ở Anh. Đó là do tính chất hạn chế của công trường thủ công không sản xuất đủ hàng hóa để thỏa mãn thị trường ngày càng mở rộng. Nhưng lí do sâu xa của sự xuất hiện máy móc là tính vụ lợi, luôn luôn khao khát lợi nhuận của giai cấp tư sản.

Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ sáng chế ra xa máy, xe được 16 sợi bông một lúc (h.12), trong khi chiếc xa cổ truyền chỉ kéo được một

sợi. Sợi sản xuất ra nhiều, khung cửi thủ công dệt không kịp, nên năm 1785, Et–mơn Cac–rai lại phát minh ra máy dệt. Nhờ máy móc, năng suất lao động tăng lên gấp bội. Lúc đầu, máy chạy bằng sức nước nên các nhà máy phải đặt gần sông suối. Nhưng khi Giêm Oat phát minh ra máy hơi nước vào năm 1784, làm động lực mới thì các nhà máy có thể xây dựng ở bất cứ chỗ nào.

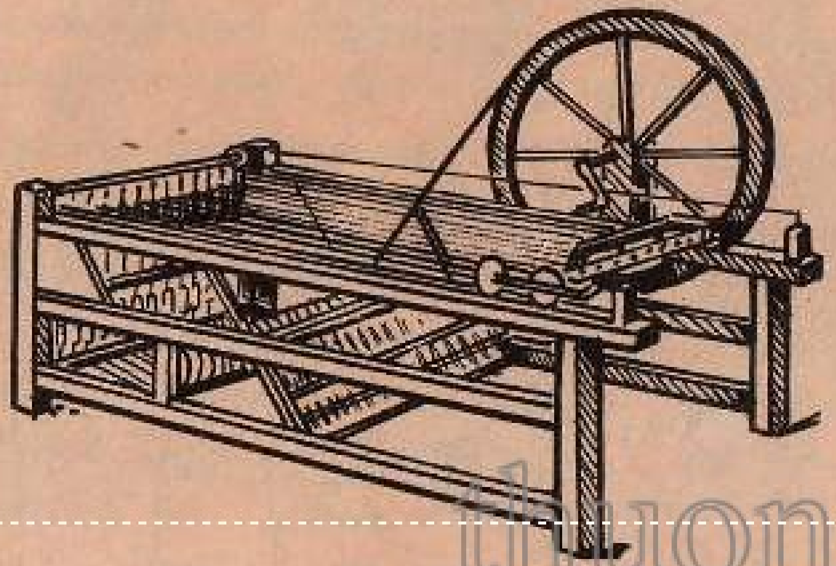

thuongmaitr

Hình 12 – Xa máy Gien–ni

Bắt đầu từ ngành dệt vải bông, máy móc dần lan sang tất cả những ngành công nghiệp khác. Đầu thế kỉ XIX, máy hơi nước cách mạng hóa cả giao thông thủy bộ để phục vụ đắc lực cho vận chuyển, giao lưu. Tàu máy thay thuyền buồm. Đầu máy xe lửa thay sức kéo của súc vật (h.13). Năm 1815, trọng tải của hạm đội tối tân của Anh đã là 2.200.000 tấn. Năm 1850, khi hoàn thành công nghiệp hóa, Anh đã đặt được 10.000 km đường sắt. Than đá có nhiệt năng cao thay củi làm nhiên liệu cho động cơ hơi nước và luyện kim. Trong ngành luyện kim cũng áp dụng nhiều phương pháp sản xuất mới, nên chất lượng và sản lượng gang thép của Anh tăng tiến rất nhanh. Năm 1850, Anh sản xuất khoảng một nửa số gang và hơn một nửa số than đá của thế giới. Công nghiệp chế tạo máy không chỉ sản xuất đủ máy móc trang bị cho công nghiệp trong nước mà còn xuất khẩu.

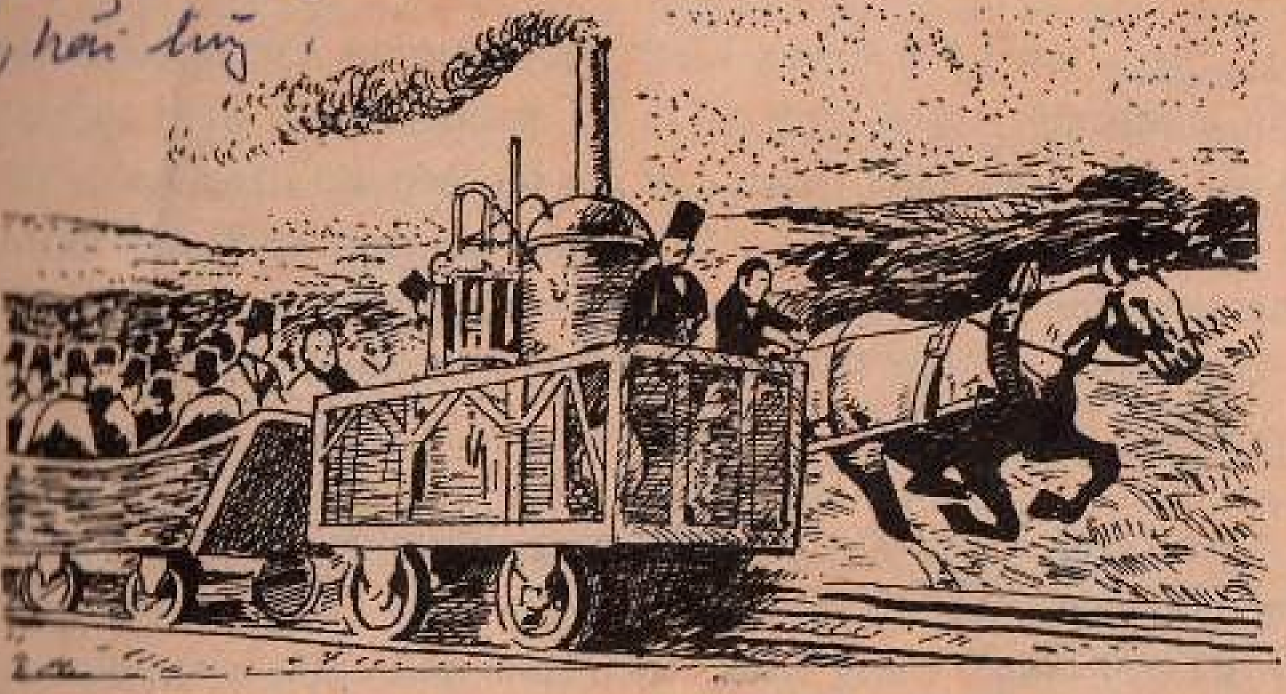

Hình 13 – Xe lửa (1825)

Sự chuyển biến từ *sản xuất nhỏ* bằng lao động thủ công sang *sản xuất lớn* bằng máy móc là một cuộc cách mạng trong công nghiệp, thúc đẩy sức sản xuất phát triển chưa từng thấy, thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa tư bản so với chế độ phong kiến. Cách mạng công nghiệp là hiện tượng phổ biến ở tất cả các nước tiến lên chủ nghĩa tư bản, song diễn ra trước hết ở Anh , sớm hơn các nước khác từ 50 đến 100 năm, biến Anh từ một nước nông nghiệp thành một nước có nền công thương nghiệp phát triển nhất thế giới.

Sở dĩ như vậy, thứ nhất, là vì giai cấp tư sản Anh sớm *tích lũy được số tư bản khổng lồ*, bằng buôn bán nô lệ, cướp biển, cướp bóc dã man một hệ thống thuộc địa giàu có, đặc biệt là Ấn Độ, sẵn sàng đem ra kinh doanh. Thứ hai, là vì giai cấp tư sản Anh tước đoạt đến mảnh đất cuối cùng của nông dân, và làm phá sản hàng loạt thợ thủ công, do không cạnh tranh nổi với máy móc, biến họ thành *đội quân vô sản đông đảo*, sẵn sàng bị thu hút vào các nhà máy. Đấy là những điều kiện cơ bản khi tiến hành công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa. Hồi cuối thế kỉ XVIII, ngoài Anh chưa một nước nào có được đầy đủ những điều kiện kể trên.

? – Nguyên nhân của việc phát minh ra máy móc ở Anh cuối thế kỉ XVIII ?

– Tóm tắt quá trình công nghiệp hóa ở Anh cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

– Vì sao cách mạng công nghiệp lại diễn ra trước tiên ở Anh ?

2. Tình hình phát triển kinh tế ở Pháp, Đức

Ở Pháp, sau Cách mạng 1789, công thương nghiệp chưa thể tiến triển mạnh mẽ vì tình hình chính trị chưa ổn định, và vì tư sản Pháp lao vào một cuộc chiến tranh quy mô lớn kéo dài hàng hai chục năm, kết thúc bằng sự thất bại (1815). Nhưng tới năm 1830, khi những khó khăn trên qua đi và cuộc cách mạng công nghiệp chính thức bắt đầu, thì chủ nghĩa tư bản Pháp phát triển khá mạnh, nhất là trong hai thập niên 1850 – 1860.

Năm 1850, Pháp có trên 5000 máy hơi nước, có thể thay thế cho công việc của 500.000 công nhân ; đến năm 1870, số máy ấy đã là trên 27.000 chiếc. Cũng trong thời gian này chiều dài đường sắt từ gần 3.000 km tăng lên 16500 km. Những chỉ số trên đủ chứng tỏ rằng trình độ công nghiệp Pháp chỉ đứng sau Anh và hơn hẳn các nước khác trên lục địa châu Âu.

Cách mạng công nghiệp ở Đức bắt đầu muộn hơn Pháp chừng mười năm và cũng đạt được nhiều thành tựu lớn, mặc dù đất nước còn đang bị chia cắt về chính trị. Một trong nhiều thí dụ là công nghiệp khai khoáng phát triển rất mạnh. Từ năm 1860 đến 1870, sản lượng than đá từ 12.000.000 tấn tăng lên 26.000.000 tấn, hơn hẳn Pháp nhưng vẫn kém Anh gần 3 lần (năm 1870, Pháp sản xuất được 10.000.000 tấn, còn Anh: 80.000.000 tấn). Công nghiệp hóa chất ở Đức cũng có những bước tiến dài, phần lớn do những phát minh kĩ thuật quan trọng, chẳng hạn như Run-ghe đã tìm ra chất thuốc nhuộm trong nhựa than đá tốt và rẻ hơn thuốc nhuộm chiết xuất từ thực vật. Ngoài ra, trong quá trình công nghiệp hóa, những nhà công nghiệp Đức đã tiếp thu không ít những thành tựu của nền kĩ thuật Anh, Pháp.

Máy móc cũng xâm nhập cả vào nông nghiệp là khu vực khó cơ giới hóa nhất. Trên đồng ruộng của những nước tiên tiến đã thấy xuất hiện những máy cày, máy bừa. Đồng thời, phân bón hóa học được sử dụng rộng rãi, làm năng suất cây trồng tăng lên rõ rệt. Đó là những điều không thể có dưới chế độ phong kiến.

?

1 – Cách mạng công nghiệp ở Pháp chính thức bắt đầu từ bao giờ ? Phát triển khá mạnh trong thời gian nào ?

2 – Nêu những thành tựu quan trọng của cách mạng công nghiệp ở Đức. Cách mạng công nghiệp ở Đức diễn ra muộn hơn ở Anh và Pháp có thuận lợi gì ?

3. Hậu quả của cách mạng công nghiệp

Quá trình công nghiệp hóa làm thay đổi hẳn bộ mặt các nước tư bản. Nhiều trung tâm công nghiệp mới mọc lên. Dân nghèo ở nông thôn đổ xô ra đấy kiếm công ăn việc làm khiến cư dân thành thị ngày một tăng. Rõ nhất là ở nước Anh : năm 1870, hai phần ba cư dân tập trung ở thành thị.

Nhưng hậu quả xã hội quan trọng nhất của cách mạng công nghiệp là sự hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản – tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp. Tư sản công nghiệp, do có ưu thế kinh tế, là kẻ nắm vận mệnh của xã hội tư bản. Giai cấp vô sản công nghiệp, còn gọi là giai cấp vô sản hiện đại, là đối tượng bóc lột chủ yếu của giai cấp tư sản. Ngay từ đầu, họ đã đứng lên đấu tranh kịch liệt chống lại kẻ áp bức bóc lột mình.

?

1. Cách mạng công nghiệp tư bản chủ nghĩa đem lại những hậu quả gì ? Hậu quả nào quan trọng nhất ?
2. Việc cơ khí hóa công nghiệp tư bản chủ nghĩa diễn ra như thế nào ?

II – CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRỞ THÀNH HỆ THỐNG THẾ GIỚI

1. Những cuộc cách mạng tư sản thế kỉ XIX

Sang thế kỉ XIX, do sự phát triển nhanh chóng rộng khắp của kinh tế tư bản chủ nghĩa, phong trào dân tộc dân chủ ở Âu – Mĩ ngày một dâng cao, uy hiếp nặng nề sự sống còn của chế độ phong kiến. Mặc dù vua chúa nhiều nước phong kiến châu Âu đã tiến hành cải cách như ban hành hiến pháp để xoa dịu những mâu thuẫn gay gắt ở trong nước, nhưng cũng không ngăn ngừa được thần dân noi gương người Pháp.

Tháng 7-1830, quần chúng Pa-ri lại khởi nghĩa lật đổ vĩnh viễn triều Buốc-bông được lập lại ở Pháp từ năm 1815. Ảnh hưởng nhạy bén của cách mạng tư sản Pháp 1830 truyền nhanh sang Bỉ, Đức, I-ta-li-a, Ba Lan, thôi thúc nhân dân các nước này vùng lên chống quý tộc phong kiến trong nước và ách thống trị của ngoại bang. Cách mạng thắng lợi ở Bỉ (10-1830), còn ở những nước khác, bọn quý tộc phải khó khăn lắm mới dập tắt nổi phong trào quần chúng đang khao khát tự do độc lập.

Ở bên kia Đại Tây Dương, dưới tác động của Đại cách mạng Pháp và cách mạng Mĩ, lại lợi dụng lúc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đang suy yếu, các thuộc địa của hai nước nổi dậy giành độc lập, khai sinh cho một loạt quốc gia tư sản mới ở Mĩ la tinh đầu thế kỉ XIX, xóa bỏ một hậu phương bao la của các thế lực phong kiến (h.14).

Đến những năm 1848 - 1849, một cao trào cách mạng tư sản lại diễn ra sôi nổi ở hầu khắp châu Âu, củng cố vững chắc chế độ tư bản ở Pháp và làm nghiêng ngả chế độ phong kiến ở Đức, Áo, I-ta-li-a. Nguyện vọng tha thiết của giai cấp tư sản và nhân dân Đức, I-ta-li-a là thống nhất quốc gia đang bị các thế lực phong kiến chia cắt. Các dân tộc lệ thuộc trong đế quốc Áo như Hung-ga-ri, Tiệp Khắc, Ba Lan, Ru-ma-ni, I-ta-li-a, Nam Tư đòi thoát li khỏi cái "nhà tù của các dân tộc" ở Trung Âu này, để thành lập các quốc gia riêng biệt.

Mười năm sau Cách mạng 1848, cơn bão táp cách mạng mới lại bùng lên, trước hết ở Trung Nam Âu.

Từ năm 1859 đến 1870, dưới sự lãnh đạo của tư sản mà đại diện là Ca-vua - một quý tộc tư sản hóa, bảy quốc gia lớn nhỏ ở bán đảo I-ta-li-a lần lượt thống nhất thành *Vương quốc I-ta-li-a*. Trong sự nghiệp thống nhất ấy, quần chúng cách mạng do vị anh hùng dân tộc Ga-ri-ban-đi đứng đầu đã giữ vai trò đặc sắc.

Từ năm 1864 đến tháng 1-1871, 38 quốc gia bé nhỏ ở Đức từng bước thống nhất thành *Đế quốc Đức*. Ở đây, vì khiếp sợ giai cấp vô sản nên giai cấp tư sản Đức đã để bọn quý tộc quân phiệt, do Bi-xmac cầm đầu, tiến hành công cuộc thống nhất quốc gia. Điều đó sẽ đem lại những hậu quả nghiêm trọng trong đời sống mọi mặt của nước Đức sau này. Nhưng dù sao sự ra đời của hai quốc gia dân tộc tư sản

Hình 14 – Bản đồ chính trị Mĩ la tinh đầu thế kỉ XIX

I-ta-li-a và Đức cũng là bước tiến bộ của lịch sử, đồng thời nói lên sự sụp đổ không tránh khỏi của chế độ phong kiến và sự toàn thắng của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới.

Tình hình ấy còn bộc lộ rõ rệt cả ở sự khủng hoảng của chế độ phong kiến chuyên chế nông nô Nga, vốn được xem là một thành trì

uongxua.vn

vững chắc của chế độ phong kiến. Sự bất mãn của tất cả các tầng lớp nhân dân đã lên đến cực điểm hồi cuối thập niên 50. Những cuộc bạo động của nông nô diễn ra dồn dập những năm 1858 – 1860, có khả năng chuyển thành khởi nghĩa. Để lẩn tránh nguy cơ "bị nông dân cắt cổ" như Nga hoàng nói với giới quý tộc, chính phủ Nga hoàng phải ban hành *Sắc lệnh giải phóng nông nô* tháng 2-1861. Cuộc cải cách có tính chất tư sản này dù rất hạn chế, nhưng cũng mở đường cho nước Nga tiến sang chủ nghĩa tư bản. Chế độ phong kiến lại mất thêm một trận địa quan trọng.

?

– Quan sát bản đồ và kể tên các quốc gia tư sản ở Mĩ la tinh.
– Vương quốc I-ta-li-a và Đế quốc Đức ra đời như thế nào ?
– Tính chất và hậu quả của cuộc cải cách nông nô ở Nga năm 1861 ?

2. Sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây

Công thương nghiệp phát triển mau lẹ hồi cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX thúc đẩy các nước phương Tây đua nhau tăng cường xâm chiếm thuộc địa. Các thuộc địa là nguồn cung cấp lương thực, nguyên liệu rẻ cho công nghiệp chính quốc và là thị trường tiêu thụ những sản phẩm công nghiệp của nó một cách chắc chắn và có lời.

Bấy giờ, trong hàng ngũ các nước thực dân, Anh và Pháp là hai nước tư bản phát triển nhất, đồng thời là những tên thực dân đầu sỏ. Chúng hau háu nhìn sang phương Đông (tức châu Á) đất rộng người đông, tài nguyên cực kì phong phú.

Anh, Pháp cùng xâm lược tiểu lục địa *Ấn Độ* từ lâu và tranh chấp nhau kịch liệt. Sự tranh chấp ở đây và nhiều nơi khác đẩy hai nước đến chiến tranh. Pháp thất bại, theo hòa ước 1763, phải nhường Ca-na-đa cho Anh và để Anh độc quyền xâm chiếm Ấn Độ – theo phương Tây, là một xứ sở thần kì chứa đựng những kho tàng vô giá.

Sau Ấn Độ, Anh tìm cách thâm nhập *Trung Quốc*, một thị trường mênh mông đầy hứa hẹn. Năm 1840, Anh mang tàu to súng lớn đến uy hiếp triều đình Mãn Thanh, gây ra cuộc Chiến tranh thuốc phiện nổi tiếng trong lịch sử xâm lược. Nhà Thanh khiếp nhược phải mở cửa biển cho lái buôn Anh thông thương và cắt nhường Hồng Công.

Thấy thế, các nước khác như Mĩ, Pháp... cũng đưa tàu chiến sang ép nhà Thanh phải nhượng cho chúng những quyền lợi tương tự như cho Anh. Từ đó, được thể, chúng cứ lấn tới mãi, biến dần Trung Quốc thành nửa thuộc địa.

Khoảng 10 năm sau Chiến tranh thuốc phiện, đến lượt Mĩ làm như Anh, dùng vũ lực đe dọa, mở cửa thị trường *Nhật Bản* cho các nước phương Tây ùa vào. Mĩ còn xem Nhật Bản là vị trí chiến lược lí tưởng để Mĩ mở rộng xâm lược ở Tây Thái Bình Dương. Nền độc lập của đất nước Mặt Trời mọc bị đe dọa nặng nề.

Đông Nam Á nằm giữa Ấn Độ và Trung Quốc, lại là vùng tiếp giáp Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương, cũng không thoát khỏi sự thôn tính của các nước phương Tây. Ngoài quần đảo Phi-lip-pin là thuộc địa của Tây Ban Nha từ trước, quần đảo In-đô-nê-xi-a bị Hà Lan xâm lược từ thế kỉ XVI – XVII, Anh và Pháp đua nhau xâu xé phần đất liền, trên đó có Miến Điện, Xiêm (Thái Lan), Mã Lai, Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam (h.15).

Vào nửa đầu thế kỉ XIX, *châu Phi* còn là một lục địa bí hiểm đối với các nước phương Tây. Cho đến bấy giờ chúng mới đặt được những căn cứ thương mại ở ven biển. Riêng Anh có thuộc địa Kếp ở Nam

Hình 15 – Nam Á và Đông Nam Á giữa thế kỉ XIX

Phi, Pháp có thuộc địa An-giê-ri ở Bắc Phi là đã lấn sâu vào lục địa. Đến nửa sau thế kỉ XIX, chúng mới tìm cách đi xa hơn.

Tóm lại, các nước Á – Phi sớm muộn đều bị cưỡng bức sáp nhập vào hệ thống tư bản chủ nghĩa, và biến thành vành đai nông nghiệp của các nước phương Tây. Từ đó, nhân dân Á – Phi lâm vào tình trạng một cổ hai tròng. Họ bị bọn thực dân tham lam tàn ác câu kết với bọn phong kiến thối nát trong nước bóp nặn đến tận xương tủy. Đất nước giàu có tươi đẹp của họ bị chúng vơ vét, đào bới đến xác xơ.

?

1. Từ cuối thế kỉ XVIII đến năm 1870, chủ nghĩa tư bản thắng chế độ phong kiến trên phạm vi thế giới ở lĩnh vực kinh tế và chính trị như thế nào ?
2. Khi tiến hành cách mạng công nghiệp, các nước tư bản cần phải có những điều kiện cơ bản nào ? Ở Anh, nguồn vốn và nhân công lấy từ đâu ?
3*. Ở châu Âu, trong thế kỉ XIX, cách mạng tư sản diễn ra dồn dập như thế nào ? Cách mạng tư sản ở I-ta-li-a, Đức diễn ra dưới hình thức nào ? Ai đứng đầu công cuộc thống nhất ở I-ta-li-a và ở Đức ? Tại sao cách mạng tư sản chưa nổ ra ở Nga ?

(4) Đâu là đối tượng xâm lược chủ yếu của các nước phương Tây hồi nửa đầu thế kỉ XIX ? Tại sao ? Anh, Pháp, Mĩ tiến hành xâm lược châu Á như thế nào ? Kết quả ?

Bài 4

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC. QUỐC TẾ THỨ NHẤT

I – BUỔI ĐẦU CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ (1760 – 1848)

1. Giai cấp vô sản và buổi đầu của phong trào công nhân quốc tế

Phong trào công nhân, tức cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, bắt đầu từ khi giai cấp vô sản ra đời. Ở đâu cũng thế,

giai cấp vô sản đều là con đẻ của cách mạng công nghiệp. Công nghiệp càng phát triển, họ càng lớn mạnh. Giai cấp vô sản hình thành sớm nhất ở Anh – từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Anh mở đầu phong trào công nhân quốc tế.

Trong các công xưởng tư bản, công nhân trở thành nô lệ của máy móc, phải mải miết lao động theo nhịp độ khẩn trương của máy móc đến chóng mặt. Ngày làm việc lại quá dài, thường từ 14 đến 16 giờ. Sản phẩm làm ra ngày càng nhiều, song đồng lương vẫn chẳng bao giờ đủ ăn đủ mặc. Ở thì chui rúc trong các xóm ổ chuột ở ngoại ô. Lúc có việc làm đã vậy, những khi thất nghiệp, tình cảnh của họ sẽ cơ cực đến mức nào ? Tại các nước tư bản, đội quân thất nghiệp ngày một đông, đặc biệt trong những thời kì khủng hoảng kinh tế. Cuộc đời bi đát ấy đã thúc giục họ đấu tranh.

Nhưng khi vừa mới hình thành, do trình độ nhận thức còn thấp kém, họ tưởng lầm máy móc là nguồn gốc những đau khổ của mình, nên trút tất cả căm hờn vào vật vô tri. *Phong trào phá máy và đốt công xưởng* không chỉ thấy ở Anh, quê hương của nền công nghiệp cơ khí lớn, mà cả ở Pháp, Đức, Mĩ, Bỉ.

Ngoài ra, giai cấp vô sản còn *bãi công* đòi tăng lương và giảm giờ làm. Phong trào bãi công làm giai cấp tư sản tức tối sợ hãi không kém gì phong trào đập phá máy móc, vì một đằng phá hoại cơ sở vật chất của chủ nghĩa tư bản, đằng kia ngăn chặn sự bóc lột của giai cấp chủ. Hơn thế, khi bãi công, họ còn đoàn kết thành *công đoàn*, tức đấu tranh có tổ chức. Chẳng thế mà chính phủ Anh, Pháp ra lệnh xử tử những ai đập phá máy móc, và ban hành những luật cấm bãi công và lập công đoàn, với những hình phạt nặng nề (ở Pháp năm 1791, ở Anh 1799 – 1800). Nhưng những biện pháp trừng phạt ấy chỉ như đổ thêm dầu vào lửa. Phong trào phá máy và bãi công tiếp tục diễn ra sôi nổi hồi đầu thế kỉ XIX. Chính phủ Anh sớm phải thừa nhận quyền bãi công và lập công đoàn của công nhân (1824).

Trong những năm 1831 và 1834, ở Pháp, công nhân thành phố Li-ông liên tiếp *khởi nghĩa* đòi quyền lao động và đòi thiết lập chế độ cộng hòa. Năm 1844, công nhân dệt vùng Sơ-le-din ở Đức cũng khởi nghĩa, phản đối sự hà khắc của giới chủ xưởng. Những cuộc đấu tranh

vũ trang đầu tiên này của giai cấp vô sản đều bị đàn áp thẳng tay. Song nhà cầm quyền ở Pháp, Đức không thể xóa đi một sự thật là giai cấp vô sản đã xuất hiện trên vũ đài lịch sử với tư cách *một lực lượng xã hội độc lập*. Họ bắt đầu đề xuất những yêu sách của riêng giai cấp mình. Sự thật này càng sáng tỏ khi giai cấp công nhân Anh từ năm 1836 đến 1848, đã ba lần đưa kiến nghị có hàng triệu chữ kí đến Nghị viện đòi quyền tuyển cử phổ thông (h.16). Nhưng tư sản không chấp nhận.

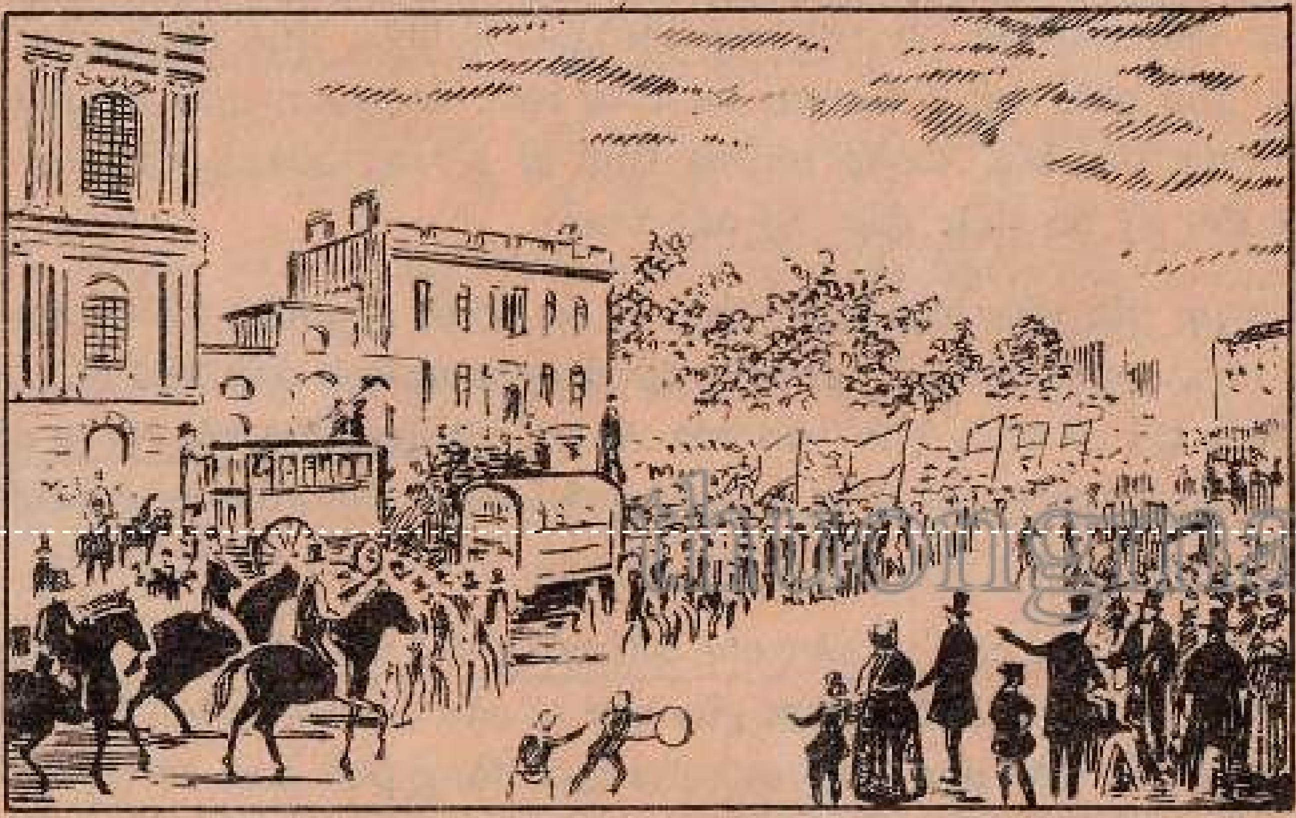

Hình 16 – Công nhân Anh đưa kiến nghị đến Nghị viện

Những hành động tích cực của vô sản Anh, Pháp, Đức trong những năm 1830 – 1840 đánh dấu một bước trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế và làm cho những giai cấp thống trị rất lo lắng. Nhưng thực ra những yêu sách của họ vẫn chỉ quẩn quanh trong sự đòi hỏi hạn chế áp bức bóc lột mà thôi, do đó không thể thay đổi căn bản hoàn cảnh và địa vị xã hội của mình. Rõ ràng giai cấp vô sản đang thiếu một lí luận cách mạng, khoa học soi đường, cũng như thiếu một tổ chức cách mạng để dẫn dắt họ đấu tranh tự giải phóng hoàn toàn khỏi ách tư bản. Các Mác và Phri-đrích En-ghen đã kịp thời đáp ứng yêu cầu bức thiết đó của vô sản quốc tế.

- Hạn chế của PTCN thời kì đầu

? – Thế nào là phong trào công nhân ? Phong trào công nhân bắt đầu từ khi nào ? Động cơ đấu tranh của công nhân ?

– Hình thức đấu tranh của công nhân buổi đầu là gì ?

2. C. Mác và Ph. En-ghen sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học

Các Mác sinh năm 1818 trong một gia đình trí thức tiến bộ ở thành phố Tơ-ri-ơ.

Phri-đrích En-ghen sinh năm 1820 trong một gia đình chủ xưởng ở thành phố Bac-men. Hai thành phố này ở vùng Rai-lan ở Tây Đức, là vùng công nghiệp phát triển nhất của Đức thời đó. Năm 23 tuổi, Mác đỗ tiến sĩ triết học. En-ghen tuy không đỗ đạt cao như Mác nhưng học vấn rất uyên thâm.

Hai ông sớm có chí hướng cách mạng nên sẵn sàng rời bỏ danh vọng và giầu sang đang chờ mình ở phía trước, để hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và toàn thể nhân loại bị áp bức. Hai ông xem đấy là hạnh phúc lớn nhất của mình. Ngay trong bài luận tốt nghiệp phổ thông "Những ý nghĩ của một thanh niên khi chọn nghề", cậu học sinh Mác đã viết : "...Kinh nghiệm cho thấy rằng người nào đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất thì người đó là hạnh phúc nhất."

truongxua.vn

Do chung một chí hướng cao cả nên ngay từ buổi đầu gặp nhau ở Pa-ri năm 1844, hai con người vĩ đại ấy liền trở thành đôi bạn tri kỉ, suốt đời cùng nhau đấu tranh, cùng nhau chia sẻ ngọt bùi đắng cay, xưa nay không một tình bạn nào sánh kịp và cảm động hơn.

Bị trục xuất vì hoạt động chính trị, vợ chồng Mác phải từ biệt Tổ quốc Đức thân yêu sang Pa-ri, Bruc-xen (Bỉ) và cuối cùng sang Luân Đôn cư trú lâu dài. En-ghen thì bị cha ép buộc sang làm thư kí cho chi nhánh của hãng buôn của cha ở Man-tre-xtơ (Anh). En-ghen ghét cay ghét đắng cái nghề buôn bán "bỉ ổi" đó, nhưng được bù lại là có điều kiện để thường xuyên giúp đỡ gia đình Mác những khi cơ nhỡ, để Mác toàn tâm toàn ý phục vụ cách mạng.

Từ năm 1842 đến 1847, Mác và En-ghen vừa miệt mài nghiên cứu sáng tạo lí luận cách mạng vô sản, vừa hăng hái hoạt động trong

C.Mác

Ph.En-ghen

Hình 17

phong trào công nhân Tây Âu. Hai ông luôn luôn đem lí luận của mình đối chiếu với thực tiễn xã hội để đảm bảo tính chính xác khoa học của nó, đồng thời đúc rút những kinh nghiệm đấu tranh phong phú của quần chúng và của giai cấp vô sản, để bổ sung cho chủ nghĩa xã hội khoa học mà các ông đang dày công xây dựng (h.17).

Ngoài nguyện vọng trang bị lí luận cách mạng cho giai cấp vô sản, Mác và En-ghen còn quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng cho họ một chính đảng độc lập. Hai ông cho rằng không có sự lãnh đạo của đảng cách mạng, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản không thể đi đến thắng lợi.

Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Mác và En-ghen, *Đồng minh những người chính nghĩa* – một tổ chức chính trị bí mật của công nhân Tây Âu – trở thành *Đồng minh những người cộng sản*. Đây là chính đảng độc lập đầu tiên của vô sản quốc tế. Hai ông được ủy nhiệm soạn thảo cương lĩnh của Đồng minh. Tháng 2-1848, cương lĩnh được công bố dưới hình thức một bản tuyên ngôn: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Trong "Tuyên ngôn", Mác và En-ghen vạch rõ lịch sử nhân loại là lịch sử phát triển của sản xuất và lịch sử đấu tranh của các giai cấp đối

kháng. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của những xã hội dựa trên chế độ tư hữu, như xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến và xã hội tư bản. Đó là cuộc đấu tranh giữa giai cấp thống trị bóc lột và giai cấp bị áp bức bóc lột. Qua đấy, hai ông chứng minh một cách khoa học về sự không tránh khỏi diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự nhất định thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

Tiếp theo, Mác và En-ghen nêu lên sứ mạng lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản là "người đào huyệt" chôn chủ nghĩa tư bản. Đồng thời, hai ông giải thích mối quan hệ khăng khít giữa giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản. Những người cộng sản là bộ phận tiên tiến nhất, kiên quyết nhất của giai cấp vô sản. Do được vũ trang bằng một lí luận cách mạng, nên họ hiểu tường tận các bước phát triển và mục đích của toàn bộ phong trào. Đảng Cộng sản có nhiệm vụ lãnh đạo giai cấp mình và tất cả quần chúng bị áp bức làm cách mạng lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền vô sản. Nắm được chính quyền, giai cấp vô sản sẽ xóa bỏ chế độ tư hữu, nguồn gốc của nạn người bóc lột người, thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

"Tuyên ngôn" kết thúc bằng lời kêu gọi chứa chan tinh thần quốc tế vô sản : "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại !".

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là một kiệt tác bất hủ, tổng kết toàn bộ quá trình hình thành của chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác là một hệ thống lí luận cách mạng, phản ánh chính xác và đầy đủ nhất quyền lợi của giai cấp vô sản, chỉ cho họ thấy rõ những điều hết sức quan trọng mà trước kia họ chưa tự giác ngộ, như sứ mệnh lịch sử, mục đích và những biện pháp đấu tranh để đi tới thắng lợi cuối cùng của mình. Bởi vậy, chủ nghĩa Mác trở thành hệ tư tưởng, trở thành vũ khí lí luận của giai cấp vô sản. Và sự ra đời của chủ nghĩa Mác vào tháng 2-1848 đã mở ra giai đoạn tự giác của phong trào công nhân quốc tế tức phong trào cộng sản. Như thế *phong trào cộng sản chính là sự kết hợp giữa phong trào công nhân với chủ nghĩa Mác*. Tổ chức *Đồng minh những người cộng*

sản và bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là biểu hiện rực rỡ đầu tiên của sự kết hợp này.

? 1. Cơ sở và biểu hiện tình bạn của C.Mác và Ph. En-ghen là gì ?

2. Tác dụng của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ?

II – QUỐC TẾ THỨ NHẤT TỪ NĂM 1864 ĐẾN NĂM 1869

1. Hoàn cảnh ra đời và sự thành lập Quốc tế

Quốc tế thứ nhất xuất hiện năm 1864, vào lúc mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản ngày càng căng thẳng và ý thức đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản ngày càng cao.

Sự căng thẳng của mâu thuẫn ấy thể hiện nổi bật ngay từ cuộc khởi nghĩa tháng 6-1848 của công nhân Pa-ri trả lời âm mưu của giai cấp tư sản Pháp định khuất phục họ bằng vũ lực. Suốt bốn ngày, từ 23 đến 26-6, quần chúng lao động Pa-ri đã chiến đấu vô cùng anh dũng nhưng cuối cùng thất bại, vì thiếu lãnh đạo và chiến đấu lẻ loi (nông dân và tiểu tư sản ngả về phía tư sản).

Rồi qua những lần thất bại trong đấu tranh bãi công, giai cấp vô sản các nước mỗi lúc một nhận thức rõ tầm quan trọng của sự đoàn kết quốc tế. Vì đã rất nhiều lần, để phá hoại bãi công, bọn chủ xưởng nước này đã đưa công nhân từ nước khác đến làm thay công nhân bãi công.

Tất cả những tình hình kể trên đòi hỏi phải thành lập một tổ chức cách mạng quốc tế của giai cấp vô sản, làm trung tâm đoàn kết phối hợp hành động, tăng cường hiệu quả đấu tranh chống chế độ tư bản.

Ngày 28-9-1864, trong một cuộc mít tinh lớn ở Luân Đôn có đại biểu công nhân nhiều nước tham gia, *Hội liên hiệp công nhân quốc tế*, sau đi vào lịch sử với tên *Quốc tế thứ nhất*, được thành lập (h.18). Mác là đại biểu của công nhân Đức, được cử vào Ban lãnh đạo và nhanh chóng trở thành người đứng đầu Ban lãnh đạo. Mác cũng được ủy thác thảo ra bản *Tuyên ngôn thành lập* và *Điều lệ* của Quốc tế.

Hình 18 –Thành lập Quốc tế thứ nhất

Bằng những lời lẽ rõ ràng, giản dị, đầy sức thuyết phục, Mác đã lồng vào văn kiện có tính chất cương lĩnh ấy của Quốc tế những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học. Như : – giai cấp vô sản phải thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ; – đánh đổ chính quyền tư sản, thiết lập chính quyền vô sản ; – việc giải phóng giai cấp công nhân là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân ; – chỉ có đấu tranh chính trị, giai cấp công nhân mới có thể giải phóng mình về kinh tế.

Đồng thời, để thanh toán nạn bè phái, trong *Điều lệ*, Mác chủ trương mở rộng cửa đón nhận tất cả những tổ chức công nhân có khuynh hướng khác nhau, tập hợp vào một đội ngũ duy nhất để dần dần thống nhất lại dưới một ngọn cờ tư tưởng chung. *Tuyên ngôn thành lập* cũng kết thúc bằng khẩu hiệu chiến lược: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!" mà C.Mác và Ph.En-ghen đã đề ra từ năm 1848.

Như thế, nhờ có Mác nên ngay từ đầu Quốc tế thứ nhất đã tiến theo ngọn cờ chủ nghĩa xã hội khoa học. Song, cho đến bấy giờ, số người am hiểu chủ nghĩa Mác còn ít, Quốc tế thứ nhất sẽ là diễn đàn thuận lợi để truyền bá chủ nghĩa Mác đến đông đảo quần chúng công nhân.

?

– Hoàn cảnh nào đã thúc đẩy công nhân thành lập Quốc tế thứ nhất ?

– Cương lĩnh mác-xít của Quốc tế thứ nhất được thể hiện ở những luận điểm nào ?

2. Hoạt động của Quốc tế từ 1864 đến 1869. Vai trò của Mác

Trong giai đoạn tồn tại đầu tiên này của Quốc tế (1864 - 1869), hằng năm Quốc tế đều họp đại hội để kiểm điểm quá trình hoạt động và thông qua những nghị quyết mới. Trên diễn đàn của các đại hội ấy, Mác, En-ghen và những học trò của hai ông đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh bền bỉ, kiên quyết với những luồng tư tưởng phi vô sản của các phái Pru-đông, Ba-cu-nin... đang ngự trị trong phong trào công nhân nhiều nước.

Các phái này gieo rắc những tư tưởng xa lạ với quyền lợi của giai cấp vô sản như bảo tồn chế độ tư hữu, kịch liệt phản đối bãi công và đấu tranh chính trị, phủ nhận chuyên chính vô sản, gạt bỏ sự cần thiết phải xây dựng các công đoàn và chính đảng. Họ còn chủ trương tiến tới chủ nghĩa xã hội bằng những kế hoạch viển vông nhưng có vẻ hấp dẫn. Ngoài ra, họ lại tìm đủ mọi cách để đoạt lấy quyền lãnh đạo Quốc tế.

Nhưng những lí luận của họ không thể đứng vững trước thực tế đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, và bị đánh quỵ bởi tính chất đúng đắn, khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác ngày càng có uy tín trong phong trào công nhân quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo của Mác, Quốc tế nhanh chóng gây được ảnh hưởng trong quần chúng công nhân. Trong vòng hai năm đầu, đã thành lập được 25 chi bộ của Quốc tế ở hầu hết các nước thuộc châu Âu.

Quốc tế đã thông qua những nghị quyết có ý nghĩa chính trị to lớn : đòi pháp luật quy định chế độ ngày làm 8 giờ ; thành lập các công đoàn tập hợp đông đảo quần chúng công nhân, đưa họ vào con đường đấu tranh có tổ chức ; xác định chế độ sở hữu tập thể về ruộng đất, hầm mỏ, đường sắt v.v. Đồng thời, qua mỗi kì đại hội, vị trí lãnh tụ Quốc tế của Mác ngày càng được củng cố không gì lay chuyển nổi.

Mác không những sáng lập ra Quốc tế, mà còn giữ vai trò chủ yếu trong mọi hoạt động của Quốc tế, như : chuẩn bị nội dung các đại hội,

chọn người báo cáo, dự thảo nghị quyết, trình bày trên báo chí những vấn đề chính trị quan trọng. Thật đúng như En-ghen đã viết :

"Miêu tả hoạt động của Mác ở Quốc tế thứ nhất, có nghĩa là viết lịch sử của chính Quốc tế".

?

1. Phong trào công nhân quốc tế phát sinh trước tiên ở đâu ? Từ bao giờ ? Vì sao ?
2. Giữa phong trào công nhân với phong trào cộng sản có gì giống nhau và khác nhau ?
3. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.En-ghen đã chỉ rõ cho giai cấp vô sản những điều gì thiết thân đến công cuộc đấu tranh của mình ?
4. Tóm tắt hoạt động của Quốc tế thứ nhất từ năm 1864 đến năm 1869. Vai trò của C.Mác trong đó ?

uongxua.vn

Bài 5

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KĨ THUẬT, KHOA HỌC VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN NĂM 1870

I - SỰ TIẾN BỘ VỀ KĨ THUẬT

1. Công nghiệp

Cuối thời trung đại, công trường thủ công tư bản chủ nghĩa xuất hiện, sử dụng lao động làm thuê nhưng chưa có máy móc. Đầu thời cận đại, các công trường đó phát triển nhanh chóng, nhất là ở Anh, Pháp. Từ nửa sau thế kỉ XVIII, máy móc xuất hiện trước tiên ở Anh, sau đó lan tràn ở Âu - Mĩ khi tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa,

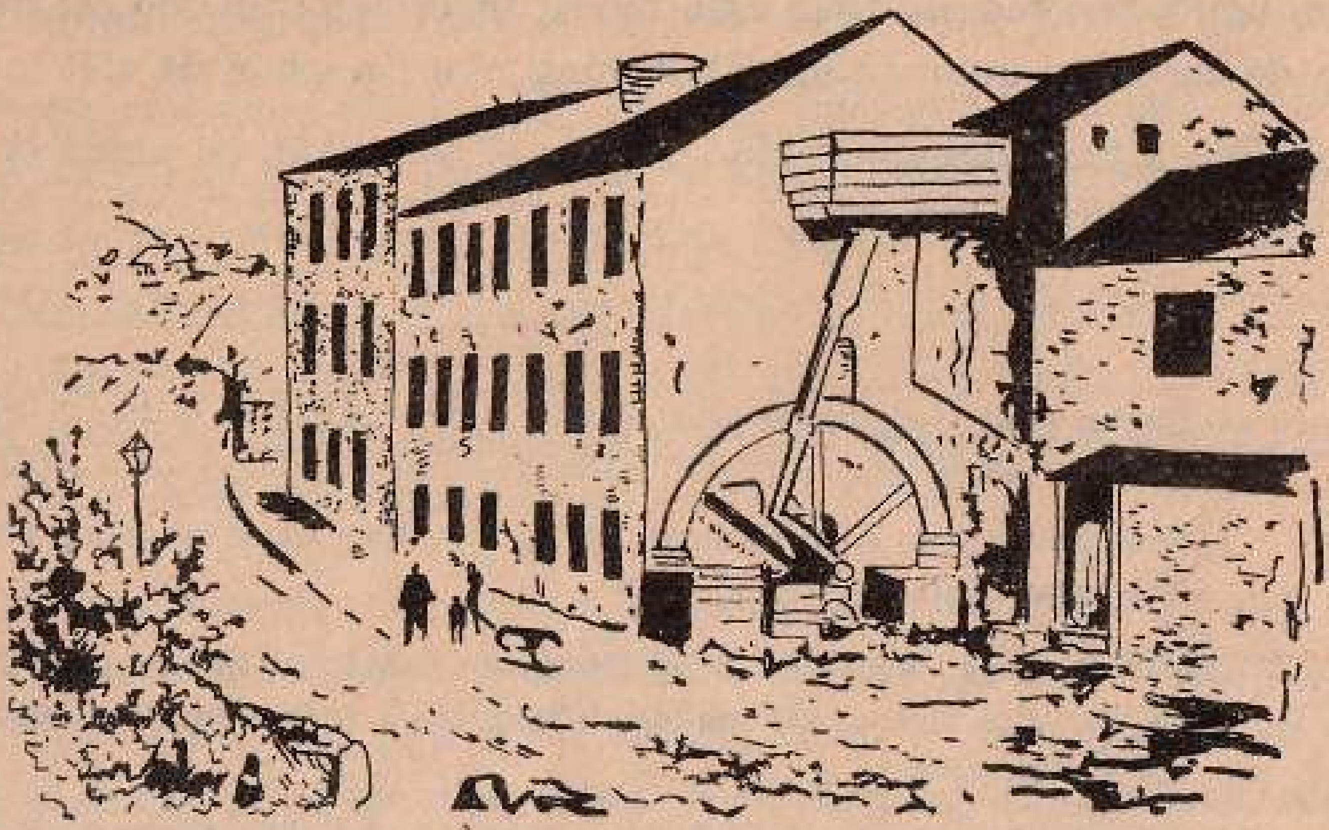

Hình 19 – Nhà máy dùng sức hơi nước

tạo nên *cách mạng công nghiệp*. Cơ sở vật chất và kĩ thuật của xã hội tư bản là nền công nghiệp cơ khí lớn.

Máy móc được chế tạo bằng sắt thép và có cả loại máy cái. Máy hơi nước là nguồn động lực ngày càng phổ biến (h.19). Những nhiên liệu mới như than đá (nửa sau thế kỉ XVIII), dầu mỏ (từ giữa thế kỉ XIX), được sử dụng.

Thế kỉ XIX được gọi là thế kỉ của sắt, máy móc và động cơ hơi nước.

? – Em hãy cho biết có phải công nghiệp cơ khí lớn là cơ sở vật chất kĩ thuật của xã hội tư bản không ? Hãy giải thích.

2. Giao thông liên lạc

g thông

Giao thông vận tải được cơ khí hóa nhờ có động cơ hơi nước.

Về đường thủy, năm 1807, Phơn-tơn, một thợ máy người Mĩ, đóng được tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước đầu tiên (h.20). Hơn 10 năm sau, một tàu thủy kiểu mới ấy đã vượt Đại Tây Dương. Năm 1836, hơn 500 tàu thủy tối tân đã hoạt động ở các hải cảng của Anh.

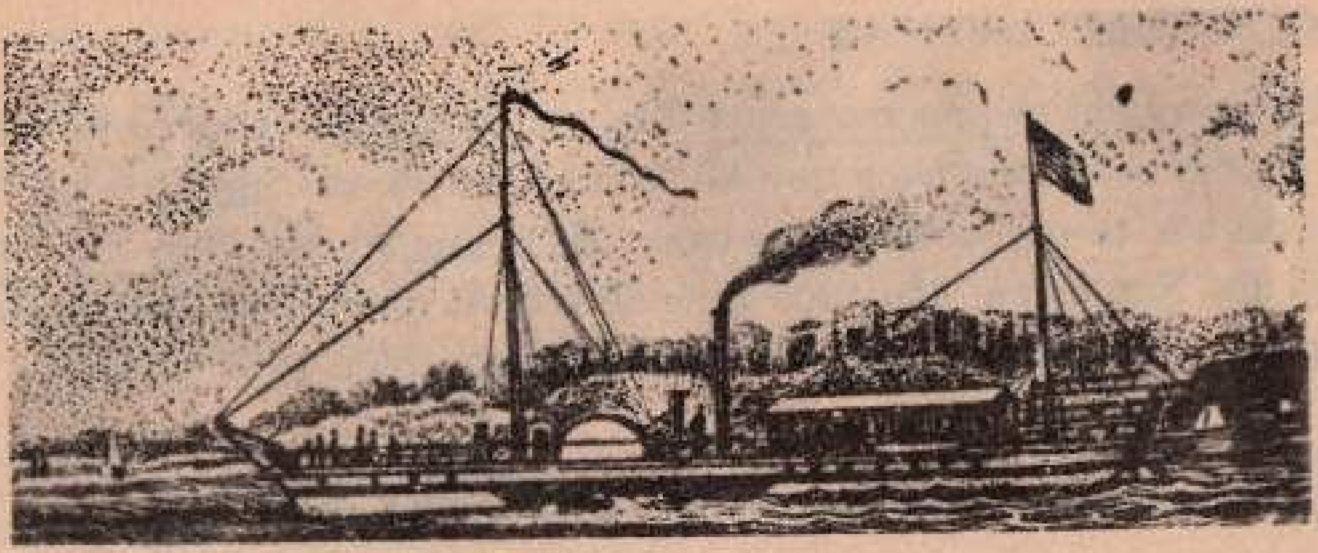

Hình 20 – Tàu thủy Phơn–tơn

Trên bộ, đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước được chế tạo ở Anh từ năm 1802 chạy trên đường lát đá. Nhưng xe lửa chỉ có tác dụng thực tế khi chạy trên đường sắt, kéo được nhiều toa và tốc độ nhanh. Chính một thợ máy người Anh Xti–phen–xơn đã chế tạo được loại này năm 1814 (8 toa, 6 kilômét/giờ). Sau đó, đường sắt phát triển rất nhanh. Năm 1830, cả thế giới mới có 332 km, năm 1870 đã tới hơn 200.000 km.

Liên lạc phải được xa và nhanh. Giữa thế kỉ XIX, máy điện tín được phát minh ở Nga và Mĩ. Một người Mĩ, Mo–xơ, sáng chế bảng chữ cái cho điện tín gồm những gạch và chấm.

Về hàng không, khoảng đầu và cuối thế kỉ XVIII, ở Nga và Pháp đã có những cuộc bay thí nghiệm bằng khí cầu (bơm bằng không khí nóng, sau bằng khí hi–đrô).

? – Tại sao phải cơ khí hóa giao thông liên lạc ?

3. Nông nghiệp

Bước sang thời cận đại, chế độ luân canh nhiều mảnh được phổ biến. Sang thế kỉ XIX, phân hóa học được sử dụng. Máy móc nông nghiệp được dùng trong các trang trại lớn : máy kéo chạy bằng hơi nước, cày nhiều lưỡi, máy đập...

? – Vì sao năng suất lao động trong nông nghiệp thời cận đại được nâng cao ?

4. Kĩ thuật quân sự

Nhiều vũ khí mới được sản xuất. Đại bác bằng thép, nòng có rãnh, nạp đạn ở phía cuối nòng bằng quy-lát, bắn nhanh và xa. Súng trường cũng được cải tiến theo phương hướng trên. Chiến hạm vỏ thép chạy bằng chân vịt ra đời. Ngư lôi bắt đầu được dùng để phá vỡ vỏ tàu thép. Khí cầu được dùng vào việc trinh sát trận địa địch (ở Mĩ, nội chiến 1861 – 1865).

? – Kĩ thuật cơ khí áp dụng vào chiến tranh như thế nào ?

§15: KT 1 tiết

§14

II – SỰ TIẾN BỘ VỀ KHOA HỌC

1. Khoa học tự nhiên

Sự phát triển của kĩ thuật trong sản xuất có quan hệ với sự tiến bộ rất lớn của các ngành khoa học tự nhiên.

Đầu thế kỉ XVIII, Niu-tơn, nhà bác học Anh, tìm ra *thuyết vạn vật hấp dẫn*, nhờ đó một loạt vấn đề về vật lí, toán, địa lí... được đi sâu và làm sáng tỏ.

Tiếp đó, ba phát minh lớn nhất là *thuyết bảo toàn năng lượng, thuyết tế bào và thuyết tiến hóa di truyền*. Giữa thế kỉ XVIII, Lơ-ma-nô-xốp, nhà bác học Nga, tìm ra định luật bảo toàn vật chất và năng lượng cùng nhiều phát minh lớn về lí, hóa. Năm 1837, Puốc-kin-giơ, nhà bác học Tiệp Khắc, khám phá bí mật của sự phát triển thực vật và đời sống của các mô động vật, lần đầu tiên chứng minh rằng đời sống của mô sinh vật là sự phát triển của tế bào và sự phân bào. Thuyết tế bào có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của các ngành sinh vật học, và nhất là đối với y học. Năm 1859, Đac-uyn, nhà bác học Anh, xuất bản một tác phẩm nổi tiếng nêu lên thuyết tiến hóa và di truyền. Trong đó, ông chứng minh rằng sinh vật phát triển từ những cơ cấu tế bào đơn giản nhất đến phức tạp nhất, các loài thực vật và động vật không phải là vĩnh viễn mà có sự biến dị, các loài đang tồn tại hiện nay đã sinh ra dần dần từ các loài khác đã có từ trước bằng con đường đào thải và chọn lọc tự nhiên, sinh vật nào thích nghi với hoàn cảnh sinh sống thì tồn tại và truyền lại những

đặc tính của nó cho các thế hệ sau. Thuyết tiến hóa và di truyền của Đac-uyn đập tan quan niệm về nguồn gốc thần thánh của các sinh vật và về tính chất bất biến của các loài. Ba phát minh lớn kể trên chứng tỏ rằng vạn vật biến chuyển, vận động theo quy luật, đả kích mạnh mẽ vào giáo lí thần học cho rằng Thượng đế sáng tạo ra muôn loài, được làm ra một lần và cố định không thay đổi.

? – Nêu những phát minh lớn về khoa học tự nhiên ở thế kỉ XIX và tầm quan trọng của chúng.

2. Khoa học xã hội

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, các ngành khoa học xã hội cũng tiến bước mạnh mẽ.

Chủ nghĩa duy vật phát triển, nhất là ở Đức với Phoi-ơ-bac. Hê-ghen, cũng ở Đức, xây dựng tương đối hoàn thiện *phép biện chứng*. Chính trị kinh tế học tư sản ra đời với những đại biểu xuất sắc là Xmit và Ri-cac-đô ở Anh. *Chủ nghĩa xã hội không tưởng* nổi tiếng với Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê (Pháp) và O-oen (Anh).

uongxua.vn

Nghiên cứu lí luận kết hợp với đấu tranh cách mạng, C.Mác và Ph.En-ghen đã xây dựng học thuyết *chủ nghĩa xã hội khoa học* (gồm ba bộ phận: triết học mác-xít, kinh tế học mác-xít và chủ nghĩa xã hội khoa học). Đây là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử tư tưởng loài người. Từ đó, các ngành khoa học xã hội được xây dựng trên một cơ sở khoa học, và *sử học trở thành một khoa học chân chính*.

? – Trong khoa học xã hội, những phát minh nào quan trọng hơn cả ?

III – SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

1. Văn học

Thế kỉ XVIII, nhiều nhà văn, nhà thơ tiến bộ đã đấu tranh kịch liệt chống chế độ phong kiến thối nát. Ở Pháp, có *Mông-te-xki-ơ*,

Vôn-te, Đi-dơ-rô, Ru-xô. Ở Đức, nổi bật là *Guê-thơ,* nêu cao hạnh phúc và lòng dũng cảm đi chinh phục tự nhiên của con người, sức mạnh của lí trí và sự cao cả của lao động ; ngoài ra còn có *Si-lơ, Hai-nơ.* Ở Anh, nhà thơ *Bai-rơn* nổi tiếng với phong cách lãng mạn.

Từ sau Đại cách mạng Pháp đến năm 1870, nền văn học của xã hội tư bản phát triển rầm rộ trên cơ sở cuộc đấu tranh giữa những trào lưu tiến bộ với những trào lưu bảo thủ phản động. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển càng bộc lộ những xấu xa của nó. Nhiều nhà văn đi sâu vạch trần bộ mặt thật của xã hội đương thời, nêu cao mơ ước hạnh phúc tự do, đả kích châm biếm bọn cầm quyền và tư sản vô đạo đức. Chủ nghĩa hiện thực phê phán xuất hiện và trở thành một dòng văn học tiến bộ lớn. Những bộ mặt tiêu biểu là *Huy-gô, Ban-dắc* (Pháp), *Thắc-cơ-rê, Đích-cơn* (Anh), *Pu-skin, Lec-man-tôp, Gô-gôn, Lep Tôn-xtôi* (Nga) v.v.

thuongmait

? – Em hãy cho biết văn học mang dấu ấn thời đại ở chỗ nào ?

2. Nghệ thuật

Các bộ môn nghệ thuật cũng nở hoa.

Trong âm nhạc, những thiên tài xuất hiện. *Mô-da* (Áo) nổi tiếng từ nhỏ, với các nhạc phẩm chan chứa tình nhân ái và tràn đầy tư tưởng Ánh sáng. *Bắc,* nhất là *Bi-tô-ven* (cùng ở Đức), nhiệt thành ca ngợi cuộc đấu tranh cho tự do. *Rô-xi-ni, Bec-đơ* (I-ta-li-a), *Xmê-ta-na* (Tiệp Khắc), *Glin-ca, Trai-cốp-xki* (Nga), đặc biệt là *Sô-panh* (Ba Lan) được hàng triệu người yêu quý (h.21).

Những danh họa gắn với cách mạng và quần chúng. Nổi bật ở Pháp là *Đa-vit, Đơ-la-croa,* rồi *Cuôc-bê* – một chiến sĩ Công xã Pa-ri.

Ở Tây Ban Nha, *Gôi-a* được ca ngợi vì những tuyệt tác phê phán bọn phong kiến và Giáo hội, đặc biệt là tranh châm biếm.

Bi-tô-ven

Sô-panh

Hình 21

uongxua.vn

?

1. Tại sao từ cuối thế kỉ XVIII đến năm 1870, khoa học kĩ thuật thế giới tiến triển mạnh mẽ ?

2. Đánh giá tác dụng của những tiến bộ trong khoa học.

3*. Vai trò của các nhà văn và nghệ sĩ đối với sự tiến bộ của xã hội đương thời ?

§15 : KT 1 tiết

CHƯƠNG II

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

Bài 6

CÔNG XÃ PA-RI 1871

I – SỰ THÀNH LẬP CÔNG XÃ

1. Hoàn cảnh ra đời

Sau cuộc đụng độ dữ dội tháng 6 – 1848, mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản ở Pháp ngày càng sâu sắc, do sự phát triển mạnh mẽ của đại công nghiệp dưới thời Đế chế thứ hai (1852 – 1870) là nền chuyên chính độc tài công khai của giai cấp tư sản phản động.

Trong khoảng 20 năm ấy, hàng ngũ giai cấp vô sản tăng nhanh. Riêng ở Pa-ri vào cuối thập niên 60 tập trung tới 450.000 công nhân. Họ bị vắt kiệt mồ hôi. Nam, nữ công nhân và cả trẻ em nữa thường phải lao động từ 12 đến 14 giờ một ngày. Tại những hầm mỏ ở quận Pa-đơ Ca-le (Bắc Pháp), có những trẻ em dưới 10 tuổi đã phải chui xuống lòng đất làm việc như người lớn. Cả gia đình phải bán sức lao động mà vẫn không đủ sống vì đồng lương rất thấp. Bởi vậy họ liên tiếp bãi công, biểu tình đòi cải thiện đời sống và điều kiện lao động.

Qua thử thách trong đấu tranh, ý thức giác ngộ cách mạng và đoàn kết giai cấp của vô sản ngày càng cao, làm giai cấp tư sản rất lo sợ.

Đến ngày 19-7-1870, Đế chế thứ hai đã đẩy dân tộc Pháp vào cuộc chiến tranh với Đức, nhằm những mục đích đen tối, trong đó có âm mưu lợi dụng chiến thắng bên ngoài để đè bẹp tinh thần phản kháng của công nhân. Nhưng quân đội của hoàng đế Na-pô-lê-ông III bị quân Đức đánh bại nhanh chóng và chuốc lấy thất bại thảm hại ở trận Xơ-đăng ngày 2-9-1870.

Hay tin đó, ngày 4-9-1870, quần chúng thủ đô, phần lớn là công nhân và tiểu tư sản lập tức khởi nghĩa lật đổ Đế chế thứ hai, đòi thiết lập chế độ cộng hòa và bảo vệ Tổ quốc lâm nguy.

Một chính phủ lâm thời tư sản được thành lập. Trước làn sóng yêu nước dâng cao trên toàn quốc, Chính phủ lâm thời buộc phải giao khí giới cho quần chúng. Ở Pa-ri, ngoài 60 tiểu đoàn Vệ quốc quân tư sản, 200 tiểu đoàn mới gồm chủ yếu là công nhân và người lao động được xây dựng thêm.

Lúc đó, quân Đức tiến sâu vào vây chặt Pa-ri và đe dọa nặng nề sự còn mất của nước Pháp. Nhưng bấy giờ không như thời 1793, giai cấp tư sản sợ nhân dân được vũ trang hơn sợ quân xâm lược. Chúng ngấm ngầm đàm phán với Đức xin đầu hàng để sớm rảnh tay chống lại quần chúng, e rằng một khi thắng quân xâm lược, nhân dân sẽ chĩa vũ khí vào chúng.

Ngày 28-1-1871, Chính phủ lâm thời vội vã xin đình chiến, trong lúc lực lượng kháng chiến của nhân dân vẫn dồi dào. Hành vi phản quốc trắng trợn ấy làm quần chúng hết sức bất bình, vì nó phơi bày bộ mặt phản dân hại nước của giai cấp tư sản.

Theo đòi hỏi của kẻ chiến thắng, Pháp phải bầu ngay một Quốc hội để thông qua hòa ước (8-2). Dưới sức ép của quân chiếm đóng Đức và do sự tuyên truyền lừa bịp của tư sản và cha cố phản động, đa số trong Quốc hội lọt vào tay phái tư sản bảo hoàng. Ngay từ phiên họp đầu tiên, Quốc hội không chịu thừa nhận nền cộng hòa, và đưa Chi-e – một kẻ thù điên cuồng của nhân dân lao động – lên cầm đầu chính phủ chính thức.

? – Vì sao mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản Pháp lại sâu sắc thêm dưới thời Đế chế thứ hai ? Khi xảy ra chiến tranh, vì sao mâu thuẫn ấy mang tính chất bùng nổ ?

2. Cuộc khởi nghĩa 18 – 3 –1871. Công xã thành lập

Quốc hội không chịu về Pa–ri mà đóng ở Vec–xai và điều động quân đội uy hiếp thủ đô. Trước thái độ thù địch ấy, Vệ quốc quân bèn bầu ra cơ quan lãnh đạo của mình – Ủy ban trung ương Vệ quốc quân (giữa tháng 2–1871). Cơ quan đầu não của quần chúng được vũ trang này nhanh chóng có uy tín rất lớn trong dân chúng thủ đô và được xem như một chính quyền thứ hai.

Hoảng sợ, chính phủ Chi–e quyết định bắt các ủy viên trung ương, tước vũ khí và giải tán Vệ quốc quân. Tảng sáng 18–3, Chi–e cho quân lén đến đánh úp đồi Mông–mac (ở Bắc thủ đô Pa–ri), một nơi tập trung đại bác của Vệ quốc quân. Song âm mưu đó bị thất bại, nhờ tinh thần cảnh giác cách mạng của quần chúng kịp thời kéo đến hỗ trợ cho số Vệ quốc quân ít ỏi đang canh giữ vũ khí. Họ đã vận động được binh lính địch quay súng bắn vào bọn chỉ huy của mình. Một số đại bác bị cướp đi lại được kéo về đặt vào vị trí cũ.

Sau thất bại trên, Chi–e định phái các tiểu đoàn Vệ quốc quân tư sản đánh lui công nhân, song cũng không đi đến đâu. Tới trưa, Ủy ban trung ương Vệ quốc quân ra lệnh cho các đơn vị dưới sự lãnh đạo của mình tiến vào trung tâm Pa–ri. Quần chúng từ các xóm thợ ngoại ô tràn vào nội thành. Chi–e thấy nguy, hấp tấp rút về Vec–xai đám quân đã mất tinh thần. Lúc hoàng hôn, các cơ quan chính phủ đều lọt vào tay quân dân cách mạng. Cờ đỏ phấp phới bay trên nóc trụ sở Bộ chiến tranh và Tòa thị chính Pa–ri.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền của tư sản bị lật đổ tại một trong những thủ đô lớn nhất. Ngày *18–3–1871 là ngày cách mạng vô sản thắng lợi đầu tiên trên thế giới*. Ủy ban trung ương Vệ quốc quân trở thành chính phủ vô sản lâm thời.

Rõ ràng, Chi–e đã châm ngòi cho cuộc nội chiến giữa tư sản và vô sản, nhưng Ủy ban trung ương không tận dụng thắng lợi của ngày 18–3: đáng lẽ nên lập tức tiến quân đến Vec–xai đập tan sào huyệt của bọn phản động khi chúng đang hoang mang đến cực điểm, song lại tỏ ra ngần ngại, vội vã lo chuyển chính quyền cho một cơ quan dân cử, tức Hội đồng Công xã (gọi tắt là Công xã).

Cuộc bầu cử Công xã theo phổ thông đầu phiếu tiến hành vào ngày 26–3–1871. Nhân dân Pa–ri ăn mặc như ngày hội, nô nức đi bỏ phiếu.

Hầu hết đại biểu trúng cử là công nhân và trí thức tiến bộ, đại diện cho nhân dân lao động thủ đô. Công nhân tuy không chiếm đa số (28/86 đại biểu), nhưng là lực lượng lãnh đạo, vì họ là giai cấp cách mạng nhất, lại nắm được lực lượng vũ trang – Vệ quốc quân, và lôi cuốn được tiểu tư sản.

Ngày 28–3, Công xã tuyên bố thành lập một cách trang trọng ở quảng trường Tòa thị chính, giữa một biển người bao la tràn ngập phấn khởi. Ủy ban trung ương Vệ quốc quân trao quyền cho Công xã. Danh sách các ủy viên Công xã được công bố. Công xã ra mắt quốc dân, các ủy viên đều quàng băng đỏ. Tiếng hoan hô vang dậy : "Công xã muôn năm!". Tiếng đại bác bắn chào rung chuyển trời đất. Các đoàn quân nhạc cử quốc ca và bài xuất quân hùng tráng. Mọi người hát theo như sấm động (h.22).

?

1. Ai châm ngòi cho cuộc khởi nghĩa 18 – 3 ?

2. Căn cứ vào đâu nói rằng khởi nghĩa 18 – 3 là cách mạng vô sản ?

3. Miêu tả khí thế của quần chúng trong sự ra đời của Công xã.

uongxua.vn

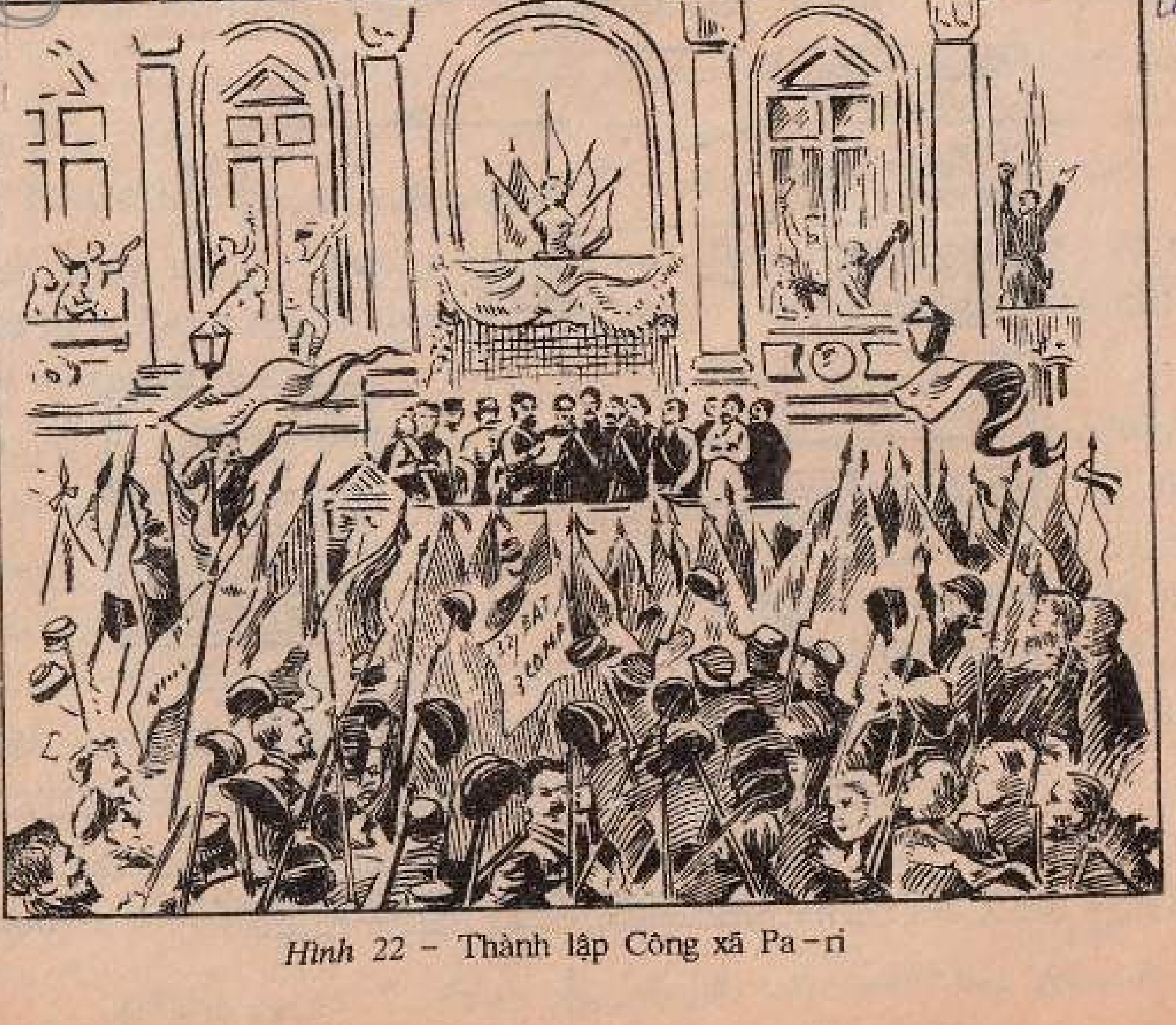

Hình 22 – Thành lập Công xã Pa – ri

II – CÔNG XÃ PA-RI – NHÀ NƯỚC KIỂU MỚI. Ý NGHĨA LỊCH SỬ

1. Chính quyền vô sản

Giành được chính quyền, Công xã xúc tiến xây dựng bộ máy Nhà nước mới. Việc này càng được đẩy mạnh do sự bất hợp tác và phá phách của những viên chức cũ còn ở lại thủ đô.

Cơ quan cao nhất của Nhà nước mới là Công xã – một hình thức Quốc hội vô sản, nắm thực quyền, vừa ban bố pháp luật, vừa lập các tiểu ban thi hành pháp luật. Đứng đầu các tiểu ban là các ủy viên Công xã, chịu trách nhiệm trước Công xã, trước nhân dân và có thể bị bãi miễn. Cơ chế mới này bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động. Nó khác hẳn chế độ dân chủ tư sản, trong đó Quốc hội chỉ nắm quyền lập pháp và biến thành một cái "máy biểu quyết". Còn quyền hành pháp quan hệ trực tiếp đến nhân dân hằng ngày thì lại nằm trong tay chính phủ, nhân dân không kiểm soát được (h.23).

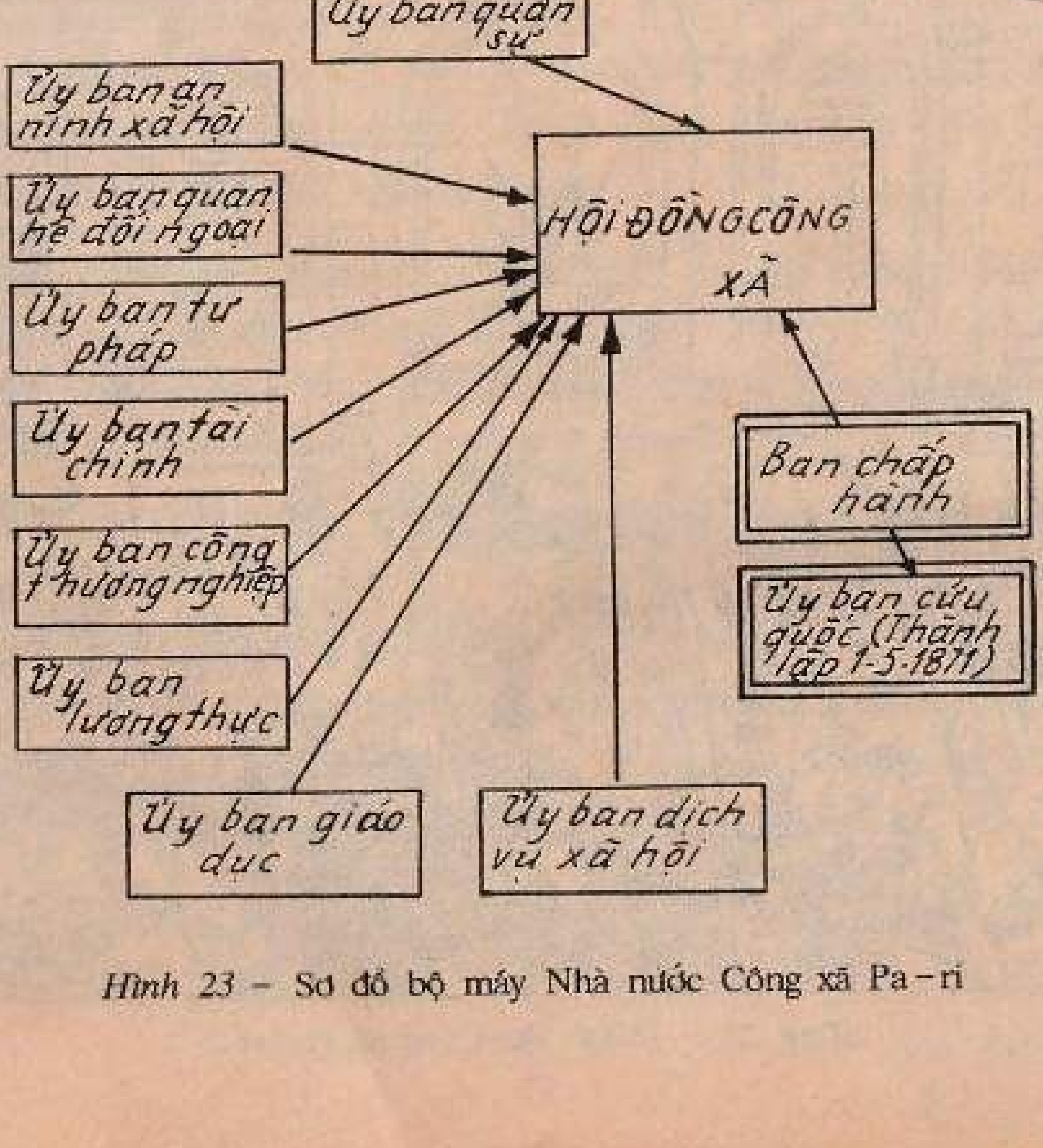

Hình 23 – Sơ đồ bộ máy Nhà nước Công xã Pa-ri

Quân đội và cảnh sát cũ dùng để đàn áp nhân dân nay bị hủy bỏ, thay bằng lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh nhân dân để bảo vệ cách mạng.

Công xã tách Nhà thờ ra khỏi Nhà nước. Giáo lí không được dạy trong nhà trường. Công xã coi tín ngưỡng là quyền tự do của con người.

Công xã giao cho công nhân quản lí những xí nghiệp mà tư sản đã bỏ chạy. Xí nghiệp nào chủ còn ở lại thì Nhà nước kiểm soát chế độ tiền lương và cấm cúp phạt. Công xã lo cho mọi người có việc làm và bắt chủ hiệu cầm đồ trả lại cho dân nghèo những vật đã cầm cố. Công xã đề ra chế độ giáo dục bắt buộc, không phải trả tiền học, thảo kế hoạch lập vườn trẻ, nhà giữ trẻ và còn dự định nhiều cải cách kinh tế xã hội khác hợp với quyền lợi của nhân dân lao động.

Tất cả những điểm trên chứng tỏ Công xã là một chính phủ vô sản, do dân và vì dân. Các ủy viên Công xã thường đến tham gia những buổi sinh hoạt của các tổ chức quần chúng như các câu lạc bộ công nhân ở các khu phố..., trực tiếp nghe ý kiến phê bình xây dựng và nắm lấy những sáng kiến của quần chúng.

? – Giải thích cơ chế của bộ máy Nhà nước kiểu mới (qua sơ đồ Công xã).

– Vì sao giai cấp vô sản Pa-ri phải xây dựng bộ máy Nhà nước mới ?

2. Nội chiến

Bọn phản động trong và ngoài nước Pháp không thể để yên cho vô sản biến Pa-ri thành một góc trời tự do, nêu gương sáng cho những người bị áp bức bóc lột.

Chi-e đã triệt để lợi dụng thời gian hòa hoãn để ráo riết chuẩn bị phản công lại Pa-ri. Đến ngày 2-4, cuộc nội chiến chính thức bắt đầu. Bi-xmac, thủ tướng Đức, tiếp tay cho Chi-e cùng bóp chết Pa-ri cách mạng. Ngày 10-5-1871, lúc chiến sự đang tiếp diễn ác liệt dưới chân thành Pa-ri, Chi-e kí hòa ước cắt đất và bồi thường chiến tranh 5 tỉ phrăng vàng cho Đức để Bi-xmác thả thêm 100.000 tù binh Pháp, tăng thêm sức mạnh cho Chi-e chống Công xã.

Đến ngày 21-5-1871, quân Vec-xai lọt được vào trong thành. Từ đó diễn ra một cuộc ác chiến giành giật từng ngôi nhà, từng khu phố.

Giai cấp công nhân Pa-ri, từ người già đến phụ nữ và trẻ em, đều kiên quyết nắm chắc tay súng bảo vệ tự do và chính nghĩa. Ngày 27-5, quân Vec-xai tiến đến khu công nhân Ben-vin (Đông Pa-ri), cuộc chiến đấu càng dữ dội. Gần 200 chiến sĩ Công xã rút vào nghĩa địa Cha La-se, quần thảo với địch qua từng nấm mồ. Chiều hôm ấy, những người còn lại bị dồn đến chân tường nghĩa địa và bị bắn chết hết. Hôm sau, chiến lũy cuối cùng của Công xã thất thủ. Suốt một tuần lễ, vô sản và nhân dân lao động Pa-ri bị bọn khát máu Vec-xai dìm trong một biển máu và lửa.

Sau ngày 28-5, cuộc báo thù lại còn độc ác dã man hơn. Quân Vec-xai xông vào bệnh viện tàn sát cả những người đã bị thương hoặc bắt người dân xếp hàng, chúng kiểm tra bàn tay, ai bị nghi có dấu thuốc súng là giết. Có đến 30.000 chiến sĩ Công xã ngã xuống, xác người la liệt trên các đường phố. Hơn 40.000 người bị tù hoặc đày bị chết dần chết mòn ở các thuộc địa xa. Một số thoát được ra nước ngoài, trong đó có Ơ-gien Pô-chi-ê tác giả bài Quốc tế ca.

thuongmaitr

?

- Nội chiến diễn ra như thế nào từ 21 đến 28-5 ?
- Hãy nhận xét bản chất của quân Vec-xai ?

3. Ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri

Công xã thất bại, trước hết là vì giai cấp vô sản chưa đủ lớn mạnh, chủ nghĩa tư bản chưa bước hẳn vào giai đoạn suy vong. Công nhân thiếu một chính đảng mác-xít già dặn lãnh đạo nên đã phạm những sai lầm nghiêm trọng. Thêm nữa họ còn chưa liên minh được với nông dân, nên bị cô lập.

Tuy chỉ tồn tại 72 ngày, nhưng Công xã có ý nghĩa lịch sử thật lớn lao. Công xã vĩnh viễn là hình ảnh của một Nhà nước mới, một xã hội mới, và đời đời là gương sáng cho nhân dân lao động toàn thế giới.

Công xã chỉ rõ rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa muốn thắng lợi phải đập tan bộ máy Nhà nước tư sản, xây dựng Nhà nước mới của giai cấp vô sản, phải có đảng tiên phong lãnh đạo, phải liên minh được với nông dân và quyết không được thỏa hiệp với tư sản phản động.

Sau Công xã, Mác thay mặt Quốc tế thứ nhất, giữa làn sóng khủng bố phản cách mạng bao trùm nhiều nước, liên tục nêu cao sự nghiệp quang vinh của Công xã, đúc rút và phổ biến bài học của Công xã, vạch mặt tư sản, bác bỏ mọi vu cáo hèn hạ của chúng.

Trong đại hội mới (9–1872), Quốc tế thứ nhất nhắc nhở giai cấp vô sản các nước nghiên cứu học tập kinh nghiệm cách mạng của Công xã, đặc biệt là sự cần thiết phải thành lập chính đảng vô sản ở mỗi nước.

Năm 1876, Quốc tế thứ nhất tuyên bố giải tán, sau khi đã làm tròn nhiệm vụ lịch sử của mình là truyền bá chủ nghĩa Mác đến những công nhân tiên tiến, chuẩn bị cơ sở cho việc thành lập các chính đảng độc lập của vô sản từng nước sau này.

Sau Công xã Pa-ri và sau Quốc tế thứ nhất, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế từ đây bước sang giai đoạn mới.

?

1*. Công xã Pa-ri có phải là một hiện tượng ngẫu nhiên không ? Vì sao ?

2. Chứng minh Công xã Pa-ri là một Nhà nước kiểu mới.

3. Ý nghĩa lịch sử và những bài học lớn của Công xã.

4. Thái độ của Mác và Quốc tế thứ nhất đối với Công xã Pa-ri như thế nào ?

truongxua.vn

Bài 7

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

(cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX)

I – ĐẾ QUỐC ĐỨC, ANH, PHÁP, MĨ

1. Đế quốc Đức

Sau khi nước Đức thống nhất (18–1–1871), chủ nghĩa tư bản phát triển rất nhanh. Đức vượt Pháp rồi Anh, đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới, sau Mĩ, về sản xuất công nghiệp. Năm 1913, sản lượng gang thép của Đức đã gấp đôi Anh.

Công nghiệp Đức nhảy vọt như vậy trước hết là nhờ cướp được của Pháp 5 tỉ phrăng vàng (bồi thường chiến tranh) dốc vào công nghiệp. Sau là nhờ giàu than đá và khéo léo ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

Sự tập trung mạnh mẽ sản xuất và tư bản dẫn đến sự ra đời những công ti độc quyền lớn ở tất cả những ngành công nghiệp then chốt. Chẳng hạn như Xanh-đi-ca than đá Rai-ni-sơ Ve-xpha-len thành lập năm 1893, đánh dấu bước chuyển sang chủ nghĩa đế quốc của Đức. Năm 1910, Xanh-đi-ca này kiểm soát 95% tổng sản lượng than sản xuất ở vùng Rua – một vùng công nghiệp lớn nhất ở Đức.

Về chính trị, theo hiến pháp 1871, Đức là một liên bang, do hoàng đế đứng đầu. Trong đế quốc ấy, bọn quý tộc quân phiệt nắm giữ những chức vụ chủ chốt trong quân đội và chính quyền. Chúng cùng bọn tư bản độc quyền câu kết chặt chẽ với nhau, vì cả hai đều sợ hãi phong trào công nhân, lại chung quyền lợi trong công cuộc chạy đua vũ trang và xâm lược thuộc địa. *Chủ nghĩa đế quốc Đức mang nặng tính chất quân phiệt hiếu chiến.*

Tập đoàn thống trị Đức – tư sản và quý tộc – đã đầu độc nhân dân Đức bằng những tư tưởng phản động, như ý thức sùng bái bạo lực và bọn quân nhân, và tinh thần vị chủng cực đoan. Chúng bịa đặt rằng người Đức là một chủng tộc siêu việt, có sứ mạng thống trị cả thế giới, nhưng lại đang thiếu đất sống. Ấy thế mà nhiều người Đức đã tin như vậy và đã để cho chúng nhét súng vào tay mình, đẩy ra chiến trường thực hiện cuồng vọng làm bá chủ thế giới của chúng. Ngay từ thập kỉ 90, đế quốc Đức đã công khai đòi dùng vũ lực chia lại thế giới. Vì thế, mâu thuẫn giữa Đức và Anh, Pháp, là những nước có nhiều thuộc địa nhất, trở nên gay gắt.

?

– Nguyên nhân nào làm cho kinh tế Đức phát triển mau lẹ ?

– Chủ nghĩa đế quốc hình thành ở Đức như thế nào ?

– Chứng minh chủ nghĩa đế quốc Đức là chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến.

2. Đế quốc Anh

Đến năm 1870, Anh còn đứng đầu thế giới về công nghiệp. Sau đấy, tốc độ tăng tiến chậm lại, Anh bị Mĩ, rồi Đức vượt qua. Nguyên nhân chính của tình hình này là do tư sản Anh chú trọng xuất cảng tư bản sang thuộc địa hơn là bỏ tiền đổi mới và phát triển công nghiệp ở trong nước, vì bóc lột thuộc địa lợi hơn rất nhiều.

Do đó, kĩ thuật sản xuất cũ kĩ, không thể cạnh tranh với công nghiệp tối tân của Mĩ và Đức. Hàng hóa của Anh bị hàng hóa của Đức, Mĩ, Bỉ... cạnh tranh kịch liệt ở khắp nơi.

Tuy mất địa vị số một về công nghiệp nhưng Anh vẫn dẫn đầu thế giới về tài chính và xuất cảng tư bản, về thương mại, về hải quân và thuộc địa.

Đầu thế kỉ XX, Anh bước sang giai đoạn đế quốc. Nhiều công ti độc quyền công nghiệp kết hợp mật thiết với 5 nhà ngân hàng lớn nhất ở khu Xi-ti (Luân Đôn) chi phối toàn bộ đời sống kinh tế của đế quốc Anh.

tuongxua.vn

Anh vẫn là một nước quân chủ lập hiến. Nhưng trong đời sống chính trị ở Anh bấy giờ có nét nổi bật là hai đảng tư sản thay nhau cầm quyền (Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ). Mỗi kì bầu cử Quốc hội, đảng nào chiếm đa số đại biểu thì lãnh tụ đảng ấy làm thủ tướng và lập chính phủ. Đấy là một thủ đoạn lợi hại của giai cấp tư sản Anh nhằm hai tay thâu tóm chính quyền, tạo nên một lớp sơn dân chủ đánh lừa và xoa dịu quần chúng.

Để bù đắp sự thua thiệt do việc mất địa vị lũng đoạn thị trường thế giới, giai cấp thống trị Anh đẩy hết tốc độ xâm lược để mở rộng hệ thống thuộc địa ở châu Á và châu Phi. Năm 1914, khi mặt địa cầu đã chia xong, thuộc địa Anh rộng tới 30 triệu km^2 với 400 triệu người, chiếm 1/4 lãnh thổ và 1/4 số dân thế giới.

Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Anh là tồn tại và phát triển trên sự bóc lột tàn nhẫn một hệ thống thuộc địa bao la, béo bở, nằm rải trên khắp hành tinh. Vì vậy, Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Anh là *chủ nghĩa đế quốc thực dân*.

? – Tại sao tốc độ phát triển công nghiệp Anh chậm lại ?

– Giải thích chủ nghĩa đế quốc Anh là chủ nghĩa đế quốc thực dân.

3. Đế quốc Pháp

Sau năm 1870, kinh tế Pháp phát triển trong hoàn cảnh không thuận lợi : đã bại trận, nghèo nguyên liệu và nhiên liệu. Đã thế, tư sản Pháp lại chú ý nhiều đến xuất cảng tư bản hơn là chấn hưng công nghiệp trong nước. Do đó, khoảng giữa thế kỉ XIX, Pháp còn là nước công nghiệp tiên tiến đứng sát sau Anh, thế mà đến thập niên 80, đã tụt xuống hàng thứ tư thế giới.

Công nghiệp tập trung chậm, nhưng từ 1890 trở đi, những công ti độc quyền cũng dần dần chi phối nền kinh tế Pháp. Trừ Anh, Pháp vẫn hơn hẳn các đế quốc khác về thế lực tài chính và quy mô xuất cảng tư bản. Nhưng hình thức xuất cảng tư bản của Pháp khác Anh ở chỗ : hầu hết tư bản đều đem cho các nước chậm tiến vay, lấy lãi nặng. Vì thế, Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Pháp là *chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi*.

thuongmaitu

Sau khi Đế chế thứ hai sụp đổ (4-9-1870), Pháp theo chính thể cộng hòa. Đó là nền Cộng hòa thứ ba. Nhưng xu hướng phản động ngày càng thắng thế trong đời sống chính trị ở Pháp, thể hiện rõ rệt ở việc các chính phủ cộng hòa, dù ôn hòa hay cấp tiến, đều không ngần ngại tung quân đội đàn áp các cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân.

Về đối ngoại, sau chiến tranh Pháp – Đức (1870 – 1871), quan hệ giữa hai nước tiếp tục căng thẳng. Tuy thế, Pháp vẫn tăng cường xâm lược thuộc địa ở châu Á, châu Phi, như hoàn thành xâm lược Việt Nam (1884), chiếm Lào (1893), thôn tính Ma-đa-ga-xca, Ma-rốc... Đến năm 1914, thuộc địa Pháp rộng gần 11 triệu km^2 với 55,5 triệu dân, chỉ kém có Anh.

? – Nguyên nhân sự phát triển chậm của công nghiệp Pháp ?

– Căn cứ vào đâu để nói đế quốc Pháp là đế quốc cho vay lãi ?

4. Đế quốc Mĩ

Trong hàng ngũ đế quốc, không nước nào kinh tế lại phát triển mau lẹ bằng Mĩ. Chỉ từ năm 1865 đến năm 1894, Mĩ từ hàng thứ tư nhảy vọt lên hàng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp. Năm 1894, sản phẩm công nghiệp Mĩ đã gấp đôi Anh và bằng một nửa các nước Tây Âu gộp lại.

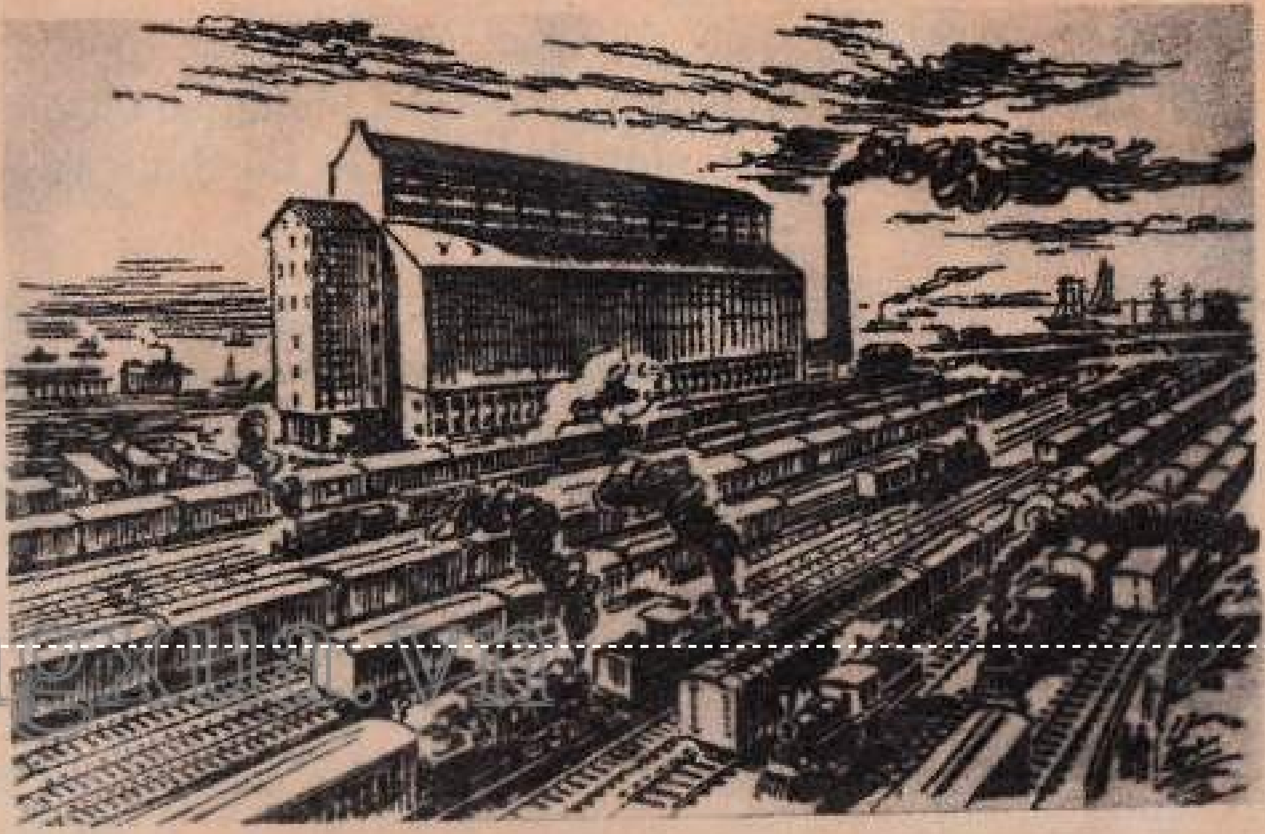

Hình 24 – Một góc Niu Yoóc năm 1877

Sự phát triển nhảy vọt của Mĩ, Đức, cùng với sự tụt hậu của Anh, Pháp hồi cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX là biểu hiện đặc sắc của quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản ở thời kì đế quốc.

Công nghiệp Mĩ tiến lên vượt bậc như thế nhờ một số thuận lợi hơn hẳn các nước châu Âu. Đó là : – tài nguyên thiên nhiên phong phú (than, sắt, đồng, dầu mỏ, thủy lực đều rất dồi dào) ; – thị trường trong nước không ngừng mở rộng, do sự bành trướng lãnh thổ tới bờ Thái Bình Dương với hàng chục triệu dân di cư ồ ạt tới đó làm ăn ; – nhân công khan hiếm bắt buộc chủ đẩy nhanh cải tiến kĩ thuật và hợp lí hóa sản xuất (phương pháp sản xuất dây chuyền) ; – lợi dụng được vốn của châu Âu và hoàn cảnh hòa bình lâu dài để phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, những điều kiện trên không phải kéo dài mãi mãi.

Sự cạnh tranh gay gắt bằng mọi thủ đoạn bất lương của các nhà kinh doanh Mĩ và những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kì (1873, 1883, 1893) đã thúc đẩy sự tập trung tư bản và sản xuất ở Mĩ lên rất cao. Các ngành công nghiệp lần lượt lọt vào tay một số ít các nhà tư bản kếch xù liên minh với nhau thành những tơ-rơt – một hình thức độc quyền cao và phổ biến ở Mĩ. Tiêu biểu cho các tơ-rơt Mĩ là "vua dầu mỏ" Rốc-pheo-lơ và "vua thép" Mo-gân. Họ là những triệu phú, tỉ phú, vừa lũng đoạn nền công nghiệp, vừa là chủ những nhà ngân hàng đồ sộ ở "Phố U-ôn" (Niu Yooc). Một nhúm tư bản tài chính ấy đã bắt chính phủ Mĩ phải nhất nhất vâng theo lệnh họ.

Cầm đầu chính phủ Mĩ là tổng thống. Vì quyền lợi của các tơ-rơt và tư bản tài chính, các tổng thống, dù thuộc Đảng Cộng hòa hay Đảng Dân chủ, đều cho quân đội đàn áp đẫm máu các cuộc bãi công của công nhân và đều tăng cường hải quân, lục quân để đẩy mạnh xâm lược.

Hồi cuối thế kỉ XIX, sở dĩ Mĩ chậm trễ trong việc phân chia thị trường thế giới, không phải vì đế quốc Mĩ ít tính thực dân hơn các đế quốc khác mà vì còn mải miết chinh phục nốt những đất đai rộng lớn ở miền Trung và miền Tây của người In-đi-an. Họ bị tư sản Mĩ đẩy vào họa tuyệt chủng.

Sau khi biên giới chạm bờ Thái Bình Dương, thì Mĩ lập tức vươn ra ngoài Bắc Mĩ và tỏ ra tham lam hung hãn chẳng kém bọn thực dân châu Âu. Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Phi-lip-pin làm bàn đạp nhảy vào Trung Quốc và chiếm Cu-ba để khống chế các nước Trung Nam Mĩ – một trong hai đối tượng xâm lược chính của Mĩ. Ở bán cầu Tây, Mĩ trắng trợn can thiệp vào các nước Mĩ la tinh, khi dùng bom đạn, khi dùng đô-la, nhằm biến các nước này thành sân sau của Mĩ.

? 1 – Chủ nghĩa đế quốc hình thành ở Mĩ như thế nào ?

2 – Chứng minh rằng đế quốc Mĩ không ít tính thực dân hơn các đế quốc châu Âu. Vì sao Mĩ chậm trễ trong việc phân chia thị trường thế giới ?

II – ĐẶC ĐIỂM VÀ VỊ TRÍ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

1. Những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc

– *Các công ti độc quyền* : Ba mươi năm cuối cùng của thế kỉ XIX là thời kì chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh dần dần chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc.

Ở các nước tư bản tiên tiến Âu – Mĩ, sự cạnh tranh tự do thịnh hành trong giai đoạn trước đã thúc đẩy sản xuất và tư bản tập trung nhanh chóng vào tay một nhóm nhỏ các nhà tư bản. Họ thỏa hiệp với nhau lập ra những công ti độc quyền để thâu tóm những ngành sản xuất trong nước và tự tiện định đoạt giá cả để thu lợi nhuận cao nhất.

Bước sang thế kỉ XX, khi các công ti độc quyền chiếm ưu thế và chi phối toàn bộ đời sống kinh tế ở các nước đó thì chủ nghĩa tư bản đã chuyển hẳn sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc – giai đoạn cao nhất và cuối cùng của chủ nghĩa tư bản.

truongxua.vn

– *Tư bản tài chính*: Trong ngành ngân hàng cũng diễn ra quá trình tập trung cao độ như công nghiệp. Bấy giờ, số ít những nhà ngân hàng khổng lồ còn lại tìm cách mua phần lớn những cổ phần của những công ti độc quyền, do đó trở thành chủ nhân thực sự của các công ti ấy. Ngược lại, cũng có hiện tượng những độc quyền công nghiệp mua cổ phần của các ngân hàng và được quyền tham gia quản lí các ngân hàng. Như vậy, *sự hỗn hợp giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp đã đẻ ra tư bản tài chính.* Tư bản tài chính đã sử dụng thế lực vạn năng của đồng tiền trong xã hội tư bản, để thao túng toàn bộ đời sống kinh tế và đời sống chính trị ở các nước đế quốc. Vì thế, người ta còn gọi tư bản tài chính là *tài phiệt*. Các tổng thống, thủ tướng, hoàng đế, thiên hoàng (Nhật) quyền lực lớn lao đến mấy cũng chỉ là những tay sai ngoan ngoãn của chúng.

Sự xuất hiện và thống trị của các công ti độc quyền và của lớp tư bản tài chính ở các nước tư bản là hai đặc trưng cơ bản nhất của chủ nghĩa đế quốc.

Ngoài ra, thời kì chủ nghĩa đế quốc còn khác thời kì chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do:

– Việc *xuất cảng tư bản* chiếm ưu thế so với xuất cảng hàng hóa ;

– Sự ra đời của những *độc quyền quốc tế* (siêu độc quyền) ;

– Cuối cùng là việc các cường quốc *hoàn thành phân chia lãnh thổ thế giới* và mưu toan của những đế quốc ít thuộc địa đòi *chia lại* mặt địa cầu.

? – Thời kì chủ nghĩa đế quốc có những đặc điểm gì khác với thời kì chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do ? Những đặc điểm nào là cơ bản nhất ?

2. Chủ nghĩa đế quốc, đêm trước của cách mạng vô sản

Đến thời kì chủ nghĩa đế quốc, quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản càng tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Một số nước tư bản "mới" như Mĩ và Đức đã vượt các nước tư bản "cũ" như Anh, Pháp. Trong khi đó, Anh và Pháp lại là những nước chiếm được nhiều thuộc địa nhất. Vì vậy, *mâu thuẫn giữa các đế quốc* phát sinh và không tránh khỏi dẫn tới chiến tranh để chia lại thế giới cho phù hợp với lực lượng so sánh giữa các đế quốc qua từng giai đoạn. Những cuộc chiến tranh đế quốc không tránh khỏi làm suy yếu thế giới tư bản.

Trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, *mâu thuẫn giữa chính quốc và thuộc địa*, nhất là *mâu thuẫn giữa lao động và tư bản* trở nên vô cùng sâu sắc. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, và phong trào xã hội chủ nghĩa ở chính quốc bùng lên với sức mạnh chưa từng thấy.

Vì thế, Lê-nin chỉ ra rằng : *chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cách mạng vô sản*. Nhưng chủ nghĩa đế quốc bị cách mạng đánh đổ không phải cùng một lúc trên toàn thế giới. Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của các nước tư bản thời chủ nghĩa đế quốc đưa tới sự chín muồi không đều của cách mạng ở những nước khác nhau. Trong điều kiện lịch sử mới, Lê-nin đã phát triển lí luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa của Mác, đã đề ra tư tưởng về

khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản trước tiên ở một số nước, thậm chí trong một nước, và nước đó không nhất thiết phải là nước tiên tiến nhất.

?

1. Địa vị kinh tế của các nước đế quốc đã thay đổi như thế nào vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX ? Thể hiện bằng sơ đồ tình hình trên.
2. Quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc đem lại những hậu quả gì ?

Bài 8

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

uongxua.vn

I – PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ VÀ QUỐC TẾ THỨ HAI (1889 – 1914)

1. Phong trào công nhân Âu – Mĩ trong những năm 1870 – 1880

Sau khi Công xã Pa-ri thất bại (1871) và Quốc tế thứ nhất giải tán (1876), phong trào công nhân Âu – Mĩ vẫn được duy trì. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh đòi ngày làm 8 giờ của công nhân Mĩ mà đỉnh cao là cuộc tổng bãi công, biểu tình của công nhân Si-ca-gô ngày 1-5-1886.

Trong những năm 1870 – 1880, chủ nghĩa Mác ngày càng được truyền bá rộng rãi vào công nhân thế giới. Nhiều tổ chức và đảng công nhân được thành lập, như Đảng Xã hội – dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân Pháp (1879), nhóm Giải phóng lao động Nga (1883)... Giai cấp công nhân ở các nước có quan hệ chặt chẽ với nhau và muốn thống nhất lực lượng trên phạm vi thế giới.

Ngày 14-3-1883, C.Mác – người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân thế giới – qua đời, song "tên tuổi và sự nghiệp của Người còn sống mãi" (Ph.En-ghen). Một mình Ph.En-ghen phải gánh lấy sự nghiệp lãnh đạo phong trào công nhân thế giới, trước hết là chuẩn bị thành lập một tổ chức quốc tế mới.

? – Sau Công xã Pa-ri, những sự kiện nào chứng tỏ phong trào công nhân thế giới vẫn được duy trì ?

2. Quốc tế thứ hai (1889–1914)

Ngày 14-7-1889, gần 400 đại biểu công nhân của 22 nước họp đại hội ở Pa-ri tuyên bố thành lập Quốc tế thứ hai. Đại hội thông qua các nghị quyết quan trọng : sự cần thiết phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở mỗi nước ; đấu tranh giành chính quyền ; đòi ngày làm 8 giờ và hằng năm lấy ngày 1-5 làm ngày đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới (ngày Quốc tế lao động).

thuongmaitr

Dưới sự lãnh đạo của Ph.En-ghen, Quốc tế thứ hai có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển phong trào công nhân quốc tế hồi cuối thế kỉ XIX. Chính đảng của giai cấp vô sản trong các nước tư bản được thành lập : Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga (1898), Đảng Xã hội Mĩ (1901), Đảng Công nhân Anh (1906)... Nhiều cuộc bãi công nổ ra mạnh mẽ.

Tháng 8-1895, Ph.En-ghen từ trần. Từ đây những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa lại phát triển, dần dần chiếm ưu thế trong Quốc tế thứ hai.

Do ảnh hưởng ngày càng tăng của bọn cơ hội, các đảng trong Quốc tế thứ hai xa dần đường lối đấu tranh cách mạng, biến thành những đảng thỏa hiệp với tư sản, không tích cực chống chiến tranh đế quốc, lại còn đẩy quần chúng công nhân và nhân dân lao động vào những cuộc chém giết lẫn nhau vì quyền lợi của bọn đế quốc gây chiến.

Quốc tế thứ hai đi dần đến chỗ tan rã khi Chiến tranh thế giới bùng nổ vào năm 1914. Các nghị quyết, tuyên ngôn chỉ còn là lời nói suông. Trên thực tế, các đảng của Quốc tế thứ hai, trừ Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, đều đã ủng hộ chính phủ tư sản đế quốc. Ngọn cờ đấu tranh cho sự nghiệp của giai cấp công nhân, cho sự toàn thắng của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa cơ hội, từ đây thuộc về Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, với lãnh tụ là V.I.Lê-nin.

?

1. Nêu rõ những đóng góp quan trọng của Ph.En-ghen đối với phong trào công nhân lúc đó.
2. Biểu hiện của khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ hai là gì?

II – PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA. CUỘC CÁCH MẠNG DÂN CHỦ TƯ SẢN LẦN THỨ NHẤT (1905 – 1907)

uongxua.vn

1. V.I. Lê-nin và việc thành lập đảng vô sản kiểu mới ở Nga

Nga là nước đế quốc phát triển chậm hơn các nước tư bản tiên tiến như Anh, Pháp, Mĩ. Tuy giai cấp vô sản Nga không đông về số lượng song có trình độ tổ chức và phẩm chất đấu tranh cách mạng cao. Thêm vào đó, vô sản Nga có người lãnh đạo, người thầy sáng suốt tài giỏi – V.I. Lê-nin (h.25).

Lê-nin là bí danh trong hoạt động cách mạng của Vla-đi-mia I-lich U-li-a-nốp. Người sinh ngày 22-4-1870. Lúc còn là học sinh ở trường Đại học tổng hợp Ca-dan, U-li-a-nốp đã tham gia nhóm mác-xít ở Ca-dan. Do tổ chức học sinh đấu tranh chính trị, U-li-a-nốp bị bắt giam và đuổi học năm 1887. Năm 1893, U-li-a-nốp đến thủ đô Pê-tec-bua, hoạt động trong nhóm công nhân mác-xít và tự học thi đỗ đại học. Năm 1895, Người thành lập "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng công nhân". Sau đó Người bị tù, phải đày sang Đông Xi-bia (làng Su-sen-xcô-iê).

Được tự do, Lê-nin tích cực ra báo "Tia lửa", tiến tới thành lập một đảng kiểu mới của giai cấp vô sản Nga. Năm 1903, tại Đại hội lần thứ hai của Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, đa số đại biểu tán

thành đường lối cách mạng của Lê-nin (được gọi là những người Bôn-sê-vich), còn thiểu số vẫn theo khuynh hướng cơ hội, chống lại Lê-nin (được gọi là những người Men-sê-vich). Thắng lợi của Lê-nin tại đại hội này đánh dấu sự thắng lợi của khuynh hướng mác-xít và cách mạng chân chính trong phong trào công nhân Nga.

Hình 25 – V.I. Lê-nin (1890)

Kể từ sau *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, lần đầu tiên trong phong trào công nhân thế giới, cương lĩnh của Đảng Công nhân xã hội dân chủ ghi rõ việc thành lập chuyên chính vô sản, lấy học thuyết Mác làm cơ sở lí luận để xây dựng xã hội mới.

?

– Nêu rõ những điểm chứng tỏ Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga là đảng vô sản kiểu mới.

thuongmaitr

2. Cuộc cách mạng Nga 1905 – 1907

Nhân dân Nga ngày càng chán ghét chế độ Nga hoàng thối nát, đại diện cho những thế lực phong kiến còn tồn tại đã kìm hãm nặng nề sự phát triển mọi mặt của đất nước. Đã thế, chế độ Nga hoàng lại còn đẩy nước Nga vào cuộc chiến tranh với Nhật (1904 – 1905) để tranh giành thuộc địa, làm nhân dân càng bất bình.

Từ cuối năm 1904, nhiều cuộc bãi công đã nổ ra với khẩu hiệu : "Đả đảo chuyên chế !", "Đả đảo chiến tranh !", "Ngày làm 8 giờ !".

Tuy nhiên, một số nhân dân, do bị lừa gạt vẫn còn tin ở lòng tốt của Nga hoàng. Ngày chủ nhật 9-1-1905, 140.000 công nhân Pê-tec-bua và gia đình đi theo một thầy tu, không mang vũ khí và trật tự kéo đến trước Cung điện Mùa Đông để đưa bản thỉnh nguyện lên nhà vua. Nga hoàng Ni-cô-lai II ra lệnh cho quân đội và cảnh sát nổ súng vào đoàn biểu tình đó. Gần 1000 người chết, 2000 người bị thương. Ngày này được gọi là ngày "chủ nhật đẫm máu". Làn sóng công phẫn lan khắp nước. Cách mạng bùng nổ. Công nhân Pê-tec-bua

xuống đường đấu tranh vũ trang, dựng các chiến lũy. Ở nhiều nơi khác, công nhân hưởng ứng, bãi công phản đối tội ác của Nga hoàng ở Pê-tec-bua. Tháng 5-1905, nông dân nhiều vùng cũng nổi dậy, đánh phá dinh cơ địa chủ phong kiến, thiêu hủy văn tự, khế ước, lấy của cải chia cho người nghèo. Tháng 6-1905, thủy thủ trên thiết giáp hạm Pô-tem-kin khởi nghĩa (h.26). Nhiều đơn vị hải quân, lục quân khác cũng nổi dậy.

uongxua.vn

Hình 26 – Thủy thủ tàu Pô-tem-kin khởi nghĩa

Trong những ngày đấu tranh sôi nổi này, công nhân thủ đô, rồi nhiều thành phố sau đó, sáng lập các xô viết (có nghĩa là ủy ban) – xô viết đại biểu công nhân, của mình để tự quản lí. Đó là chính quyền cách mạng, tiền thân của chính quyền xô viết sau này.

Nga hoàng dùng mọi biện pháp mua chuộc, dụ dỗ cũng như đàn áp dã man nhân dân nổi dậy. Trong vòng hai, ba tuần lễ đầu, có tới 10000 người bị giết và bị thương.

Phong trào cách mạng vẫn phát triển. Ở Mat-xcơ-va, tháng 12-1905 cuộc tổng bãi công chính trị chuyển thành khởi nghĩa vũ trang.

Hàng trăm chiến lũy được dựng lên trên các ngả đường phố. Cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt trong 9 ngày đêm liên tiếp ở từng khu nhà, đường phố. Nhưng khởi nghĩa thất bại. Hàng nghìn chiến sĩ bị bắt và hi sinh, trong đó có nhiều đảng viên bôn-sê-vich.

Phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân trên toàn đế quốc Nga kéo dài đến giữa năm 1907 mới bị chấm dứt.

Cách mạng Nga 1905–1907 giáng một đòn nặng nề vào chế độ Nga hoàng, thức tỉnh hàng triệu nhân dân.

Cách mạng để lại nhiều bài học quý báu về tổng bãi công chính trị, khởi nghĩa vũ trang, thành lập xô viết.

Cách mạng 1905 được coi là tổng diễn tập đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Nga.

Cuộc cách mạng này cũng góp phần đẩy mạnh cuộc đấu tranh của công nhân nhiều nước Âu – Mĩ và của nhân dân phương Đông thức tỉnh chống phong kiến, đế quốc thực dân.

thuongmait

? 1. Những nguyên nhân nào đưa đến Cách mạng Nga 1905 – 1907 ?

2. Tính chất của cuộc cách mạng này ?

3*. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Nga 1905 là gì ?

Bài 9

CHÂU Á ĐỨNG TRƯỚC CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

I – ĐẾ QUỐC NHẬT BẢN

1. Cuộc duy tân Mây-gi

Cho đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản là một nước phong kiến có nền kinh tế khá phát triển. Nông dân, thợ thủ công sống vô cùng khốn

khổ vì những luật lệ hà khắc của phong kiến và sự bóc lột tàn tệ của địa chủ và chủ các công trường thủ công.

Năm 1867 – 1868, dựa vào những lực lượng xã hội mới là bộ phận địa chủ tư sản hóa và tầng lớp tư sản, Nhật hoàng Mây-gi tiến hành cải cách gọi là cuộc duy tân Mây-gi. Cuộc cải cách đưa lại nhiều thay đổi cơ bản. Chế độ nông nô bị xóa bỏ. Chính phủ giúp tư sản phát triển công nghiệp, nhập kĩ thuật tiên tiến Âu – Mĩ để xây dựng các xí nghiệp mới, mở mang đường sắt. Công nghiệp đóng tàu và quân sự đặc biệt tiến nhanh.

Cuộc duy tân không mang lại quyền lợi gì cho nhân dân lao động. Nông nô được giải phóng vẫn không có ruộng đất, phải làm thuê cho địa chủ, và bị bóc lột tô thuế nặng nề. Nông dân ra thành phố bán sức lao động, bị tư sản trả công rẻ mạt, và ngày làm việc kéo dài. Tuy còn nhiều hạn chế, cuộc duy tân Mây-gi mở đường cho Nhật Bản phát triển chủ nghĩa tư bản, không bị Âu – Mĩ biến thành thuộc địa. Về thực chất đó là một cuộc cách mạng tư sản không triệt để.

ruongxua.vn

?
– Nội dung cuộc duy tân Mây-gi ?
– Phân tích tính chất của nó.

2. Nhật Bản tiến mạnh sang chủ nghĩa đế quốc

Từ cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng ở Nhật Bản và chuyển mạnh sang giai đoạn đế quốc. Công nghiệp nặng được đầu tư xây dựng, nhất là điện. Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa kéo theo sự tập trung trong công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện. Hai hãng lớn nhất – Mit-xư-i và Mit-su-bi-si giữ vai trò to lớn, bao trùm đời sống kinh tế, chính trị của nước Nhật. Các hãng này bao gồm nhiều nhà băng, hầm mỏ, nhà máy dệt, xí nghiệp đường sắt, tàu biển...

Giai cấp tư sản Nhật đòi hỏi xâm chiếm thị trường các nước, trước hết là Trung Quốc và Triều Tiên. Nhật Bản cũng xung đột quyền lợi với các đế quốc, trước tiên là nước Nga. Trong cuộc chiến tranh với Nga (1904 – 1905), Nhật thắng và mở rộng thế lực của mình ra các

nước láng giềng. Đây là một trong những cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên để chia lại thuộc địa giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa.

? – Chứng minh rằng từ cuộc duy tân Mây-gi, Nhật Bản phát triển mạnh theo con đường tư bản chủ nghĩa rồi chuyển nhanh sang chủ nghĩa đế quốc.

3. Cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Nhật Bản

Chủ nghĩa tư bản phát triển, nhân dân lao động Nhật Bản càng bị áp bức bóc lột nặng nề. Họ càng đấu tranh mạnh mẽ, đặc biệt là công nhân.

Công nhân Nhật phải làm việc mỗi ngày 12 – 14 giờ, trong những điều kiện lao động rất tồi tệ, có hại cho sức khỏe mà tiền lương thấp hơn ở Âu – Mĩ rất nhiều. Không có luật pháp bảo đảm quyền lợi tối thiểu cho công nhân.

Trong thập niên 80, công nhân Nhật đã tổ chức các công đoàn, nghiệp đoàn. Từ 1890, làn sóng bãi công, biểu tình đòi quyền lợi đã lan rộng khắp nước. Thời gian này, nhà cách mạng Xen Ca-ta-i-a-ma (1859 – 1933) đã truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân Nhật Bản. Năm 1901, Đảng Xã hội dân chủ Nhật thành lập.

Từ năm 1906, dưới ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905, phong trào công nhân Nhật phát triển mạnh mẽ hơn. Phong trào nông dân và các tầng lớp lao động khác đấu tranh chống tô thuế và nạn đất đỏ cũng được đẩy mạnh.

Chính phủ Thiên hoàng vội vã đàn áp phong trào công nông nên phong trào tạm lắng.

? (1). Vẽ bản đồ Đông Bắc Á, đánh dấu những nơi Nhật Bản tiến hành xâm lược cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

2. Nêu những nét lớn về sự phát triển của phong trào công nhân Nhật cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

II - TRUNG QUỐC CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Trung Quốc trở thành nửa thuộc địa

Từ giữa thế kỉ XVII, dưới sự thống trị của triều Mãn Thanh, nước Trung Hoa phong kiến ngày càng suy yếu.

Nông nghiệp bị giảm sút và nông dân bị chiếm ruộng đất, tô thuế nặng nề (nộp 60 – 70% hoa lợi thu được). Công nghiệp và thương nghiệp bị đình đốn vì Chính phủ bắt nộp nhiều thuế, lại cấm không cho thông thương với nước ngoài.

Nhân việc tổng đốc Lưỡng Quảng tịch thu thuốc phiện của Anh mang vào bán ở Quảng Châu, Anh gây ra cuộc Chiến tranh thuốc phiện (1840 – 1842). Thất bại, Trung Quốc phải kí hòa ước với Anh: mở 5 cửa biển cho Anh tự do thông thương, cắt đất cho Anh, bồi thường chiến phí nặng nề. Sau điều ước không bình đẳng đầu tiên này, Trung Quốc buộc phải kí tiếp nhiều điều ước tương tự với Pháp, Mĩ v.v. (h.27).

ruongxua.vn

Hình 27 – "Cái bánh ngọt" Trung Quốc

Độc lập chủ quyền bị xâm phạm, Trung Quốc dần dần trở thành nửa thuộc địa. Các nước đế quốc chia nhau làm chủ nhiều vùng đất, hầm mỏ, đường sắt.

? – Vì sao các nước tư bản Âu – Mĩ đua nhau xâu xé và nô dịch Trung Quốc ?

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc nửa sau thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Sự thống trị của phong kiến trong nước và sự áp bức bóc lột của tư bản nước ngoài là nguyên nhân dẫn đến cuộc đấu tranh mạnh mẽ, liên tục của nhân dân Trung Quốc từ nửa sau thế kỉ XIX.

Hình 28 – Nghĩa quân Thái Bình Thiên Quốc

Năm 1850, một cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Quảng Tây, thu hút đông đảo nông dân, thợ thủ công, dân nghèo thành thị, thợ mỏ... Quân khởi nghĩa (h.28) giành thắng lợi ở một vùng rộng lớn Nam Trung Quốc. Những người cầm đầu nghĩa quân thành lập một nhà nước, gọi là Thái Bình Thiên Quốc, thi hành một số biện pháp tiến bộ như tịch

thu ruộng đất của địa chủ chia cho nông dân, thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ, nghiêm trị đầu cơ tích trữ, bài trừ tệ nạn xã hội. Song bọn phong kiến dựa vào thế lực tư bản phương Tây dập tắt phong trào (1864). Tuy thất bại, cuộc khởi nghĩa này giáng một đòn mạnh vào chế độ phong kiến Trung Quốc, thể hiện lực lượng cách mạng to lớn của nông dân, đồng thời cũng chứng tỏ rằng nông dân là lực lượng cách mạng to lớn nhưng không thể tự mình giải phóng khỏi ách thống trị phong kiến nếu không có sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến.

Đến cuối thế kỉ XIX, một số phần tử trí thức phong kiến tiến bộ, chịu ảnh hưởng tư tưởng tư sản phương Tây, đứng đầu là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, khởi xướng phong trào Duy tân, đòi thực hiện một số cải cách về kinh tế, chính trị, quân sự và văn hóa. Cuộc vận động này đã thất bại vì bị thế lực thủ cựu và phản động của triều đình Mãn Thanh phá hoại.

Vào những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, một tổ chức nông dân ra đời – Nghĩa Hòa Đoàn – nhằm chống sự xâm nhập của bọn đế quốc.

tuongxua.vn

Năm 1900, cuộc khởi nghĩa Nghĩa Hòa Đoàn nổ ra, tấn công khu vực sứ quán các nước ngoài ở Bắc Kinh. Bọn đế quốc liền tổ chức liên quân 8 nước đánh vào Bắc Kinh. Chúng đốt phá tơi bời, cướp bóc, bắn giết người rất dã man. Triều đình Mãn Thanh lại đầu hàng, nhận các điều kiện nhục nhã (nộp bồi thường chiến phí nặng nề, cho các nước đế quốc xâm lược đóng quân đội ở Bắc Kinh).

?
- Thái Bình Thiên Quốc có những biện pháp tiến bộ như thế nào ?
- Tính chất của phong trào Duy tân ?
- Mục tiêu của Nghĩa Hòa Đoàn ?

3. Cách mạng Tân Hợi (1911)

Chịu ảnh hưởng của Cách mạng Nga 1905 – 1907, phong trào yêu nước chống phong kiến, đế quốc của nhân dân Trung Quốc vẫn tiếp tục phát triển.

Tháng 8-1905, Tôn Trung Sơn (1866 – 1925) thành lập Trung Quốc Đồng minh hội, nhằm "đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, xây dựng dân quốc" và cách mạng ruộng đất.

Trong những năm 1906 – 1908, Đồng minh hội lãnh đạo 10 cuộc khởi nghĩa chống Mãn Thanh, nhưng đều thất bại. Năm 1911, nhân triều đình lúng túng về những cuộc đấu tranh mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân Trung Quốc, Đồng minh hội phát động cuộc khởi nghĩa ở Vũ Xương, ngày 10-10-1911. Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi nhanh chóng rồi lan rộng khắp nước. Đến tháng 11, cách mạng đã thành công ở hầu hết các tỉnh. Ngày 29-12-1911, một chính phủ lâm thời được thành lập ở Nam Kinh. Tôn Trung Sơn được bầu làm Đại tổng thống. Nhưng những người lãnh đạo khởi nghĩa – phần lớn là tư sản– sợ phong trào đấu tranh của quần chúng lên cao, vội vã thương lượng với triều đình Mãn Thanh. Các nước đế quốc cũng ép họ phải thỏa hiệp. Kết quả là vua Thanh thoái vị nhưng Viên Thế Khải – một đại thần của triều đình quân phiệt – được làm Tổng thống. Tôn Trung Sơn bị buộc phải từ chức.

Trên thực tế, cách mạng đến đó chấm dứt. Các thế lực quân phiệt phong kiến phản động nắm chính quyền.

Cách mạng Tân Hợi về bản chất là một cuộc cách mạng tư sản. Do đấu tranh của đông đảo nhân dân, chế độ quân chủ bị đánh đổ, nền cộng hòa được thành lập. Nhưng tư sản lãnh đạo yếu ớt không thể tiến hành thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến, xóa bỏ ách nô dịch của nước ngoài, giải quyết các quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động.

?

1. Nêu tóm tắt diễn biến Cách mạng Tân Hợi và đánh giá cuộc cách mạng này.

(2)* Lập niên biểu về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống đế quốc phong kiến từ 1850 đến 1911.

III – ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Ấn Độ

Ấn Độ là nước lớn, giàu có, đông dân ở châu Á và có một nền văn hóa lâu đời, có nhiều nghề thủ công truyền thống. Từ đầu thế kỉ XVII,

cuộc tranh giành quyền lực giữa các chúa phong kiến trong nước làm cho Ấn Độ suy yếu. Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây tranh nhau xâm lược Ấn Độ, chủ yếu là Anh và Pháp. Từ giữa thế kỉ XVIII, Anh độc chiếm và cai trị Ấn Độ.

Sự thống trị của thực dân làm bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa chống Anh của nhân dân Ấn Độ vào giữa thế kỉ XIX, một cuộc khởi nghĩa lớn thu hút đông đảo nhân dân nổ ra, lan rộng khắp miền Bắc và một phần miền Trung Ấn Độ (1857–1859). Tuy bị đàn áp dã man, song cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ấn Độ vẫn không ngừng nổ ra.

Vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, đế quốc Anh tăng cường bóc lột Ấn Độ, làm nạn đói càng thêm trầm trọng (trong những năm 1890, có 18 triệu người Ấn Độ chết đói). Nhiều cuộc đấu tranh chống đế quốc Anh liên tiếp nổ ra. Giai cấp tư sản Ấn Độ là người tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh. Năm 1885, Đảng Quốc dân đại hội – gọi tắt là Đảng Quốc đại, chính đảng của giai cấp tư sản dân tộc Ấn Độ, được thành lập. Trong Đảng Quốc đại có hai khuynh hướng khác nhau. Một phái có khuynh hướng cải lương, thỏa hiệp với thực dân Anh. Một bộ phận, do Ti-lắc cầm đầu, chống lại đường lối cải lương và phát động phong trào đấu tranh chống Anh của công nhân và nông dân Ấn Độ.

Năm 1899, cuộc đấu tranh chính trị đầu tiên của vô sản Bom-bay nổ ra. Năm 1906, công nhân đường sắt Ben-gan tổng bãi công. Phong trào tẩy chay hàng hóa Anh rầm rộ khắp nơi trong nước. Nhiều cuộc xung đột vũ trang nhỏ với cảnh sát và quân đội Anh dẫn tới cuộc khởi nghĩa ở Pun-giap. Nghĩa quân chiếm được các cơ quan nhà nước, ga xe lửa... nhưng không thắng lợi lâu dài.

Năm 1908, nhân việc Ti-lắc bị kết án đi đày khổ sai, một làn sóng biểu tình phản đối bùng nổ khắp Ấn Độ. Thực dân Anh đàn áp rất dã man.

Các cuộc đấu tranh lần lượt bị thất bại song phong trào yêu nước chống Anh của nhân dân Ấn không bị dập tắt.

?

– Những hậu quả của sự thống trị của Anh ở Ấn Độ ?

– Cuộc đấu tranh chống Anh của nhân dân Ấn Độ diễn ra như thế nào ? Kết quả ?

2. Các nước Đông Nam Á

Đông Nam Á là vùng có nền văn minh lâu đời, giàu có, có vị trí chiến lược quan trọng. Thực dân phương Tây đã lần lượt xâm chiếm các nước này, biến các nước thành thuộc địa. Chúng tiến hành các chính sách cai trị cổ truyền – vơ vét, đàn áp, chia để trị. Giai cấp phong kiến trong từng nước đã đầu hàng, làm tay sai cho thực dân.

Cuộc đấu tranh của nhân dân chống xâm lược, giải phóng dân tộc phát triển liên tục rộng khắp.

In-đô-nê-xi-a, một thuộc địa sớm nhất của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á, bị bóc lột rất tàn khốc. Phong trào yêu nước không ngừng nổ ra. Vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời, thu hút nhân dân tham gia. Từ sau 1905, nhiều tổ chức công đoàn được thành lập và bước đầu truyền bá chủ nghĩa Mác vào In-đô-nê-xi-a.

Ở Phi-lip-pin, cuộc đấu tranh chống Mĩ thống trị cũng rất mạnh mẽ. Nhiều người yêu nước Phi-lip-pin đã hi sinh anh dũng.

Ở bán đảo Đông Dương, công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp là kẻ thù chung của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia sớm phát triển và có những thể hiện bước đầu *liên minh chiến đấu* của ba dân tộc.

Sau khi chiếm Nam Kì, thực dân Pháp dùng vũ lực buộc vua Nô-rô-đôm kí điều ước thừa nhận Pháp bảo hộ Cam-pu-chia. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân nổ ra ở Ta-keo (1864 – 1865), Crachê (1866 – 1867), vùng Tây Bắc (1907). Trong các cuộc chiến đấu này, đều có sự phối hợp giữa nghĩa quân Cam-pu-chia và Việt Nam.

Năm 1893, Pháp buộc Xiêm (Thái Lan) phải thừa nhận nền đô hộ của Pháp ở Lào. Từ đầu thế kỉ XX, nhân dân Lào nhiều lần khởi nghĩa chống Pháp, vang dội nhất là các cuộc đấu tranh ở Xa-vẳn-nà-khệt (1901), ở cao nguyên Bô-lô-ven (1901 – 1907). Trong các cuộc khởi nghĩa này, nhân dân Lào đã liên kết chiến đấu với nhân dân Việt Nam vùng Tây Nguyên.

?

1. Dùng bản đồ trình bày tình hình các nước Đông Nam Á trước năm 1914.

2. Nêu những biểu hiện bước đầu hình thành liên minh ba nước Đông Dương cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

3* Phân biệt thế nào là "nước thuộc địa" với "nước nửa thuộc địa" qua tài liệu trong bài học.

(4). Lập niên biểu về những sự kiện quan trọng trong phong trào chống thực dân đế quốc ở các nước châu Á.

Bài 10

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

I – NGUYÊN NHÂN VÀ GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT CỦA CHIẾN TRANH (1914 - 1916)

truongxua.vn

1. Nguyên nhân, tính chất của cuộc chiến tranh

Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc đưa tới sự thành lập hai khối quân sự kình địch nhau: khối "Liên minh" gồm Đức, Áo – Hung và khối "Hiệp ước" gồm Anh, Pháp, Nga. Cuộc đấu tranh gay gắt để chia lại thế giới, việc chạy đua vũ trang giữa hai khối dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Gây ra chiến tranh, các cường quốc đế quốc, ngoài mục đích xâm chiếm đất đai, còn nhằm lợi dụng tình hình chiến tranh để tăng cường đàn áp phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc.

Ngày 28-7-1914, Áo – Hung đánh chiếm Xec-bi, là nước được khối Hiệp ước ủng hộ, châm ngòi cho chiến tranh. Ngày 1-8, Đức tuyên chiến với Nga và ngày 3-8 với Pháp. Ngày 4-8, Anh tuyên chiến với Đức.

Lúc đầu, chỉ có 5 cường quốc châu Âu tham gia chiến tranh, dần dần 38 nước trên thế giới và nhiều thuộc địa của các đế quốc bị thu

hút vào chiến sự. Chiến tranh diễn ra ở nhiều nơi trên nhiều lục địa, biển và đại dương, song chiến trường chính vẫn là châu Âu.

Chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh đế quốc, xâm lược, phi nghĩa đối với cả hai bên tham chiến. Bọn đế quốc tất cả các nước, chủ yếu là Anh và Đức, là thủ phạm gây ra cuộc chiến tranh này.

?

– Vì sao gọi cuộc chiến tranh 1914 – 1918 là chiến tranh thế giới ?

– Ai gây ra chiến tranh? Vì sao chúng gây ra chiến tranh ?

2. Giai đoạn thứ nhất của cuộc chiến tranh (1914 – 1916)

Chiến tranh thế giới thứ nhất có thể chia làm hai giai đoạn : 1914 – 1916 và 1917 – 1918.

Khởi đầu, Đức chớp nhoáng đánh chiếm Bỉ – một nước trung lập – rồi tấn công ồ ạt vào Pháp, uy hiếp Pa-ri. Quân Pháp có nguy cơ bị tiêu diệt. Nhưng lúc đó, ở mặt trận Đông Âu, quân Nga tấn công vào Đông Phổ, buộc Đức rút bớt quân ở mặt trận Tây Âu. Nhờ thế, Anh, Pháp chuyển sang phản công.

Đến cuối năm 1914, ở mặt trận phía Tây, chiến sự tạm lắng. Quân hai bên rút xuống chiến hào, cầm cự dai dẳng. Tuy nhiên, Đức chiếm được Bỉ và 10 quận giàu có ở Đông Bắc Pháp.

Năm 1915, Đức dồn lực lượng sang mặt trận phía Đông cùng với quân Áo – Hung, tấn công quyết liệt Nga, hòng buộc Nga kí hòa ước riêng rẽ với mình nhưng không thành công. Đến cuối năm 1915, quân hai bên ở vào thế cầm cự.

Năm 1916, Đức lại quay sang hoạt động mạnh ở mặt trận phía Tây, mở chiến dịch tấn công pháo đài Vec-đoong của Pháp từ tháng 2 đến tháng 8. Chiến dịch này làm cho cả hai bên tổn thất nặng nề: 950000 người bị giết, bị thương và bị bắt. Từ tháng 7 đến tháng 11-1916, quân Anh mở chiến dịch lớn trên sông Xom. Lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh, Anh dùng xe tăng tấn công quân Đức (h.29). Chiến dịch này rất ác liệt, hai bên bị thương vong tới 1300000 người.

Hình 29 – Xe tăng năm 1916

Từ cuối năm 1916, quân Đức và Áo – Hung từ thế chủ động chuyển sang phòng ngự ở cả hai mặt trận Đông, Tây.

uongxua.vn

? – Nêu những sự kiện chứng tỏ trong giai đoạn đầu phe Đức chiếm ưu thế.

3. Cuộc đấu tranh của nhân dân chống chiến tranh, chống đế quốc trong những năm 1914 – 1916

Trong mấy năm đầu chiến tranh, bọn tư bản lái súng thu rất nhiều lãi, nhưng nhân dân lao động ngày càng khốn khổ. Ở Đức, đàn ông từ 16 đến 60 tuổi đều bị đẩy ra mặt trận. Ở Anh, chính phủ cấm công nhân bãi công. Ở các nước tư bản và thuộc địa, phụ thuộc, nạn đói kém xảy ra.

Trong tình hình ấy, phong trào đấu tranh cách mạng lên cao. Bãi công, biểu tình phản đối chiến tranh chống đàn áp, bóc lột lan rộng ở các nước đế quốc. Ở Đức, trong nhiều cuộc biểu tình xuất hiện các khẩu hiệu "Đả đảo chiến tranh", "Hòa bình", "Bánh mì". Ở Pháp, năm 1916, số cuộc bãi công tăng gấp ba lần năm 1915.

Lê–nin và những người Bôn–sê–vich Nga kêu gọi "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng" để giành hòa bình và cải tạo xã

hội, đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân các nước tham chiến và thế giới.

?

1. Trình bày tóm tắt diễn biến chiến sự trong giai đoạn đầu của chiến tranh.
2. Nêu những sự kiện về cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân trong giai đoạn đầu.

II – GIAI ĐOẠN THỨ HAI (1917 – 1918) VÀ KẾT QUẢ CỦA CHIẾN TRANH

1. Chiến sự năm 1917. Ưu thế chuyển sang phe Hiệp ước

Tháng 2-1917, cách mạng dân chủ tư sản Nga lần thứ hai thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ. Cách mạng ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh ở nhiều nước tư bản, thuộc địa và phụ thuộc chống chiến tranh, đòi độc lập. Các nước đế quốc vừa đẩy mạnh chiến tranh, vừa đàn áp phong trào cách mạng trong nước.

Trong những năm đầu, Mĩ chỉ bán vũ khí cho cả hai bên để thu lợi mà không nhảy vào vòng chiến. Qua giai đoạn sau, nhìn rõ Đức sẽ thất bại, Mĩ bèn tham gia chiến tranh về phe Anh – Pháp để chia phần thắng lợi (4-1917).

Từ mùa xuân, chiến sự chủ yếu diễn ra ở mặt trận Tây Âu. Nhưng, sau khi Chính phủ lâm thời Nga – chính phủ tư sản – bất chấp sự phản đối của nhân dân, tiếp tục tham chiến, thì chiến sự lại rộ lên ở mặt trận Đông. Quân Nga liên tiếp thất bại và quân Anh – Pháp cũng không thành công trong việc đè bẹp ngay quân Đức.

?

- Vì sao Cách mạng tháng Hai 1917 ở Nga có ảnh hưởng tới chiến tranh thế giới ?
- Vì sao Mĩ nhảy vào vòng chiến ?

2. Chiến sự năm 1918. Chiến tranh kết thúc

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917 thành công. Nước Nga xô viết tìm cách ra khỏi chiến tranh đế quốc. Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười, phong trào phản chiến ở các nước

tư bản lên cao. Tháng 1-1918, ở Đức, Áo – Hung, công nhân bãi công, hô vang các khẩu hiệu: "Đả đảo chiến tranh !", "Bánh mì và hòa bình !". Ở Pháp, tháng 2 và tháng 3-1918, nhiều cuộc bãi công nổ ra ở các nhà máy quân sự. Tháng 7-1918, 500000 công nhân quốc phòng Anh bãi công. Ở nhiều thuộc địa của Anh – Pháp, phong trào đòi độc lập dân tộc cũng sôi nổi.

Khi nước Nga xô viết kí hòa ước và rút khỏi chiến tranh (3 – 1918), Đức cố gắng mở cuộc phản công lớn ở phía Tây Âu, hi vọng giành thắng lợi trước khi quân Mĩ đến Pháp tham chiến. Mục đích của Đức không đạt.

Ngày 18-7-1918, quân Anh – Pháp bắt đầu phản công. Trong hai tuần, hàng trăm nghìn lính Đức bị loại khỏi vòng chiến đấu.

Tháng 9 – 1918, quân Anh – Pháp – Mĩ chuyển sang tổng tấn công ở khắp mặt trận. Quân Đức rút khỏi Pháp và Bỉ. Thế nguy, các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng. Bun-ga-ri đầu hàng ngày 29-9-1918, rồi Thổ Nhĩ Kì tháng 10-1918. Ngày 3-11-1918 đến lượt quân Áo – Hung hạ vũ khí.

uongxua.vn

Ngày 9-11-1918, cách mạng bùng nổ ở Đức, lật đổ nền quân chủ và thành lập chế độ cộng hòa.

Rạng sáng ngày 11-11-1918, mặc dù quân Anh – Pháp – Mĩ chưa tiến vào được đất Đức, chính phủ mới ở Đức kí hiệp ước đầu hàng không điều kiện. 11 giờ trưa hôm đó, các hoạt động quân sự chấm dứt trên mọi mặt trận.

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đức và Áo – Hung.

?

- Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đến chiến tranh đế quốc ?
- Chiến tranh kết thúc ra sao ?

3. Kết quả của chiến tranh

Ngoài hòa ước với Đức được kí ở Vec-xai (Pháp), các nước phe Hiệp ước còn kí hiệp ước với Áo – Hung, Thổ Nhĩ Kì, Bun-ga-ri. Các nước

bại trận phải chịu những điều khoản rất nặng nề. Đức phải trả cho Pháp, Bỉ, Ba Lan một số vùng đất, trao cho Nhật thuộc địa của Đức ở Trung Quốc, trao cho Anh, Pháp, Bỉ các thuộc địa ở châu Phi, phải bồi thường chiến tranh nặng nề, hạn chế quân đội về mọi mặt...

Ở Trung, Đông Âu, biên giới nhiều nước được điều chỉnh lại, một số quốc gia mới xuất hiện như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung-ga-ri, Nam Tư...

Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây nhiều tổn thất lớn: 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương. Số tiền chi phí cho chiến tranh của các nước tham chiến khoảng 85 tỉ đô la. Nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, cầu cống, nhà máy bị phá hủy.

Mọi gánh nặng chiến tranh đè trên lưng nhân dân lao động. Đời sống họ càng thêm khổ cực. Trong khi đó, giai cấp tư sản ở các nước thắng trận cũng như bại trận, thu những món lãi lớn. Mĩ thu được nhiều lợi nhuận nhất, trở thành chủ nợ của Tây Âu (h.30).

Phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân các thuộc địa và phụ thuộc không ngừng phát triển mà nổi bật là thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

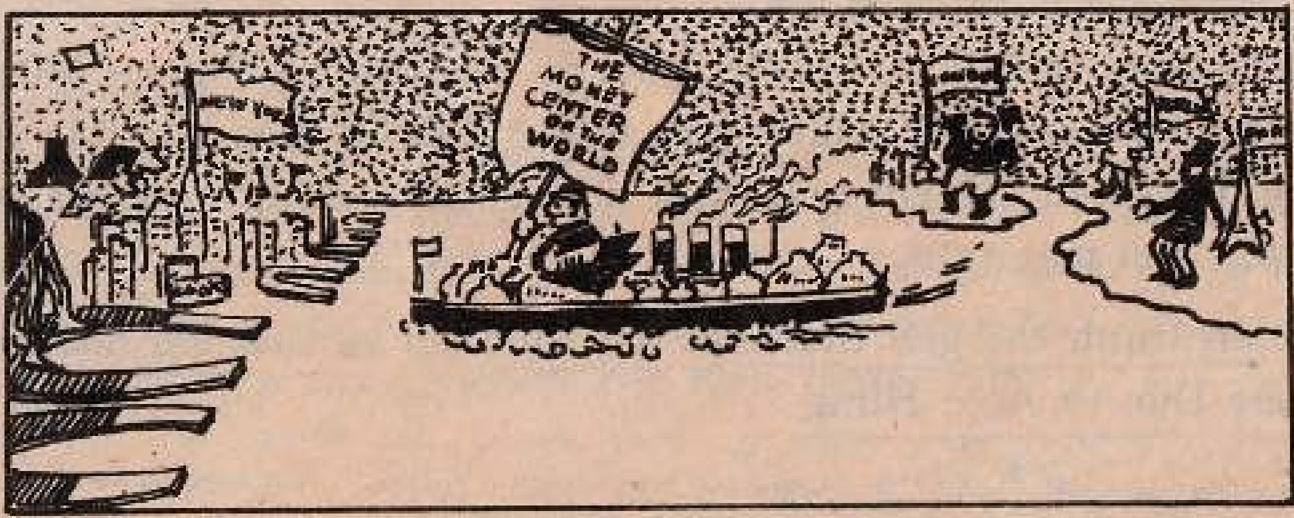

Hình 30 – Mĩ giàu to nhờ chiến tranh

?

1. Tổn thất cho nhân loại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra ?

2. Mĩ lợi dụng chiến tranh như thế nào ?

(3)*. Lập bảng diễn biến chiến tranh.

CHƯƠNG III

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGA VĨ ĐẠI

Bài 11

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGA VĨ ĐẠI

I – CÁCH MẠNG THÁNG HAI 1917. CÔNG CUỘC CHUẨN BỊ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

uongxua.vn

1. Cách mạng tháng Hai 1917

Sau Cách mạng 1905 – 1907 thất bại, trong nước bắt đầu thời kì phản động mới. Nga hoàng tăng cường khủng bố, đàn áp công nhân, nông dân và những người Bôn–sê–vich. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn–sê–vich và Lê–nin, giai cấp vô sản và toàn thể nhân dân Nga chuẩn bị một cuộc cách mạng mới. Đến mùa hè 1914, phong trào cách mạng lại bắt đầu lên cao. Nhiều cuộc bãi công đã có quy mô lớn hơn năm 1905.

Nhân dân Nga vô cùng chán ghét cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất và căm phẫn Nga hoàng tham gia chiến tranh, đưa đất nước đến chỗ suy yếu trầm trọng. Tháng 10 – 1916, ở Pê–tơ–rô–grat [1] 250.000 người tham gia bãi công. Phong trào phản chiến lan rộng trong binh lính ngoài mặt trận.

---

(1) Pê–tơ–rô–grat, trước năm 1914 gọi là Xanh Pê–tec–bua, tên của thủ đô nước Nga trước Cách mạng tháng Mười. Năm 1924, đổi tên là Lê–nin–grat, nay gọi là Xanh Pê–tec–bua.

Cách mạng nổ ra ngày 23-2 (tức 8-3 công lịch(1)) bằng cuộc bãi công của công nhân nhà máy Pu-ti-lốp. Ngày 25-2 (10-3), cuộc tổng bãi công bắt đầu. Binh lính ngả về quần chúng khởi nghĩa. Chiến lũy mọc lên khắp nơi trong thành phố. Ngày 27-2 (12-3), xô viết đại biểu công nhân và binh sĩ Pê-tơ-rô-grat họp. Vì những người Bôn-sê-vích còn ở nước ngoài hoặc trong tù đầy nên các đảng tiểu tư sản nắm quyền lãnh đạo xô viết và ủng hộ chính quyền tư sản thay cho chế độ Nga hoàng.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grat lan rộng cả nước. Các xô viết nông dân và binh lính ra đời khắp nơi. Ngày 2-3 (15-3), Chính phủ lâm thời tư sản được thành lập.

Cách mạng tháng Hai 1917 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ hai ở Nga đã lật đổ chế độ Nga hoàng. Song nhiệm vụ của giai cấp vô sản Nga không chỉ là thanh toán chế độ Nga hoàng mà còn phải lật đổ cả sự thống trị của giai cấp tư sản, cho nên cuộc đấu tranh cách mạng còn tiếp diễn.

thuongmaitr

?

- Nêu diễn biến Cách mạng tháng Hai 1917.
- Vì sao giai cấp công nhân Nga chưa nắm được chính quyền trong Cách mạng tháng Hai ?

2. Công cuộc chuẩn bị cách mạng xã hội chủ nghĩa

Sau Cách mạng tháng Hai 1917, trong nước tồn tại hai chính quyền song song. Chính phủ lâm thời và các xô viết công nhân, nông dân, binh lính mà xô viết Pê-tơ-rô-grat có tính cách đại diện cho các xô viết như một chính phủ.

Tối 3-4 (16-4), Lê-nin từ Thụy Sĩ về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngay hôm sau (17-4), Lê-nin đã trình bày trong hội nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng Bôn-sê-vích những luận điểm cơ bản để chuyển cuộc cách mạng từ giai đoạn dân chủ tư sản sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa.

---

(1) Ở Nga, trước tháng 3 - 1918, dùng lịch cũ, so với công lịch chậm hơn 13 ngày.

Đó là Luận cương tháng Tư. Người chủ trương : "Tất cả chính quyền về tay các xô viết", tức phải thủ tiêu chế độ hai chính quyền song song, tịch thu và quốc hữu hóa ruộng đất của địa chủ, xí nghiệp lớn của tư sản.

Chính phủ lâm thời tư sản tiếp tục tham gia chiến tranh đế quốc, chống lại nguyện vọng cấp thiết của nhân dân lúc bấy giờ là hòa bình, ruộng đất và bánh mì, chống lại Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích.

Nhân dân đấu tranh chống lại chính phủ tư sản. Ngày 3-7 (16-7), một đoàn biểu tình hòa bình của công nhân và nông dân kéo tới trung tâm Pê-tơ-rô-grat, yêu cầu chính phủ lâm thời trao chính quyền cho các xô viết. Chính phủ lâm thời ra lệnh bắn vào đoàn biểu tình, đồng thời khủng bố Đảng Bôn-sê-vích và truy nã Lê-nin. Người buộc phải rút vào hoạt động bí mật.

Chính phủ lâm thời đã lộ rõ bộ mặt cực kì phản động. Tình trạng hai chính quyền song song tồn tại đã chấm dứt. Cuộc đấu tranh cách mạng tiến hành trong điều kiện mới.

?

1. Qua những sự kiện về Cách mạng tháng Hai, phân tích nguyên nhân bùng nổ và tính chất của nó.

2*. Chế độ hai chính quyền song song tồn tại ra đời như thế nào ?

(3). Nội dung cơ bản của Luận cương tháng Tư ?

II - CUỘC KHỞI NGHĨA VŨ TRANG VÀ THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI 1917

1. Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grat

Cuối tháng 7 - 1917, Đại hội lần thứ VI của Đảng Bôn-sê-vích họp bí mật, thông qua đường lối khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Mùa thu 1917, cao trào cách mạng mới bắt đầu. Điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi. Đầu tháng 10, Lê-nin bí mật rời Phần Lan về Pê-tơ-rô-grat, vạch kế hoạch và trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Tối 24-10 (6-11), từ bộ tham mưu cách mạng đặt ở viện Xmôn-nưi, Lê-nin ra lệnh khởi nghĩa.

Sáng 25-10 (7-11), tất cả Pê-tơ-rô-grat nằm trong tay quân khởi nghĩa, trừ Cung điện Mùa Đông, nơi Chính phủ lâm thời tụ tập. Tối hôm ấy, tuần dương hạm Rạng đông đỗ bên bờ sông Nê-va nổ súng lệnh tấn công vào Cung điện Mùa Đông. Các đội Cận vệ đỏ thủ đô, phần lớn là công nhân, dũng cảm vượt qua lưới lửa đạn của kẻ thù, tiến sát vào Cung điện Mùa Đông, hang ổ cuối cùng của giai cấp tư sản.

2 giờ 40 phút sáng ngày 26-10 (8-11), cuộc tấn công chiếm Cung điện Mùa Đông kết thúc. Trừ Kê-ren-xki, Chính phủ lâm thời tư sản bị bắt. Cuộc khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grat hoàn toàn thắng lợi.

? – Tường thuật diễn biến cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grat.

2. Chính quyền xô viết thành lập. Các sắc lệnh về hòa bình và về ruộng đất

thuongmaitr

Lúc cuộc khởi nghĩa đang diễn ra quyết liệt, vào 10 giờ 40 phút ngày 25-10 (7-11), Đại hội xô viết toàn Nga lần thứ hai đã khai mạc trọng thể tại viện Xmôn-nưi.

Đại hội thông qua nghị quyết thành lập Hội đồng ủy viên nhân dân, tức Chính phủ xô viết đầu tiên, do Lê-nin đứng đầu. Đó là chính phủ chân chính đại diện cho quyền lợi của công nhân và nhân dân lao động.

Đại hội còn thông qua hai sắc lệnh lịch sử: Sắc lệnh về hòa bình và Sắc lệnh về ruộng đất.

Sắc lệnh về hòa bình coi chiến tranh là "một tội ác lớn nhất đối với loài người", kêu gọi chính phủ và nhân dân các nước sẵn sàng kí kết ngay một bản hòa ước hòa bình theo những điều kiện công bằng cho các dân tộc – không có thôn tính và không có bồi thường. Không những nhân dân trong nước mà nhân dân nhiều nước khác vui mừng, hoan nghênh chào đón Sắc lệnh hòa bình. Chỉ có bọn đế quốc hiếu chiến ra sức xuyên tạc và chống lại sắc lệnh này.

Sắc lệnh về ruộng đất quyết định tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ không phải bồi thường và chuyển giao toàn bộ ruộng đất đó vào tay nhân dân. Lần đầu trong lịch sử, nông dân làm chủ ruộng đất, thoát khỏi cảnh nộp tô thuế nặng nề. Nhân dân lao động, trước hết là nông dân, phấn khởi hoan nghênh sắc lệnh này.

? – Phân tích nội dung cách mạng của Sắc lệnh về hòa bình và Sắc lệnh về ruộng đất.

3. Cách mạng lan rộng trong cả nước. Hòa ước với Đức

Cuộc khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grat tiến hành nhanh chóng và hầu như không đổ máu. Song cuộc đấu tranh vũ trang ở Mat-xcơ-va lại diễn ra gay go, ác liệt, vì sự chống đối điên cuồng của các lực lượng phản cách mạng. Cuối cùng, chính quyền xô viết được thành lập ở Mat-xcơ-va đêm ngày 2 rạng mồng 3-11 (16-11).

Sau Pê-tơ-rô-grat và Mat-xcơ-va, cách mạng xã hội chủ nghĩa lan rộng và giành thắng lợi ở nhiều nơi khác. Cho đến mùa xuân năm 1918, chính quyền xô viết được thành lập trong nước, từ biển Trắng đến biển Đen, từ các biên giới miền Tây đến bờ Thái Bình Dương.

truongxua.vn

Cuộc chiến tranh thế giới vẫn tiếp diễn. Ngày 8-11 (21-11), thực hiện Sắc lệnh về hòa bình, Chính phủ xô viết đã đề nghị Chính phủ các nước tham chiến đàm phán hòa bình. Chính phủ các nước Anh, Pháp, Mĩ không trả lời đề nghị của Chính phủ xô viết, song nhân dân các nước này và nước Đức rất hoan nghênh. Nhiều cuộc biểu tình diễn ra trong các thành phố Anh, Pháp, Mĩ, Đức ủng hộ đề nghị hòa bình của Chính phủ xô viết.

Trong tình hình ấy, Lê-nin chủ trương kí ngay hòa ước riêng với nước Đức để rút nước Nga ra khỏi chiến tranh và củng cố chính quyền xô viết mới thành lập. Ngày 3-3-1918, hòa ước được kí với Đức. Ngày 16-3, Đại hội xô viết bất thường lần thứ tư phê chuẩn văn kiện này.

Nhờ chấm dứt chiến tranh, nước Nga xô viết tranh thủ được một thời gian hòa hoãn để củng cố và xây dựng lực lượng của mình về mọi mặt nhằm đối phó với mọi tình thế khó khăn có thể xảy ra.

? 1*. Phân tích chủ trương sáng suốt của Lê-nin về việc kí hiệp ước hòa bình với Đức.

(2). Lập niên biểu về các sự kiện lớn xảy ra trong Cách mạng tháng Mười (từ khởi nghĩa Pê-tơ-rô-grat đến kí hòa ước với Đức).

III - CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

1. Cuộc can thiệp vũ trang của các nước đế quốc và cuộc nổi loạn của bọn phản cách mạng trong nước

Sau Cách mạng tháng Mười thắng lợi, các nước đế quốc ủng hộ và câu kết với bọn phản động trong nước (tướng tá Nga hoàng, bọn tư sản...) mưu toan lật đổ chính quyền xô viết. Đó là thời kì đấu tranh gay go để bảo vệ nước Nga xô viết, chống thù trong, giặc ngoài.

Từ đầu năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Nhật, Mĩ, Đức...) lần lượt vũ trang can thiệp vào nước Nga xô viết. Tháng 3-1918,

thuongmaitr

Hình 31 - Đế quốc và nội phản chống chính quyền xô viết

quân Anh đổ bộ lên Muốc-man-xcơ. Quân Nhật, lính thủy đánh bộ Mĩ nối nhau vào Vla-đi-vô-xtốc. Quân Anh còn xâm nhập vùng Trung Á và Ngoại Cap-ca-dơ. Quân đội Đức vẫn chiếm đóng U-crai-na, Bi-ê-lô-ru-xi-a, vùng biển Ban-tích.

Bọn tướng tá của Nga hoàng được Anh, Pháp giúp đỡ, nổi dậy chống chính quyền xô viết ở nhiều nơi. Quân đội tướng Côn-sắc chiếm đóng những vùng rộng lớn ở Xi-bia và U-ran. Tướng Đê-ni-kin chỉ huy quân đội phản cách mạng từ miền Nam tiến đánh Mat-xcơ-va (1).

Nước Nga xô viết bị phong tỏa, chia cắt, lâm vào tình thế thất khó khăn (h.31).

? – Các nước đế quốc câu kết với bọn phản cách mạng trong nước tấn công hòng bóp chết nước Nga xô viết như thế nào ?

2. Xây dựng và củng cố chính quyền xô viết

Kinh tế nước Nga lúc bấy giờ suy sụp. Nạn đói, bệnh tật hoành hành. Sản lượng công nghiệp chỉ còn bằng 1/7 năm 1913. Công nhân Mat-xcơ-va và Pê-tơ-rô-grat mỗi ngày chỉ được phát 50 gam bánh mì. Sau đó cũng không có bánh mì để phát.

Trước tình hình ấy, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích kiên quyết lãnh đạo nhân dân xây dựng và củng cố chính quyền xô viết vững mạnh.

Trên cơ sở tôn trọng quyền lợi người lao động, sự bình đẳng và tự nguyện đoàn kết xây dựng xã hội mới của các dân tộc, hiến pháp mới được ban hành năm 1918.

Các đơn vị Hồng quân chính quy được thành lập. Lực lượng quốc phòng của toàn dân được củng cố để bảo vệ Tổ quốc.

Trong tình thế gay go của đất nước, chính quyền xô viết thi hành *chính sách cộng sản thời chiến*. Chính sách quy định Nhà nước quốc hữu hóa các xí nghiệp công nghiệp, giao thông vận tải, ngân hàng tư nhân, trưng thu lương thực thừa của nông dân, quản lí và phân phối lương thực, thực phẩm, bất buộc mọi người phải lao động v.v...

---

(1) Từ tháng 3-1918, Mat-xcơ-va trở thành thủ đô của nước Nga xô viết.

uongxua.vn

Tuy nhiên, Chính phủ vẫn tiến hành kế hoạch lâu dài, to lớn, để phát triển kinh tế vững mạnh và giáo dục, tổ chức nhân dân lao động cộng sản chủ nghĩa, xây dựng đất nước (h.32).

? – Nội dung chính sách cộng sản thời chiến là gì ?

Hình 32 – Lê-nin tham gia lao động cộng sản

thuongmaitr

3. Chiến thắng thù trong giặc ngoài

Cùng với việc củng cố chính quyền xô viết, khôi phục và phát triển kinh tế, việc bảo vệ đất nước chống thù trong giặc ngoài thu được thắng lợi lớn.

Tháng 4-1919, bọn phản cách mạng Côn-sác, tuy được các đế quốc hết sức giúp đỡ mọi mặt, bị tiêu diệt. Mùa hè năm ấy, quân đội của tên tướng I-u-đê-nhich bị đánh bật ra khỏi biên giới phía Bắc. Năm 1920, bọn Đê-nhi-kin ở miền Nam hoàn toàn thất bại. Tháng 10-1919, cuộc tấn công của 14 nước vào nước Nga xô viết bị đánh tan. Anh, Pháp, Mĩ lần lượt rút quân về nước. Năm 1922, quân Nhật rút sau cùng. Nước Nga xô viết được bảo vệ và giữ vững.

? – Thế lực phản cách mạng lần lượt bị đánh tan như thế nào ?

4. Ý nghĩa lịch sử vĩ đại của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga 1917

Cách mạng tháng Mười Nga 1917 thắng lợi do sự đấu tranh anh hùng của công nhân và nhân dân lao động trong đế quốc Nga, được sự lãnh đạo tài tình của Đảng Bôn-sê-vích do Lê-nin đứng đầu.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với nước Nga và thế giới. Nó đã thủ tiêu chính quyền của giai cấp tư sản, thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết. Nó đem lại nhiều bài học quý báu cho cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động, quan trọng nhất là sự lãnh đạo của Đảng mác-xít lê-nin-nít.

Cách mạng tháng Mười mở đầu một thời đại mới trong lịch sử loài người. "Như ánh mặt trời rạng đông xua tan bóng tối, cuộc Cách mạng tháng Mười đã chiếu rọi ánh sáng mới vào lịch sử loài người" (Hồ Chí Minh).

uongxua.vn

?

1. Ý nghĩa lịch sử Cách mạng tháng Mười vĩ đại ở chỗ nào ?

2*. Những bài học sâu sắc của Cách mạng tháng Mười ?

(3). Hãy sưu tầm những tranh ảnh về Cách mạng tháng Mười.

50

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

1. Nội dung và sự phân kì lịch sử thế giới cận đại

Học tập lịch sử thế giới cận đại là tìm hiểu quá trình hình thành, phát triển và bắt đầu suy sụp của chủ nghĩa tư bản – hình thái kinh tế xã hội có giai cấp đối kháng cuối cùng của lịch sử loài người. Lịch sử thế giới cận đại mở đầu với cuộc Cách mạng tư sản Anh giữa thế

kỉ XVII và chấm dứt với cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga 1917.

Gần 300 năm lịch sử ấy của chế độ tư bản chia làm hai thời kì lớn: 1) Thời kì chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do (1640 – 1870) ; 2) Thời kì chủ nghĩa tư bản độc quyền, còn gọi là chủ nghĩa đế quốc (1871 – 1918).

2. Sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản

Trong thời kì thứ nhất (1640 – 1870), quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời kìm hãm sự phát triển của xã hội đã lần lượt bị lật đổ bằng một loạt những cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới những hình thức khác nhau. Đó là Cách mạng tư sản Anh (giữa thế kỉ XVII); Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ (1775 – 1783) ; Đại cách mạng Pháp (cuối thế kỉ XVIII); Vận động thống nhất ở I-ta-li-a, ở Đức ; Cải cách nông nô ở Nga; Duy tân ở Nhật (giữa thế kỉ XIX)... Đến khoảng năm 1870, chủ nghĩa tư bản đã thắng lợi và được xác lập ở khắp các nước phát triển nhất. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thay thế cho phương thức sản xuất phong kiến.

?

– Trong thời kì thứ nhất của lịch sử thế giới cận đại, cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chế độ tư bản và chế độ phong kiến đã diễn ra như thế nào ? Kết quả ?

3. Vai trò của giai cấp tư sản và của quần chúng nhân dân

Trong buổi đầu của chế độ mới, giai cấp tư sản còn là một giai cấp cách mạng. Trong nhiều cuộc cách mạng tư sản, nó đã lãnh đạo nhân dân lật đổ chế độ phong kiến. Sau khi giành được chính quyền, giai cấp tư sản đã có công thúc đẩy sức sản xuất phát triển phi thường, thể hiện tính hơn hẳn của xã hội tư bản so với xã hội phong kiến.

Nhưng trong các cuộc cách mạng tư sản và trong sự tiến bộ xã hội, quần chúng lao động đông đảo mới thực là lực lượng quan trọng bậc nhất. Những cuộc khởi nghĩa của nông dân và bình dân thành thị trước khi nổ ra cách mạng tư sản đã làm lung lay đến tận gốc chế độ phong kiến. Tới khi cách mạng tư sản bùng nổ, quần chúng lao động lại là động lực chủ yếu đẩy cách mạng tiến tới, nhiều khi vượt quá ý định của giai cấp tư sản. Bởi vậy, tùy theo mức độ tham gia của quần chúng mà người ta có thể đánh giá được trình độ triệt để hay không của từng cuộc cách mạng tư sản. Tuy nhiên, chỉ khi được tổ chức và lãnh đạo, quần chúng mới có thể phát huy được hết sức mạnh của mình.

? – Đánh giá vai trò của giai cấp tư sản và quần chúng nhân dân trong những cuộc cách mạng tư sản.

uongxua.vn

4. Giai cấp vô sản là người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản

Ngay từ đầu thế kỉ XIX, khi chủ nghĩa tư bản còn đang đi lên, những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản đã bộc lộ hết sức rõ rệt. Đó là những cuộc khủng hoảng kinh tế có tính chất chu kì và sự tăng tiến của phong trào công nhân. Giai cấp vô sản ngày càng nhận rõ lợi ích giai cấp của mình, đấu tranh chống giai cấp tư sản trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, tư tưởng.

Với sự sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học, C. Mác và Ph. En-ghen đã chỉ cho giai cấp vô sản thấy rõ sứ mạng lịch sử của họ là "người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản", và cung cấp cho giai cấp vô sản một vũ khí lí luận cực kì sắc bén để tự giải phóng và giải phóng cho cả nhân loại bị áp bức. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, giai cấp vô sản càng trưởng thành và cuộc đấu tranh ngày càng có tổ chức và có ý thức của họ chính là động lực đẩy chủ nghĩa tư bản đi đến tan vỡ không gì cứu vãn được.

? – Ai là người chỉ cho giai cấp vô sản thấy rõ sứ mạng lịch sử của mình ? Sứ mạng lịch sử đó là gì ?

5. Sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản

Giai cấp tư sản không bao giờ chỉ thỏa mãn với sự áp bức bóc lột nhân dân nước mình, mà còn tìm cách mở rộng sự áp bức bóc lột ra nhân dân các nước khác. Bởi vậy, ngay từ rất sớm, chúng đã tiến hành xâm lược ở tất cả mọi nơi, đặc biệt ở châu Á, châu Phi, Mĩ la tinh, biến các nước chậm tiến ở đây thành thuộc địa và nửa thuộc địa.

Đến đâu, bọn tư bản thực dân cũng cấu kết với các thế lực phản động địa phương để làm chỗ dựa và áp bức bóc lột dã man nhân dân lao động ở đấy. Thậm chí ở nhiều nơi như ở châu Mĩ và ở các đảo thuộc châu Đại Dương, bọn thực dân da trắng còn tiêu diệt đến tuyệt chủng nhân dân bản địa. Chúng lại tận lực cướp bóc, vơ vét và tàn phá tài nguyên thiên nhiên phong phú của các nước, làm cho nhiều vùng trở nên xơ xác.

Tội ác đẫm máu của bọn tư bản thực dân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc không bút nào tả xiết. Cho nên ở bất cứ chỗ nào, hễ vừa đặt chân tới là chúng lập tức vấp phải sự phản kháng kịch liệt và dẻo dai của nhân dân ở đó. Chủ nghĩa thực dân chính là những trang đen tối nhất trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

thuongmaitr

?

– Động cơ nào thúc đẩy các nước tư bản đi xâm lược và xâm lược ở những đâu ? Thủ đoạn xâm lược quen thuộc của bọn thực dân? Hãy nêu thái độ của nhân dân ở các nước bị xâm lược.

6. Chủ nghĩa tư bản tiến sang giai đoạn tột cùng : chủ nghĩa đế quốc

Thời kì thứ hai của lịch sử thế giới cận đại được mở đầu bằng cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới: Công xã Pa-ri năm 1871.

Ba mươi năm cuối thế kỉ XIX là lúc chủ nghĩa tư bản "tự do" dần dần chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, tức chủ nghĩa đế quốc. Bước sang thế kỉ XX, chủ nghĩa đế quốc đã hình thành hẳn

ở các nước tư bản tiên tiến. Các tổ chức độc quyền và bọn tài phiệt là kẻ chi phối toàn bộ đời sống kinh tế và chính trị ở Đức, Anh, Pháp, Nga, Mĩ, Nhật... và phát huy ảnh hưởng của nó ra toàn thế giới.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, để thu được lợi nhuận cao nhất, giai cấp tư sản độc quyền và bọn tài phiệt tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước, đẩy mạnh xâm lược thuộc địa và bóc lột tàn nhẫn hơn nhân dân các nước chậm tiến, mãi mãi giữ họ trong vòng lạc hậu tối tăm, song lại che đậy bằng chiêu bài "khai hóa".

Kết quả tất nhiên của tất cả những điều đó là : 1) Mâu thuẫn giữa đế quốc và đế quốc trở nên trầm trọng, đưa đến sự thành lập những khối quân sự chính trị kình địch nhau ; 2) Phong trào giải phóng dân tộc bùng lên mạnh mẽ ở các nước thuộc địa và phụ thuộc ; 3) Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ngày càng có tính chất quần chúng và tự giác. Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã có điều kiện để thắng lợi.

uongxua.vn

Theo V.I. Lê-nin, người kế tục vĩ đại của C. Mác và Ph. En-ghen, người sáng lập ra chính đảng vô sản kiểu mới, thì cách mạng vô sản có thể thành công trước tiên ở một số nước, thậm chí ở trong một nước, và nước ấy không nhất thiết phải là nước tiên tiến nhất. Sau En-ghen, Lê-nin và những người Bôn-sê-vich Nga đã đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh để giữ vững tính chất cách mạng của chủ nghĩa Mác.

Nhìn chung, hồi cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, mọi mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản – mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản, mâu thuẫn giữa đế quốc và thuộc địa, mâu thuẫn giữa đế quốc và đế quốc – được đẩy lên cao độ, đòi hỏi được giải quyết.

Chiến tranh thế giới thứ nhất và Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại là cách giải quyết hợp quy luật các mâu thuẫn trên. Hai sự kiện này đánh dấu thời kì tổng khủng hoảng đầu tiên của chủ nghĩa tư bản và mở ra một kỉ nguyên mới của lịch sử loài người – thời kì lịch sử hiện đại.

?

1. Chủ nghĩa đế quốc đã hình thành hẳn ở các nước tư bản tiên tiến từ bao giờ ? Ai là kẻ nắm vận mệnh của các nước đế quốc ?

(2). Lịch sử thế giới cận đại kéo dài bao lâu, chia làm mấy thời kì và nội dung cơ bản mỗi thời kì ?

(3). Vì sao những mâu thuẫn chủ yếu của chủ nghĩa tư bản lại trở nên gay gắt trong thời kì chủ nghĩa đế quốc ?

---

§90: ôn tập HKI.

§91. Tình hình nhà Lê.

thuongmaitr

MỤC LỤC

Trang

Bài mở đầu – *Mấy nét chính của lịch sử thế giới từ công xã nguyên thủy đến cách mạng Hà Lan* 3

I – Xã hội công xã nguyên thủy 3

II – Xã hội chiếm hữu nô lệ 7

III – Chế độ phong kiến. Sự nảy sinh và bước đầu phát triển của chủ nghĩa tư bản 11

Chương I – THỜI KÌ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bài 1 – *Những thắng lợi bước đầu của giai cấp tư sản* 14

I – Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII 14

II – Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ. Hợp Chúng Quốc châu Mĩ (USA) 19

Bài 2 – *Cách mạng tư sản Pháp (1789 – 1794)* 23

I – Nước Pháp trước cách mạng 23

II – Diễn biến của cách mạng. Ý nghĩa 27

Bài 3 – *Chủ nghĩa tư bản thắng lợi trên phạm vi thế giới* 33

I – Cách mạng công nghiệp và sự phát triển kinh tế ở các nước tiên tiến 33

II – Chủ nghĩa tư bản trở thành hệ thống thế giới 37

Bài 4 – *Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác. Quốc tế thứ nhất* 42

I – Buổi đầu của phong trào công nhân và phong trào cộng sản quốc tế (1760 – 1848) 42

II – Quốc tế thứ nhất từ năm 1864 đến năm 1869 48

Bài 5 – *Sự phát triển của kĩ thuật, khoa học và văn học nghệ thuật từ cuối thế kỉ XVIII đến năm 1870* 51

I – Sự tiến bộ về kĩ thuật 51

II – Sự tiến bộ về khoa học 54

III – Sự phát triển của văn học, nghệ thuật 55

truongxua.vn

Chương II – CHỦ NGHĨA TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

Bài 6 – *Công xã Pa–ri 1871* 58

I – Sự thành lập Công xã 58

II – Công xã Pa–ri – Nhà nước kiểu mới. Ý nghĩa lịch sử 62

Bài 7 – *Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX)* 65

I – Đế quốc Đức, Anh, Pháp, Mĩ 65

II – Đặc điểm và vị trí lịch sử của chủ nghĩa đế quốc 71

Bài 8 – *Phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX* 73

I – Phong trào công nhân quốc tế và Quốc tế thứ hai (1889 – 1914) 73

II – Phong trào công nhân Nga. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất (1905 – 1907) 75

Bài 9 – *Châu Á đứng trước chủ nghĩa thực dân* 78

I – Đế quốc Nhật Bản 78

II – Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX 81

III – Ấn Độ và Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX 84

Bài 10 – *Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)* 87

I – Nguyên nhân và giai đoạn thứ nhất của chiến tranh (1914 – 1916) 87

II – Giai đoạn thứ hai (1917 – 1918) và kết quả của chiến tranh 90

Chương III – CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGA VĨ ĐẠI

Bài 11 – *Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vĩ đại* 93

I – Cách mạng tháng Hai 1917. Công cuộc chuẩn bị cách mạng xã hội chủ nghĩa 93

II – Cuộc khởi nghĩa vũ trang và thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười 1917 95

III – Cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười 98

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI 101

thuongmaitr

uongxua.vn

thuongmaitruongxua.vn

Lịch sử 8

TẬP MỘT

Mã số : 2H805T9

In 60.000 bản, (QĐ.1C) khổ 14,5 x 20,5
tại Nhà máy in Diên Hồng
57 Giảng Võ - Hà Nội.
Số in : 86 - Số XB : 767/130 - 98
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 5 năm 1999.

Giá : 2.500đ